Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Đoàn Thị Bích Hà
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 10
Ngày soạn: 20/9/2026
Ngày dạy: Tuần 4,5,6,7(Tiết 12-21)

Bài 2: VẺ ĐẸP CỦA THƠ CA

Tiết 12-21

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

- Đọc – hiểu các văn bản*:*

VB 1,2,3: Chùm thơ hai-cư (haiku) Nhật Bản

VB 4: Cảm xúc mùa thu (Thu hứng- Đỗ Phủ*)*

VB 5: Mùa xuân chín (Hàn Mặc Tử)

VB 6: Bản hòa âm ngôn từ trong Tiếng thu của Lưu Trọng Lư (Chu Văn Sơn)

- Thực hành đọc – hiểu văn bản: *Cánh đồng* (Ngân Hoa)

2. Thực hành tiếng Việt: Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa

3. Viết: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ

4. Nói và nghe: Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* - **HS biết cách đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình:** + Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình. + Nhận biết, phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình). - **HS biết liên hệ** để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm tho thuộc hai nền văn hóa khác nhau. - **HS biết cách vận dụng** các kiến thức về những yêu cầu sử dụng tiếng Việt để giải quyết các bài tập thực hành về tiếng Việt: Nhận biết được lỗi dùng từ và lỗi về trật tự từ, biết cách sửa những lỗi đó. - **HS viết được** văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm thơ. - **HS biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá)** về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các

	phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; **biết nghe và đánh giá** nội dung thuyết trình của bạn. *Năng lực số:* 3.1.NC1a. HS sử dụng công nghệ số để thu thập và xử lí thông tin (Thông tin về tác phẩm, tác giả, nhận định) 3.2.NC1a. HS quản lí thông tin số và môi trường học tập số cá nhân (Tổ chức, sắp xếp tài liệu phục vụ thuyết trình) 2.1.NC1a. HS tương tác và chia sẻ thông tin số một cách phù hợp và có trách nhiệm (Chia sẻ bài thuyết trình, trao đổi, phản hồi)
II. PHẨM CHẤT - Biết nuôi dưỡng đời sống tâm hồn phong phú, có khả năng rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: GV sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

+ Bảng kiểm đánh giá.

+ Rubric đánh giá.

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **yêu cầu, định hướng** trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết 12,13

Văn bản 1,2,3: Chùm thơ hai-cư (haiku) Nhật Bản

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Đọc

Đọc hiểu nội dung
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà các văn bản thơ hai-cư muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản;
- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề;
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua các văn bản hai-cư;

Đọc hiểu hình thức
- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình).

Liên hệ, so sánh, kết nối
- Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của thơ hai-cư đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá Nhật Bản được thể hiện trong văn bản văn học.

Đọc mở rộng
- Học sinh đọc được một số bài thơ cổ Nhật Bản khác.

2. Phẩm chất
- Yêu mến và trân trọng tinh hoa văn hóa thế giới
- Biết rung động trước cái đẹp, biết nuôi dưỡng để tâm hồn càng thêm phong phú, nhạy bén và tinh tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
- SGK, SGV.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến văn hóa, văn học Nhật Bản, thơ hai-cư, tác giả Ba-sô, Chi-ô, Ít-sa
- Máy chiếu, máy tính, video clip liên quan đến bài học.
- Bảng KWLH, hệ thống câu hỏi định hướng, phiếu học tập…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về thơ hai-cư, tác giả Ba-sô, Chi-ô, Ít-sa
b. Nội dung hoạt động: HS xem video và trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV hướng dẫn HS xem clip về văn hóa đặc sắc Nhật Bản, về một số bức họa thiên nhiên Nhật Bản và nghe bản nhạc cổ *Mùa hoa anh đào* với đàn Koto.
GV gợi dẫn HS cảm nhận về vẻ đẹp Nhật Bản:
Em cảm nhận như thế nào về đất nước, con người, sắc cảnh, văn hóa Nhật Bản?
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
- GV cho 3 HS trả lời theo cảm nhận cá nhân
- GV quan sát, động viên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS nêu cảm nhận của cá nhân.
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về phần trình bày của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, cho điểm và dẫn dắt vào nội dung tiết học:

Họa sĩ dùng màu sắc, đường nét và hình ảnh, âm nhạc dùng thanh âm và tiết tấu, điện ảnh kết hòa mọi chất liệu để người xem như được thực sự du ngoạn nơi đất nước mặt trời mọc. Để từ đó ta thấy một Nhật Bản xinh đẹp, thiên nhiên hùng vĩ nên thơ, con người tài năng, dũng khí, và cũng có lúc thanh tịnh tâm hồn. Dáng nét Nhật Bản mềm mại trong tà kimono, hồn cốt Nhật Bản thanh tao trong thế thiền trà, khí phách Nhật Bản hiên ngang trong tư thế samurai, …

Vậy nhưng có những góc trong thẳm sâu nơi đáy hồn Nhật Bản mà những loại hình nghệ thuật ấy vẫn chưa lột tả hết được, chỉ riêng một thứ nghệ thuật có thể đánh thức được ngũ giác và cả lục giác, nó là âm nhạc, là cả hội họa, là cả điện ảnh,… Đó là tinh hoa Nhật Bản ẩn trong những vần hai-cư nhỏ nhắn duyên dáng mà nên thơ trữ tình

GV đưa bảng KWLH, HS điền 2 cột K và W, các cột còn lại hoàn thiện sau khi học để kích thích khả năng tìm hiểu bài học (tùy thuộc vào năng lực cá nhân của mỗi HS)

K Em biết bài thơ nào ngắn nhất?	W Em muốn biết thêm điều gì về những bài thơ ngắn?	L Điều em đã học được về những bài thơ ngắn?	H Em sẽ tiếp tục nghiên cứu về những bài thơ ngắn theo cách nào?
....	…….....	…..... …….....	…..... …..... ….....

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(... phút)

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu bổ sung tri thức nền và trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về thể loại thơ và thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ; thơ hai-cư, tác giả: Ba-sô, Chi-ô, Ít-sa và văn bản 1,2,3: Chùm thơ hai-cư .

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin tìm hiểu chung về thể loại, tác giả và văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, trò chơi ô chữ

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP **(1) GV hướng dẫn HS tìm hiểu các tri thức ngữ văn SGK tr.43-44** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**	**I. Tìm hiểu chung** Hoàn thành ô chữ 1. _ _ _ _ _ _ _ _ t h ơ 2. _ _ _ _ _ _ _ t h i l u â t 3. _ _ _ _ _ _ t h ơ t r ư t i n h 4. _ _ _ _ _ v â n t h ơ

- GV yêu cầu HS hoàn thành ô chữ bằng cách tìm từ khóa chính xác trả lời câu hỏi:

1. Đây là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định nhằm làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ để diễn tả những tình cảm mãnh liệt hoặc ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới (Thơ)

2. Là một khái niệm chỉ toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hòa thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong cả bài thơ (Thi luật)

3. Đây là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình. (Thơ trữ tình)

4. Điều này tạo nên sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ; có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ. (Vần thơ)

5. Đây là khái niệm chỉ các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là những ấn tượng thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc. (Hình ảnh thơ)

6. Đây là khái niệm chỉ những điểm ngắt hay ngừng theo chu kỳ nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí, chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống

5.						h	i	n	h	a	n	h	t	h	ơ
6.					n	h	i	p	đ	i	ê	u			
7.							n	h	a	c	đ	i	ê	u	
8. n	h	â	n	v	â	t	t	r	ư	t	i	n	h		

1. Thơ và thơ trữ tình

1.1. Thơ: là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định nhằm làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ để diễn tả những tình cảm mãnh liệt hoặc ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới.

1.2. Thơ trữ tình: là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

2. Nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình)

là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó, cũng là người có mối liên hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả.

3. Hình ảnh thơ

là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là những ấn tượng thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

4. Vần thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ

4.1. Vần thơ: sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ; có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ.

4.2. Nhịp điệu: những điểm ngắt hay ngừng theo chu kỳ nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí, chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mĩ về thế giới.

4.3. Nhạc điệu: cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu).

và thể hiện cảm nhận thẩm mĩ về thế giới. (Nhịp điệu) 7. Đây là khái niệm chỉ cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, ngắt nhịp, điệp, phối hợp thanh điệu bằng-trắc,… (Nhạc điệu) 8. Đây là khái niệm còn được gọi là chủ thể trữ tình, là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó, cũng là người có mối liên hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả. (Nhân vật trữ tình) ? Ngoài các yếu tố đã tìm thấy ở trên, trong thơ còn có các yếu tố khác như đối và thể thơ, anh (chị) hiểu gì về 2 khái niệm này? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + HS dựa trên tri thức ngữ văn đã tìm hiểu ở nhà, hoàn thành ô chữ + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS hoàn thành ô chữ và trả lời các câu hỏi + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức	Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, ngắt nhịp, điệp, phối hợp thanh điệu bằng-trắc,… **4.4. Đối:** cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng và song đôi với nhau cả về ý và lời. Căn cứ vào sự thuận chiều hay tương phản về ý và lời, có thể chia đôi thành hai loại: đối cân (thuận chiều), đối chọi (tương phản). **4.5. Thi luật:** toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hòa thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong cả bài thơ,… **4.5. Thể thơ:** sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học. **5. Tìm hiểu chung về văn bản 1,2,3: Chùm thơ hai-cư Nhật Bản và tác giả chùm thơ** **5.1. Giới thiệu về thơ hai-cư** - Xứ sở hai-cư: - Độ dài hai-cư trong tương quan với một số thể thơ ngắn
<u>(2) GV hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu thơ hai-cư và tác giả</u> **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** **GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thơ hai-cư qua những hình ảnh** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** **Trò chơi *Phượt cùng hai-cư*** **GV hướng dẫn HS xem những hình ảnh rồi trả lời các câu hỏi gợi ý về thơ hai-cư:**	- Một số đề tài quen thuộc của hai-cư

- Vị trí của thơ hai-cư trong văn hóa Nhật? - So sánh thơ hai-cư với một số thể thơ nổi tiếng ngắn trên thế giới? - Nội dung phản ánh của thơ hai-cư? - Thời gian, không gian trong thơ hai-cư? - Một số đề tài của thơ hai-cư? - Tính chất đặc biệt của thơ hai-cư? - Cảm nhận chung của em về thơ hai-cư? - Em biết những nhà thơ hai-cư nổi tiếng nào? Hãy giới thiệu về nhà thơ đó? **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ:** + HS tham gia trò chơi ***Phượt cùng hai-cư bằng cách*** quan sát tranh và trả lời + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS thực hiện trò chơi yêu cầu. + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV chuẩn kiến thức	**5.1.1. Vị trí:** Hai-cư là một thể thơ truyền thống độc đáo có vị trí quan trọng trong văn học Nhật Bản (thi quốc), là di sản của văn học nước Nhật, được hình thành từ thế kỷ thứ XVI đến thế kỷ XVII có những thành tựu nổi bật. **5.1.2. Hình thức:** thơ hai-cư thuộc loại ngắn nhất thế giới (cả bài chỉ 17 âm tiết, ngắt thành 3 đoạn 5 – 7 – 5). Nguyên bản tiếng Nhật chỉ có một câu thơ. Câu thơ ngắn gọn, hàm súc. Hình ảnh trong sáng, nhẹ nhàng đậm tính tượng trưng. Cấu tứ quanh một phát hiện mang tính chất "bừng ngộ" về mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, về sự tương thông đầy bí ẩn giữa thế giới và con người, gợi nhiều cảm xúc và suy tưởng. **5.1.3. Nội dung:** Phản ánh tâm hồn người Nhật – tâm hồn ưa thích hòa nhập với thiên nhiên, vì vậy nội dung thường hướng đến một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể, một tứ thơ, một cảm xúc, một suy tư… của người viết. **5.1.4. Thời gian:** thơ hai-cư thường có một yếu tố để biểu hiện mùa: tiếng ve mùa hè, trăng thu, sương mùa thu, anh đào mùa xuân, tuyết đông…các từ này được gọi là quý ngữ của bài thơ. **5.1.5. Không gian:** nhỏ hẹp, gần gũi: một mái lều, một lữ quán, có khi chỉ là không gian dưới một chiếc ô. **5.1.6. Đề tài:** là những sự vật, sự việc, âm thanh, sự chuyển động nho nhỏ trong đời sống: chú khỉ, bông hoa đào, tiếng ve, chú ốc… **5.1.7. Tính chất:** thơ hai-cư thấm đẫm tinh thần thiền tông Phật giáo, văn hóa Nhật Bản và phương Đông nói chung, đề cao cái vắng lặng, đơn sơ, u huyền, nhẹ nhàng. Thơ hai-cư luôn phản chiếu sự vật trong mối tương quan, giao hòa. **5.2. Giới thiệu về tác giả:** Ba-sô, Chi-ô, Ít-sa (SGK tr. 46)

Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi

a. Mục tiêu:

- Giúp HS biết cách đọc chùm thơ hai-cư góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ.
- Giúp HS nắm được các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản:

+ Về thời gian, không gian, hình ảnh thơ;
+ Về xúc cảm, suy tưởng, hành động của thi nhân;
+ Về vẻ đẹp của văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản thơ hai-cư.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

***Các phiếu học tập:**

Nhóm Ba-sô

Tác giả Ba-sô

Thời gian	
Không gian	
Hình ảnh thơ	
Xúc cảm của thi nhân	
Nhận xét vẻ đẹp bài thơ	

Nhóm Chi-ô

Tác giả Chi-ô	
Thời gian	
Không gian	
Hình ảnh thơ trung tâm	
Hành động và xúc cảm của thi nhân	
Nhận xét vẻ đẹp bài thơ	

Nhóm Ít-sa

Tác giả Ít-sa	
Hình ảnh thơ	
Đặc điểm	
Ý nghĩa biểu tượng	
Triết lí nhân sinh	

HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
(1) GV hướng dẫn cách đọc và tìm hiểu chú thích **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Do đặc điểm thơ hai-cư hàm súc, kiệm lời, lại chỉ gồm ba dòng, nên khi đọc cần đọc chậm, ngắt giọng và chuyển mạch cảm xúc sau mỗi dòng thơ. Đọc rõ ràng, rành mạch. Chú ý những câu thơ dài ngắn đan xen- Giọng điệu thiết tha, sâu lắng, trong trẻo - GV lựa chọn bài thơ và đọc mẫu, hoặc đọc để giúp HS phân biệt giữa bài thơ giàu suy tưởng và bài thơ giàu cảm xúc - HS tìm hiểu chú thích SGK	**II. Đọc - hiểu văn bản** **1. Đọc và tìm hiểu chú thích** - Nghe đọc mẫu - Học sinh đọc - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK **2. Tìm hiểu văn bản** **2.1. Bài 1:** **Cảm nhận chung:** Bài thơ đơn sơ tột độ mà sâu thẳm tột cùng. Một buổi chiều mùa thu xám tối, âm u "đậu" trên cành khô hiu hắt, dường như bất động nhưng nó đang chuyển động cả vũ trụ, cả sự mênh mông cô tịch của hoàng hôn. Toàn thể hình ảnh là sự cô tịch. Cành cây, con quạ, chiều thu là sự cô tịch trong tâm hồn như lắng nghe niềm im lặng bất tuyệt của chân không. **Nhóm Ba-sô** **Tác giả Ba-sô** **Thời gian**: "chiều thu" **Không gian**: u buồn sâu thẳm, vắng lặng đến cô tịch **Hình ảnh thơ**: "Cành khô", "chim quạ"

Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ: + HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó. + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS đọc văn bản theo yêu cầu. + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét cách đọc của HS. **(2) GV hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 3 nhóm: Ba-sô, Chi-ô và Ít-sa Các nhóm thảo luận: cả nhận chung bài thơ và hoàn thành phiếu học tập Ba-sô, Chi-ô và Ít-sa **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. HS tùy chọn hình thức thể hiện: + Đại diện nhóm thuyết trình + Cặp đôi thuyết trình + Buổi tọa đàm thơ hai-cư, hoặc cuộc đối thoại của người yêu thơ hai-cư(GV tư vấn thiết kế bộ câu hỏi và thành phần tham dự) + HS nhận xét lẫn nhau.	**Xúc cảm của thi nhân**	Không có một cái tâm tĩnh, trong sáng và tình yêu cuộc sống, thiết tha với thiên nhiên, tạo vật sẽ không thể kết đọng được những hình ảnh đẹp đẽ, gợi cảm đến thế. Đọc bài thơ, mới hiểu thế nào là chất sa-bi đơn sơ, tao nhã, cô liêu, trầm lắng, u buồn, nhưng không chán chường hay bi luỵ, oán đời.
	Nhận xét vẻ đẹp bài thơ	Mặc dù bài thơ này không tuân thủ theo quy luật thông thường 5/7/5 của hai-cư thường vẫn luôn được coi là thi phẩm mẫu mực bởi cấu tứ, ý tưởng và sự bứt phá trong cái hài hòa mà nó mang lại cho cảm giác của người đọc. Bài thơ đúng là một bức tranh thủy mặc. Điều ấy có lẽ được thể hiện trước hết ở gam màu trầm với các đường nét kì lạ của nó. Cành khô màu nâu xám, chim quạ chắc chắn là màu đen (hoặc xám). Đây là những gam màu chủ đạo của hội họa thủy mặc, một loại hình nghệ thuật mà chất liệu chính là màu nước đen và giấy trắng. Đọc bài thơ, ta như thấy hiển hiện trên nền trời của buổi chiều thu hoang vắng hình ảnh một cánh chim ủ rũ đậu trên cành cây khô héo, và chắc chắn là không thể được tạo dựng bằng những đường nét mềm mại mà phải bằng sự gân guốc, cứng cáp và đối xứng theo phong cách thủy mặc. Nhưng còn một yếu tố không kém phần quan trọng khiến thi phẩm "con quạ" của Ba-sô trở nên bất hủ là sự tương phản, đối lập một cách hài hòa trong sử dụng hình ảnh. Trên cành khô quạ đậu và chiều thu là hai phần hoàn toàn độc lập, tương phản với nhau. Một bên nhỏ hẹp, hiện hữu, một bên rộng lớn, mơ hồ. Chiều thu là một khái niệm chung chung còn cành khô quạ đậu mới là cái có thể nắm bắt. Mọi vật thể đối lập ấy đã tạo thành một chỉnh thể, một bức tranh hoàn chỉnh: trên cái nền hoang vắng mơ hồ của buổi chiều thu, nổi bật lên hình hài màu đen của một chú quạ đậu trên cành khô. Yếu tố cổ tích (Sí-bi) trong bài thơ này thể hiện đậm nét hơn bất cứ thi phẩm nào khác của Ba-sô. Đến với không gian của chiều thu buồn vắng ấy là độc giả đã cùng Với thi nhân đắm chìm vào miền tịch tĩnh giữa bao la đất trời. Hình ảnh trong bài thơ có lẽ phần nào thể hiện tâm cảm thi nhân mặc dù nó như chỉ được chớp lấy trong một ánh nhìn, một không gian, thời gian

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	

	nhất định. Bài thơ mang nỗi buồn của buổi chiều tà, của lúc tàn thu, sự ngưng đọng, lặng im của cảnh vật... Giống như mọi bài thơ hai-cư khác, cái tôi thi nhân không bao giờ xuất hiện trong thi phẩm nhưng từ những gì nhà thơ gửi gắm sẽ khởi sự cho trí tưởng tượng vô biên của độc giả. Trong bài thơ này, yếu tố mùa cũng thể hiện rất rõ ở từng câu chữ chứ không đợi đến quý ngữ cuối bài. Đây là bài thơ về mùa thu và thời điểm chính xác có lẽ là cuối thu, khi chim quạ đã xuất hiện, khi lá cây đã rụng hết chỉ còn lại cành khô.

2.2. Bài 2:

Cảm nhận chung:

Bài thơ đẹp bởi cách tạo hình ảnh vừa tương phản lại vừa tương hợp giữa dãy "hoa triêu nhan" và "dây gầu", còn đẹp hơn bởi cách tạo yếu tố bất ngờ trùng điệp tăng cấp qua cả ba câu thơ bé nhỏ. Bài thơ còn sâu sắc ở chỗ đã gửi gắm kín đáo dưới chữ nghĩa ít ỏi kia một nét đẹp lấp lánh của tâm hồn Nhật Bản. Đó là sự tinh tế và nhạy cảm trước cái Đẹp của cuộc sống và hơn thế nữa là thái độ và nghĩa cử biết nâng niu ,trân trong gìn giữ cái đẹp trong đời .

Nhóm Chi-ô

Tác giả Chi-ô	
Thời gian	"Triêu nhan" là loài hoa mang nhan sắc **ban mai** bởi hoa chỉ nở vào **buổi sáng sớm**, rạng ngời đón lấy những tia nắng tinh khôi và dưới ánh chiều dần phai tàn.
Không gian	Giếng nước nhỏ hẹp, gần gũi, đơn sơ
Hình ảnh thơ trung tâm	**"Hoa triêu nhan"**- loài hoa phổ biến ở Nhật Bản được người Nhật ưu ái gọi bằng nhiều cái tên gợi cảm: "kim tuyến của ban mai", "trăng lúc chiều tà", "cô gái đậu tía",…nhỏ bé, lặng thầm mà đầy sức sống, lay động lòng người.
Hành động và xúc cảm của thi nhân	Chính vẻ đẹp của bông "hoa triêu nhan" đang hé nở làm cho nữ sĩ phải ngước nhìn và trân trọng nó. "Hoa triêu nhan" sáng nở chiều tàn, nhưng khoảnh khắc mà bông hoa dần hé lộ vẻ đẹp là khoảnh khắc đẹp nhất của đời hoa. Nhà thơ không muốn phá tan cái đẹp của tự nhiên đành **"xin nước nhà bên"** để "hoa triêu nhan" tiếp tục nở, mang hương sắc cho đời. Trong tinh thần của Thiên Thai tông, không chỉ loài người hữu tình mà ngay cả loài cây cỏ cũng có khả năng giác ngộ, tức là có Phật tánh. Bài thơ trên có thể được xem như một tuyên

			ngôn hùng hồn của lòng từ bi Phật giáo và phảng phất triết lý của tông Thiên Thai. Nhà thơ nhìn thấy sự sống, nhìn thấy cái đẹp, nhìn thấy Phật tánh trong đóa "triêu nhan" nhỏ nhoi nhưng bền bỉ. "Hoa triêu nhan" vốn là một loại dây leo, đã quấn vào dây gàu để nở. Trước cái đẹp, trước sự sống, nhà thơ **nâng niu, trân trọng**, không nỡ làm tổn thương nên bà chọn giải pháp **"xin nước nhà bên"**, để sự sống và cái đẹp được hiện hữu. Một người lỗ mãng sẽ dễ dàng bứt nhánh "triêu nhan" để thuận lợi cho công việc múc nước của mình. Thực tại được mô tả như nó chính là, không giải thích nhưng tự thân sự kiện đã nói nhiều hơn ba câu thơ ngắn ngủi. Đây chính là tinh thần ý tại ngôn ngoại, lại cũng chính là sự vô ngôn của Thiền và là tính nhân văn của Phật giáo. Cần phải có một nội tâm tĩnh lặng, một tính cách dịu dàng và hơn cả là một tình thương lớn, một tấm lòng trắc ẩn lớn mới có cách hành xử như vậy. Một đóa "triêu nhan" mỏng manh làm tỏa sáng một tình thương mênh mông và cảm động.
		Nhận xét vẻ đẹp bài thơ	Một buổi sáng, Chiyo định thả gầu lấy nước giếng. Nhưng quanh dây gầu đang vướng một bông hoa xinh, đó là hoa Asagao -một loại hoa đồng cỏ nội rất đỗi bình thường, một thứ dây leo. Tên nó có nghĩa là "gương mặt của sớm mai" (asagao = triêu nhan). Không nỡ động chạm đến hoa, nhà thơ đành xin nhờ nước giếng hàng xóm- Và kinh nghiệm bình thường mà kì diệu ấy được ghi lại qua một hình thức thơ ngắn gọn - Haiku (ba câu 5-7-5 âm tiết) …Người và hoa gặp nhau trong buổi sáng. Không nói năng chi - nhưng khoảnh khắc ấy đã đánh thức thi ca. Vũ trụ như hóa thành một bông hoa "triêu nha". Và người đi lấy nước cho dù không làm bài thơ trên, chỉ lẳng lặng đi "xin nước nhà bên" để khoảnh khắc kia được vẹn toàn, người ấy vẫn bước vào Diệu Xứ của Thơ Ca, của Hoa. Thơ haiku thường nắm bắt được khoảnh khắc ấy, cái khoảnh khắc mà thế giới hiện ra mới mẻ tinh khôi như hoa bìm bìm trong buổi sớm mai. "Để em nghe lời tôi nói", nhà thơ Chilê Pablo Neruda viết "lời lẽ tôi đôi khi thu nhỏ lại"" để có thể

	đi sâu vào tâm hồn người, haiku cũng thế, nó thu mình nhỏ lại. Về sự vắn tắt của haiku, nhà phê bình nổi tiếng của Pháp Roland Barthes có ý kiến như sau: "sự ngắn gọn của haiku không phải là vấn đề hình thức, haiku không phải là một tư tưởng phong phú rút vào một hình thức ngắn, mà là một sự tình vắn tắt đã tìm ra được hình thức vừa vặn của mình". Bởi vì haiku không cốt nói nhiều, nó im lặng hơn là nói. Nó trống chứ không đầy, nó nhỏ nhắn nhưng không bao giờ chật cứng. Haiku chỉ ra sự vật như hoa bìm bìm, hạt cát, bầy ruồi... và rồi dừng lại chứ không giải thích, không miêu tả. Nó chỉ ra sự vật như đứa trẻ chỉ vào sự vật quanh mình, nói từng tiếng một hoặc reo lên. Đến với haiku, ta thấy nó thơ ngây một cách hiền minh và hiền minh một cách ngây thơ. Có những bức tranh hoành tráng làm cho bạn bàng hoàng nhưng cũng có những tiểu họa làm cho bạn ngạc nhiên. Khi nhà thơ haiku chọn đề tài, họ không bao giờ từ chối những sự vật nhỏ bé, bình thường mộc mạc. Thơ của Chiyo là một minh chứng.

2.3. Bài 3:

Cảm nhận chung:

Khi nhắc đến con ốc và núi Fu-ji, người ta thường nghĩ đến sự đối lập, tương phản của các sự vật. Con ốc tượng trưng cho sự sống nhỏ bé, yếu ớt, chậm chạp, sự hữu hạn của thời gian sống. Còn núi Fu-Ji lại là hình ảnh lớn lao, hùng vĩ và bền vững muôn đời. Điều gì ẩn sau hành trình của chú ốc sên trên núi Fu-ji kia? Điều gì thổi sức sống cho những từ ngữ đơn giản kia? Thơ hai-cư có không ít những bài thơ thể hiện được mối tương quan đặc biệt giữa các cảnh vật. Trong bài thơ của Ít-sa con ốc bé nhỏ, chậm chạp so với ngọn núi sừng sững uy nghi, nhưng sự chuyển động dù chẳng đáng kể ấy của con ốc lại khiến nó mỗi ngày đi gần hơn đến đỉnh núi kia. Như vậy, trong bài thơ trên, những sự vật nhỏ nhất cũng có mối tương quan, tác động tới những yếu tố mang tầm vũ trụ và vĩnh cửu. Các sự vật không tồn tại độc lập mà luôn có mối tương quan, giao hòa, tác động lẫn nhau. Đó là quy luật của cuộc sống.

Nhóm Ít-sa

Hình ảnh thơ	Đặc điểm	Ý nghĩa biểu tượng	Triết lí nhân sinh
Con ốc	Câu thơ đầu tiên sử dụng điệp ngữ "chậm rì" để miêu tả trạng thái chậm chạp, kiên nhẫn, chầm chậm của chú ốc sên nhỏ.	Hình ảnh chú ốc sên nhỏ trèo chầm chậm lên núi Phú Sĩ: Dù nhỏ bé, bình dị nhưng kiên cường, nỗ lực không ngừng nghỉ với mục tiêu của mình	Bài thơ ngắn gọn súc tích, với hình thức độc đáo đã truyền tải thông điệp mang đầy tính nhân văn đến người đọc: + Điều mà chúng ta cần làm đó chính là luôn luôn cố gắng không ngừng nghỉ trên hành trình, nỗ lực hết sức mình trên hành trình chinh phục lý tưởng sống của mình. Ta có thể đi chậm hơn so với người khác nhưng điều quan trọng đó chính là ta không ngừng lại mà luôn nỗ lực, kiên trì đến cùng với ước mơ của mình. Đó chính là điều làm nên ý nghĩa của cuộc sống của chúng ta.+ Trên thực tế cuộc sống, mỗi người đều là chú ốc nhỏ bé bình dị nhưng đều ấp ủ một giấc mơ cháy bỏng của riêng cuộc đời mình. Sức mạnh nội tại của chính bản thân chúng
Núi Phú Sĩ	Hình ảnh ngọn núi Phú Sĩ - biểu tượng Nhật Bản - ngọn núi cao bậc nhất Nhật Bản.	Biểu tượng cho những đỉnh cao trong cuộc sống, cho ước mơ, cho khát vọng, cho mục tiêu, lí tưởng cao vời.	

(3) **GV hướng dẫn HS tìm hiểu vẻ đẹp thơ hai-cư qua chùm thơ** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS nhận xét về vẻ đẹp của thơ hai-cư **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS hoàn thành thẻ học tập + Cặp đôi chia sẻ trước lớp + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức.				ta là nguồn sức mạnh động lực để thúc đẩy đưa chúng ta lên đến đỉnh cao của cuộc đời mình. Nếu như chú ốc sên khát khao chinh phục núi Phú Sĩ thì mỗi người đều có một đỉnh cao của cuộc đời mình mà muốn chinh phục **3. Tìm hiểu vẻ đẹp thơ hai-cư** - Một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể thể hiện một tứ thơ, một xúc cảm, suy tư của người viết. - Thời điểm xác định theo mùa: quý ngữ (ki-go) – từ chỉ mùa bắt buộc trong mỗi bài thơ. - Thủ pháp tượng trưng: + Thể hiện một khoảnh khắc của cảnh vật và đỉnh điểm cảm xúc (hàm súc gợi mà không tả) + Thiên nhiên và triết lí về thiên nhiên: Tìm cái đẹp trong những hình ảnh giản dị, bình thường của thiên nhiên. + Thấm đẫm tinh thần thiền tông Phật giáo và tinh thần văn hóa phương Đông - Cách nhìn nhất thể hóa: Trời – đất, con người vạn vật … là một quan hệ khăng khít. - Ngôn ngữ: dùng ít các tính từ, trạng từ cụ thể hóa sự vật, hạn chế tưởng tượng của người đọc. Dùng nhiều danh, động từ gợi tưởng tượng, suy ngẫm. Mơ hồ là đặc điểm quan trọng của ngôn ngữ. - Cảm thức thẩm mĩ: có những nét thẩm mĩ riêng, rất cao và tinh tế. Haiku đề cao cái vắng lặng (sabi), đơn sơ (wabi), u huyền, mềm mại, nhẹ nhàng (karumi)…

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ:	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật**

? Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của 3 văn bản thơ hai-cư? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - HS hoàn thành thẻ học tập - Cặp đôi chia sẻ trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	- Ngắn gọn, hàm súc, kiệm lời mà vẫn gợi nhiều cảm xúc và suy tưởng. - Hình ảnh thơ trong sáng, nhẹ nhàng đậm ý nghĩa tượng trưng sâu sắc. **2. Nội dung – Ý nghĩa** - Phản ánh tâm hồn người Nhật – tâm hồn ưa thích hòa nhập với thiên nhiên. - Những rung cảm, suy ngẫm của con người trước một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể, một tứ thơ. - Mang lại nhiều suy tư sâu sắc, những triết lí nhân văn và những cảm nhận thú vị trong lòng người đọc. **Bài 1: ghi lại một phong cảnh với vài sự vật cụ thể trong một thời điểm nhất định.** **Bài 2: biểu hiện những rung cảm của con người trước thiên nhiên.** **Bài 3: nói lên mối tương quan giữa vạn vật trong thế giới**

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (... phút)

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
b. Nội dung: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: **Làm việc cá nhân**

***Nhiệm vụ : Từ việc đọc ba bài thơ trên, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở thể thơ hai-cư.**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: **điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở thể thơ hai-cư.**	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Vẻ đẹp độc đáo của thơ haiku là ở hình thức nghê thuật. Nhật Chiêu cho rằng thơ haiku "nhỏ nhắn nhưng trống chứ không đầy và chật cứng". Những khoảng trống, khoảng trắng ấy xếp rất nhiều tầng ngữ nghĩa. Đó là những khoảng lặng chứa đựng cả thế giới huyền diệu, nhiệm màu. Nhỏ nhắn và xinh xắn là một phẩm chất nghệ thuật đặc sắc của haiku. Những câu được hoài thai từ trực cảm triết học, thiền học nên ngôn từ giản dị như lời nói, lời kể đời thường. Thơ hai-cư tái hiện cái cảm xúc rất thật trước khoảnh khắc thực tại đang diễn tiến nên hiện ra như tia chớp làm lóe sáng vẻ đẹp hiện sinh, hiện thế của tạo vật, vì vậy không thể cầu kì về ngôn từ, uốn éo về giọng điệu. Hơn nữa, thơ haiku đi ra từ những tâm hồn "vô ngã" nên giản dị như bản chất của vũ trụ, ngạc nhiên trong hồn nhiên, thậm chí tự nhiên nữa.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(5 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

***Nhiệm vụ 1:**

- Tìm hiểu luật thơ hai-cư

- Thành lập Câu lạc bộ thơ hai-cư và tập sáng tác thơ hai-cư

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau
Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Gợi ý:

- Thơ haiku tuân theo quy luật chặt chẽ: cấu trúc 3 dòng, âm tiết 5-7-5. Nghĩa là câu đầu 5 âm tiết, câu hai 7 âm tiết và câu cuối 5 âm tiết. Cả bài thơ tổng cộng 17 âm tiết. Để đếm âm tiết của một từ, bạn hãy đặt bàn tay dưới cằm và phát âm từ đó.
- Thơ haiku hàm ý sâu sắc, gần gũi, từ bi bác ái, lạc quan theo kiểu cách dân dã và nhà Phật. Người ta gọi haiku là thơ của những người nghèo. Chủ đề chính là thiên nhiên (quý đề - Kidai). Phong cảnh thơ thường rất bình dị hoặc những con vật bé nhỏ trong thiên nhiên quanh ta. Thơ thường là những khoảng khắc rất nhỏ của thực tại. Thời điểm xuất hiện được tính bằng mùa: xuân, hạ, thu, đông (quý ngữ - kigo). Có quý ngữ trực tiếp và quý ngữ gián tiếp. Trực tiếp là những thực

thể mà chỉ mùa đó mới có. Gián tiếp là thông qua một thực thể, sự việc gián tiếp khác để biểu thị về mùa.

Ví dụ:

* Xuân: Mai, đào, ếch, nhái, chồi non,...
* Hạ: Ruồi, ve, châu chấu, chuồn chuồn,…
* Thu: Trăng, sương, dê, lá vàng,...
* Đông: Băng, tuyết, trang phục,...

- Cốt lõi của haiku là khoảng khắc rất nhỏ của thực tại. Dưới đây là luật bắt buộc của bài haiku phải có, đó là"quý ngữ" (mùa). Giống như thơ luật Đường khi bạn viết đầy đủ niêm, luật, vận mà không có được hai cặp đối (3, 4 - 5, 6) thì hay tới mấy cũng không phải là thơ luật Đường.
- Niêm - luật thơ haiku bạn chỉ cần nhớ:

1. Mùa (Quý ngữ) - 2. Gợi (Hình tượng) và Cấu trúc bài.

- Haiku không mô tả cảm xúc cũng không miêu tả cảnh quan, mà chỉ gợi sự việc xảy ra tức thời lúc đó.
- Hai nguyên tắc tối thiểu bắt buộc phải có của haiku đó là mùa: (Kigo - Quý ngữ)
- Hình ảnh mối tương quan bên trong của sự việc.
- Cấu trúc bài luôn có vũ trụ lớn chứa đựng cái sự việc tinh tuý nhỏ bé kia
- Kết thúc bài thường không rõ ràng, phụ thuộc người đọc tự cảm nhận.

***Nhiệm vụ 2: Bài tập dự án**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập theo dự án

- Yêu cầu:

- Nhóm 1: Nhóm Hoạ sĩ (PP phòng tranh)

Vẽ các bức tranh minh cho một số bài thơ hai-cư

- Nhóm 2: Nhóm Nhà sưu tầm

Tập sưu tầm thơ hai-cư

- Nhóm 3: Nhóm Nhà biên tập

Biên tập sách: *Tuyển tập thơ hai-cư, Hai-cư với lời bình, Những đóa hai-cư đẹp*

- Nhóm 4: Nhóm Maketting

Giới thiệu sách về thơ hai-cư:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập dự án.
- GV khích lệ, giúp đỡ.
- Thời gian: 1 tuần

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần, vào tiết học chiều.
- HS các nhóm báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

***Rubric đánh giá sản phẩm hoạt động Vận dụng:**

Mức độ **Tiêu chí**	**Mức 1**	**Mức 2**	**Mức 3**

Vẽ tranh minh hoạ cho một số bài thơ hai-cư **(10 điểm)**	Các nét vẽ không đẹp và các bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc. (dưới 5 điểm)	Các nét vẽ đẹp nhưng các bức tranh chưa thật phong phú. (5-7 điểm)	Các bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn. (8 -10 điểm)
Tập sưu tầm **(10 điểm)**	Sưu tầm đủ số lượng nhưng chưa thật đặc sắc tiêu biểu. (5 – 6 điểm)	Sưu tầm đủ số lượng khá tiêu biểu nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (7 – 8 điểm)	Sưu tầm đủ số lượng, đặc sắc, tiêu biểu, hấp dẫn người đọc. (9 - 10 điểm)
Biên tập sách**(10 điểm)**	Hình thức chưa khoa học, bắt mắt. Nội dung đúng đủ. (5 – 6 điểm)	Hình thức tương đối khoa học. Nội dung đúng đủ, khá hấp dẫn. (7 – 8 điểm)	Hình thức khoa học, bắt mắt. Nội dung hấp dẫn, sinh động, giàu tính nhân văn. (9 - 10 điểm)
Giới thiệu sách về thơ hai-cư **(10 điểm)**	Giới thiệu được nội dung sách. (5 – 6 điểm)	Giới thiệu được nội dung sách và hình thức sách tương đối thu hút. (7 – 8 điểm)	Giới thiệu được vẻ đẹp nội dung sách và hình thức sách một cách hấp dẫn, sinh động. (9 - 10 điểm)

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học
- Tìm đọc thêm các bài thơ hai-cư
- Chuẩn bị soạn bài: *Thu hứng* (Đỗ Phủ)

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....

Tiết 14 Văn bản 4: CẢM XÚC MÙA THU
(*Thu hứng* - bài 1) - Đỗ Phủ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Đọc

Đọc hiểu nội dung

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc: nỗi lo âu cho đất nước, nỗi buồn nhớ quê hương và nỗi ngậm ngùi, xót xa cho thân phận mình của nhà thơ Đỗ Phủ

- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề;

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của thơ Đường luật: tả cảnh ngụ tình, ý tại ngôn ngoại.

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình),... trong bài thơ.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của thơ đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

Đọc mở rộng

- Học sinh đọc được một số bài thơ Đường luật khác.

2. Phẩm chất

- Yêu mến và trân trọng tinh hoa văn hóa thế giới

- Biết trân trọng tâm sự và trân trọng những sáng tạo nghệ thuật của Đỗ Phủ

- Bồi đắp cho HS tình yêu quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến văn hóa, văn học Trung Quốc, thơ Đường luật.
- Máy chiếu, máy tính, video clip liên quan đến bài học.
- Bảng KWLH, hệ thống câu hỏi định hướng, phiếu học tập…

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5 phút)

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:
***Cách 1: PP Vấn đáp**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Em thích mùa nào nhất trong năm? Cảnh vật mùa đó có đặc trưng gì?

- GV chiếu video về vùng núi Trung Quốc khi sang thu. HS xem video và nêu cảm xúc của bản thân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem, suy nghĩ

Bước 3: Báo cáo kết quả: HS trả lời câu hỏi, HS khác có thể nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

***Cách 2: PP Trò chơi: Ai là tỉ phú?**

HS xem clip hình ảnh: 1 bài thơ Đường, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Kinh thành Trường An, tranh của Vương Duy, tranh về Dương Quý Phi, hoa cúc, con thuyền cô đơn, cảnh sương rơi, hình ảnh người dùng chày đập áo, hình ảnh thành Bạch Đế, hình ảnh núi non xa mờ, hình dòng sông rộng lớn xa mờ, hình ảnh rừng phong, dòng chữ mùa thu, dòng chữ thu hứng, dòng chữ niêm, luật, nhất tam ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh…

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- GV chia lớp thành 4 đội
- HS xem clip, trong 2 phút, trong 4 đội chơi, đội nào gọi tên được nhiều hình ảnh xuất hiện trong clip nhất sẽ là đội chiến thắng

Những hình ảnh các em gọi tên nói lên điều gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS xem clip, gọi tên hình ảnh xuất hiện trong clip
- Suy nghĩ câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả

Dự kiến câu trả lời:

- Giúp em hiểu về đất nước Trung Hoa thời Đường, với sự phát triển vượt bậc về văn hóa đặc biệt là thơ Đường luật

- Giúp em hiểu về mùa thu Trung Hoa…

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔GV dẫn vào bài:

Đường thi của một thời rực rỡ, biểu tượng huy hoàng của tinh hoa văn hóa nhân loại, dù đã đi qua bao sự hưng vong thời cuộc mà chưa một chút nhạt mờ đi hồn tính. Thơ Đường - tinh diệu của nghệ thuật, anh hoa của trí tuệ, thăng hoa của cảm xúc đã sống mãnh liệt, sống bất diệt cùng thời gian. Sức sống lâu bền ấy được kiến tạo bởi Lí Bạch, Đỗ Phủ, Vương Duy,…, được đắp bồi bởi "*Thu hứng*", "*Hoàng Hạc lâu*",…Trong thế giới Đường thi muôn màu, không ai có thể dửng dưng trước cuộc đời của "Thi thánh", không ai có thể làm ngơ trước những cái cảm giác đơn chiếc đến nghẹn lòng của người lữ khách nơi xứ xa trong "*Thu hứng*"

Bài thơ *"Thu hứng"(Cảm xúc mùa thu) của Đỗ Phủ được sáng tác năm 766 - tức là sau khi loạn An- Lộc - Sơn đã kết thúc được 3 năm và chỉ 4 năm trước khi nhà thơ qua đời. Trong*

thời gian diễn ra loạn An Lộc Sơn và kể cả khi loạn An Lộc Sơn được dẹp tan một vài năm, đất nước Trung Quốc vẫn chìm ngập liên miên trong cảnh loạn li. Cuộc sống của nhân dân vô cùng điêu đứng, gia đình Đỗ Phủ cũng không phải là ngoại lệ. Để hiểu rõ hơn về thực trạng đất nước Trung Quốc cũng như hoàn cảnh, nỗi đau riêng của tác giả, chúng ta cùng đi tìm hiểu bài thơ "Thu hứng"(Cảm xúc mùa thu) của nhà thơ Đỗ Phủ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(... phút)

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu kiến thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về thơ Đường

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút, chia sẻ nhóm để tìm hiểu về thơ Đường luật và chủ thể trữ tình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu học tập 01: Tìm hiểu thơ Đường luật và chủ thể trữ tình trong thơ (Chuẩn bị ở nhà)

Thơ Đường luật	1. Xuất xứ	.....
	2. Bố cục	.....
	3. Luật bằng trắc	.....
	4. Ngôn từ, hình ảnh, cấu tứ thơ	....
	5. Cách gieo vần	.....
	6. Nghệ thuật đối	.....
Chủ thể trữ tình	1. Khái niệm	.....
	2. Phân loại	.....

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Tìm hiểu về thơ Đường luật** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** HS hoàn thành phiếu học tập số 01 HS quan sát 1 bài thơ Đường luật đã học ở cấp THCS HS sử dụng tri thức có được từ phiếu học tập điền vào bài thơ những đặc điểm của thể Đường luật - Những từ gạch chân cần thỏa mãn yêu cầu gì? - Tên gọi các cặp 1-2, 3-4, 5-6, 7-8?	**I. Kiến thức Ngữ văn: Một số kiến thức chung về thể loại thơ Đường luật** **Ví dụ:** ***Qua Đèo Ngang*** **Bà Huyện Thanh Quan** 1. *Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,* 2. *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.* 3. *Lom khom dưới núi, tiều vài chú,* 4. *Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.* 5. *Nhớ nước, đau lòng, con quốc quốc,* 6. *Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia* 7. *Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,* 8. *Một mảnh tình riêng, ta với ta.*

- Biện pháp tu từ bắt buộc phải có ở 2 cặp 3-4, 5-6? - Các chữ màu đỏ cần thỏa mãn yêu cầu gì? - Nhận xét số lượng câu, chữ trong bài thơ. - Nhận xét mô hình thi luật (cấu trúc) một bài thơ Đường luật? Tìm mối tương quan giữa mô hình thi luật đó với cảm quan về vũ trụ của người Trung Quốc xưa? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân. - HS thảo luận cặp đôi nội dung PHT số 01 đã chuẩn bị ở nhà. - GV quan sát, hỗ trợ góp ý. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời. - Các cặp đôi khác bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận**	**Thơ Đường luật (thơ cận thể)**	**1. Xuất xứ**	Xuất hiện từ thời nhà Đường (Trung Quốc); hiện nay phổ biến ở các nước khu vực văn hoá Đông Á.
		2. Bố cục	Bốn phần: đề - thực – luận – kết
		3. Luật bằng trắc	Quy định về sự hòa thanh trong từng câu và cả bài đảm bảo sự cân bằng, hài hòa cho âm hưởng của toàn bộ bài thơ.
		4. Ngôn từ, hình ảnh, cấu tứ thơ	- Ngôn từ hữu hạn mà gợi nhiều liên tưởng, nhiều ý nghĩa. - Hình ảnh mang tính ước lệ, tượng trưng cao. - Cấu tứ: được xây dựng theo các mối quan hệ tương đồng hoặc đối lập, tả ít, gợi nhiều, gián tiếp hơn trực tiếp.
		5. Cách gieo vần	Thường gieo 1 vần (vần bằng): - Thơ tứ tuyệt (tuyệt cú- 4 câu): gieo ở cuối các câu 1, 2, 4 - Thơ bát cú (8 câu): gieo ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8
		6. Nghệ thuật đối	Nghệ thuật đối khá đa dạng: + Đối giữa các câu: thường đối ở hai câu thực và hai câu luận (thơ bát cú). + Đối giữa 2 vế trong 1 câu (tiểu đối) - Đối về từ, ngữ, các vế của câu trên với câu dưới hoặc giữa 2 cặp câu luận và thực. - Đối ý: đối tương đồng và đối tương phản.
	Chủ thể trữ tình	**1. Khái niệm**	- Là chủ thể phát ngôn, thường là tác giả hoặc người đại diện cho quan niệm thẩm mĩ và tư tưởng thời đại về một vấn đề nào đó trong cuộc sống. - Đây là con người cảm xúc, suy tưởng trong tác phẩm nhưng không đồng nhất với tác giả.
		2. Phân loại	Hai dạng: - Xuất hiện trực tiếp qua các đại từ nhân xưng *(tôi, anh, em, chúng ta, chúng tôi,...)*

			- Chủ ngữ ẩn, không có ngôi (nhân danh cái chung, đại diện cho một bộ phận xã hội)

Nhận xét: Thơ Đường luật có một mô hình thi luật chặt chẽ, hướng tới sự cân đối, hài hòa về cấu trúc của toàn bộ bài thơ. Mô hình thi luật này phản ánh cảm quan về vũ trụ của người Trung Quốc thời trung đại, theo đó, vũ trụ là một thể thống nhất và giữa các bộ phận của vũ trụ có sự liên thông, tương ứng với nhau.

Hoạt động 2.2. Đọc - tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu: Học sinh nhận biết được những nét chung về tác giả Đỗ Phủ và bài thơ *Cảm xúc mùa thu* (*Thu hứng):* hoàn cảnh sáng tác, đề tài, thể loại, bố cục, chủ thể trữ tình...

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân và nhóm tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập 02:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến

***Tìm hiểu về nhà thơ Đỗ Phủ** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn HS xem Clip hoạt hình về Đỗ Phủ (không lời) - HS chia nhóm (4-6 nhóm) tham gia thảo luận về cuộc đời Đỗ Phủ, sau đó viết bài thuyết trình cho phim để bật lên những tri thức về con người, cuộc đời, sự nghiệp của nhà thơ Đỗ Phủ. + Thân thế, sự nghiệp + Vị trí văn học + Phong cách viết + Tác phẩm chính... **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ** + Các nhóm thảo luận viết bài thuyết trình + Đại diện cặp đôi lên thuyết trình theo hình ảnh chạy trên Clip + Giáo viên khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS thuyết trình - HS nghe bài thuyết trình của phát thanh viên - Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức.	**II. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Đỗ Phủ** - Đỗ Phủ (712- 770), tên chữ là Tử Mĩ, xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học và thơ ca lâu đời ở huyện Củng- tỉnh Hà Nam (Trung Quốc). - Con người và cuộc đời: + 7 tuổi làm thơ→ tài năng thiên bẩm. + Con đường công danh lận đận, không được trọng dụng. + Sống nghèo khổ, chết trong bệnh tật. - Sự nghiệp thơ ca: hiện còn trên 1000 bài. + Nội dung: . Phản ánh sinh động và chân xác bức tranh hiện thực xã hội đương thời → "thi sử". . Đồng cảm với nhân dân trong khổ nạn, chan chứa tình yêu nước và tư tưởng nhân đạo. + Nghệ thuật: . Giọng thơ: trầm uất, nghẹn ngào. . Đặc biệt thành công với thể luật thi. → Được mệnh danh là "Thi thánh" (Thánh thơ). -
***Tìm hiểu về bài thơ "Cảm xúc mùa thu"** ***GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** ? Theo em nên đọc văn bản như thế nào? ? Em hãy chia sẻ ấn tượng ban đầu của mình về văn bản. Chia sẻ các từ mà lần đầu đọc văn bản em thấy khó hiểu và kết quả tìm hiểu của em về các từ ngữ đó.	**2. Bài thơ "Thu hứng"** **a. Hoàn cảnh sáng tác**: - Bài thơ được sáng tác vào năm 766, tại Quỳ Châu (thuộc đất Ba Thục, núi non hiểm trở). - Nhà thơ cùng gia đình phải chạy loạn An Lộc Sơn, phải sống xa quê nhà. **b. Xuất xứ, vị trí:** + Là tác phẩm mở đầu trong chùm thơ "*Thu hứng*" (8 bài). + Là cương lĩnh sáng tác của cả chùm thơ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS suy nghĩ nội dung câu hỏi mạnh dạn xung phong trả lời ý kiến. **Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập** HS trả lời câu hỏi và bổ sung ý kiến cho nhau (2- 3 học sinh) **Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập** GV và HS cùng đánh giá việc xác định cách đọc và đọc văn bản, tìm hiểu những từ khó hiểu trong văn bản. GV cho HS nghe video đọc mẫu trên Youtube. https://www.youtube.com/watch?v=m-mG6XthOE0 ***Tìm hiểu hình thức của văn bản:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Trao đổi theo cặp trong bàn: Hoàn thành Phiếu học tập 02:** - Từ những thông tin mà em tìm hiểu được, hãy trình bày xuất xứ, vị trí và hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. - Xác định đề tài, thể loại và bố cục của bài thơ. - Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai? Khái quát về nỗi lòng của chủ thể trữ tình được thể hiện trong bài thơ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp. - GV khích lệ, động viên. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi 1 số HS đại diện trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức.	**c. Đề tài:** Mùa thu **d. Thể loại:** Thơ Đường luật, làm theo thể Thất ngôn bát cú. **e. Bố cục**: 2 phần. + 4 câu đầu: Cảnh thu + 4 câu sau: Tình thu **f. Nội dung khái quát:** Nói về nỗi niềm thời thế và lòng thương nhớ quê hương của tác giả trong cảnh loạn li.

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn học sinh đọc hiểu chi tiết văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật văn bản:

- Qua bức tranh mùa thu ở Ba Thục, nhà thơ thể hiện nỗi lo âu cho đất nước, nỗi buồn nhớ quê hương và nỗi ngậm ngùi cho thân phận mình.

- Hiểu thêm đặc điểm thơ Đường luật.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và phản hồi.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 03: Đọc hiểu chi tiết văn bản "Cảm xúc mùa thu"

Nhiệm vụ	**Nhóm 1, 2**	**Nhóm 3, 4**
	Tìm hiểu cảnh thu (4 câu đầu)	**Tìm hiểu tình thu (4 câu sau)**
Câu hỏi	- Cảnh thu trong 2 câu đề, 2 câu thực được gợi lên qua những hình ảnh và từ ngữ nào? - Đó là cảnh thu ở đâu và được quan sát ở những vị trí nào? Điểm khác biệt của nó so với cảnh thu thông thường mà em biết? - So sánh bản nguyên tác và dịch thơ để thấy rõ sắc thái của cảnh thu trong cảm nhận của Đỗ Phủ. - Khái quát lại vẻ riêng của thiên nhiên ở 4 câu đầu? Trong cảnh đó có ngụ tình của tác giả không? Đó là cảm xúc, tâm trạng gì? Tương quan cảnh và tình?	- Chỉ ra sự thay đổi điểm nhìn của nhà thơ ở bốn câu sau. - Những hình ảnh và hoạt động nào được nhắc đến ở bốn câu cuối? Qua những hình ảnh, hành động đó, chủ thể trữ tình bộc lộ tâm sự, cảm xúc gì? - So sánh nguyên tác và dịch thơ
Trả lời	…… …… ……	…… …… ……
Câu hỏi chung	Xác định mối quan hệ giữa bốn câu thơ đầu với bốn câu thơ sau, mối quan hệ giữa toàn bài với nhan đề "*Thu hứng*"?	

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **- HS thực hiện chương trình Du hành cùng Thu hứng (PP đóng vai, phỏng vấn tạo không khí)** Hướng dẫn viên sẽ tái hiện cảnh sắc Trung Hoa qua những cuộc gặp gỡ cụ thể: 1. Một người dân Quỳ Châu – Trung Quốc:	**III. Đọc – hiểu chi tiết (Suy ngẫm và phản hồi)** **1. Cảnh thu về trên đất khách** **a. Hai câu đề** *Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,* *Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.* - Hình ảnh: *sương móc trắng xóa*; *rừng phong tiêu điều*. - Địa danh: *núi Vu, kẽm Vu*- vùng núi hoang sơ, hùng vĩ, hiểm trở. - So sánh nguyên tác và dịch thơ:

- Chào bạn , Quỳ Châu nổi tiếng với cảnh trí xinh đẹp, nhất là vào mùa thu, bạn có thể tái hiện lại những sắc cảnh thu nơi Quỳ Châu không ạ? - Bạn đã trải nghiệm thu nhiều lần, nhiều nơi, bạn có thấy cảnh thu Quỳ Châu khác biệt so với thu vùng khác không ạ? - Bạn có xúc cảm gì trong mùa thu? 2. Nhà thơ Đỗ Phủ - người lữ thứ chốn Quỳ Châu: - Chào Thi thánh, tại chốn Quỳ Châu ông đã viết Thu hứng, người đọc thấy thu của ông khác lạ mà hứng trong mùa thu cũng khác lạ, ông có thể chia sẻ không ạ? + Trước hết là thần thái cảnh vật thu nơi Quỳ châu? + Tiếp theo, xin mời thi nhân chia sẻ về những xúc cảm đặc biệt trong một mùa thu đặc biệt chốn xứ lạ phương xa? 3. Nhà thơ Nguyễn Công Trứ với bản dịch 1: - Là người dịch *Thu hứng*, đại nhân nhận xét như thế nào về bài thơ này? - Sau khi nghe những chia sẻ của "Thi thánh", đại nhân có suy nghĩ gì về bản dịch của mình so với thu hứng phiên âm? **- HS hoàn thành Phiếu học tập 03 theo kĩ thuật Khăn trải bàn.** **- Nhóm 1, 2: Tìm hiểu cảnh thu (4 câu đầu)** **- Nhóm 3, 4: Tìm hiểu tình thu (4 câu sau)** GV phát PHT riêng cho từng nhóm. GV chia HS thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:	**Sương móc:** Ở bản dịch, tác giả không truyền tải được tinh thần của nguyên bản. **+ Trong bản dịch:** • Sương móc rơi lác đác – lác đác là tính từ cho thấy sự thưa thớt của những hạt sương rơi. -> Cảnh tượng diễm lệ, mờ ảo, quyến rũ • Rơi ở rừng phong : Rừng phong – trạng ngữ chỉ nơi chốn. Những hạt sương đang lác đác giăng mắc khắp nơi. => Cảnh thiên về cái đẹp. **+ Trong nguyên bản:** • Sương móc là hình ảnh đặc trưng của mùa thu Trung Quốc. -> Sương móc là sương lạnh -> Lạnh lẽo • Sương móc trắng xóa – dày đặc, giăng mắc, bao phủ khắp không gian, cảnh vật. -> Màu trắng không gợi ra sự tinh khôi, thanh khiết mà gợi ra sự ảm đạm và hiu hắt, lạnh lẽo. **Rừng phong:** - Hình ảnh đặc trưng của mùa thu Trung Quốc, rực rỡ sắc vàng, sắc đỏ. - Không phải trạng ngữ như bản dịch mà là bổ ngữ, Trở thành đối tượng bị dập vùi dưới màn sương móc dày đặc. -> trở nên xơ xác, tiêu điều. -> Rừng phong là một trong hai đối tượng bị ảnh hưởng bởi sương móc. **Núi Vu, kẽm Vu:** Trong bản dịch, tác giả cũng không truyền tải đúng tinh thần của nguyên bản: • Tên địa danh: Vu sơn, Vu giáp đã bị chuyển thành ngàn non. Ngàn non khi thay thế cho Vu sơn, Vu giáp đã không nói hết đặc trưng của nơi đây. Nơi đây được miêu tả như sau: cả vùng tam giáp ấy, hai bên bờ là hai dãy núi chảy dài, không có một khoảng trống. Vùng núi cao ấy không bao giờ thấy ánh sáng mặt trăng và mặt trời nên rất tăm tối, ảm đạm. -> Phải dùng đúng từ mới hình dung được sự tăm tối, ảm đạm như thế nào. **• khí tiêu sâm** -> hiu hắt, khí thu lòa. + Trong nguyên tác: • Tác giả nhắc đến hai địa danh ->gợi ra sự tăm tối, ảm đạm, hiu hắt, lạnh lẽo.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0. - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận: - Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập. - Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung. - Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập. - Nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung. ? HS xác định mối quan hệ giữa bốn câu thơ đầu với bốn câu thơ sau, mối quan hệ giữa toàn bài với nhan đề "*Thu hứng*"? GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV nhận xét đánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm. GV chuẩn hóa kiến thức.	• Dưới sự tác động của sương móc trắng xóa, càng thêm ảm đạm, hiu hắt nên mới dùng là "khí tiêu sâm". -> Sương móc gây tác động mạnh mẽ đến hai hình ảnh còn lại. **=> Mối quan hệ giữa các từ ngữ, hình ảnh đã mang đến cho người đọc sự cảm nhận về bức tranh cảnh thu nơi đất khách: lạnh lẽo, tiêu điều, hiu hắt tăm tối.** **Cảnh này dưới cái nhìn của Đỗ Phủ, trong tình trạng của Đỗ Phủ, đang bị mắc lại ở nơi này, bệnh tật, đói khổ dường như càng hiu hắt, tăm tối đến muôn phần.** **b. Hai câu thực** Nếu ở hai câu đề, tác giả bao quát cảnh thu theo chiều rộng thì ở hai câu thực, tác giả bao quát cảnh thu theo chiều cao. *Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,* *Tái thượng phong vân tiếp địa âm.* **- Câu thơ dịch:** *sóng rợn, mây đùn* chưa chuyển tải đúng ý thơ + *Sóng rợn* không đúng với sóng vọt lên tận lưng trời + *Mây đùn* không đúng với mây sà xuống giáp mặt đất => làm mất đi rất nhiều ý tứ sâu xa gửi gắm trong câu chữ. **- Văn bản gốc:** tác giả sử dụng kết hợp biện pháp nghệ thuật đối và phóng đại: + *Sóng vọt lên tận lưng trời* + *Mây sà xuống giáp mặt đất* -> Gợi ra sự vận động trái chiều hết sức mạnh mẽ -> Gợi ra không gian bị ken dày, đặc quánh, bị lấp kín bằng sóng, bằng mây. **=> Bức tranh thu hiện lên tuy hùng vĩ, dữ dội nhưng âm u, dồn nén, ngột ngạt.** **<u>Tiểu kết:</u>** - Tái hiện bức tranh cảnh thu trên đất khách với hai nét vẽ nổi bật: hùng vĩ và âm u nhưng âm u lấn át hùng vĩ, bi thương lấn át sự hoành tráng. - Đằng sau bức tranh cảnh thu là nỗi niềm của tác giả: lo lắng, bất an - Bức tranh ấy là sự tái hiện khung cảnh xã hội những năm sau loạn An Lộc Sơn: bức bối, ảm đạm, xơ xác, chất chứa sự dồn nén và bí bức. **2. Cảm xúc của nhà thơ trước cảnh thu (Tình thu)**

	Dịch chuyển từ không gian cao xa đến không gian gần thấp, từ bức tranh cảnh vật chuyển sang bức tranh cuộc sống. -> Dịch chuyển từ thu cảnh sang thu tâm. **c. Hai câu luận** *Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,* *Cô chu nhất hệ cố viên tâm.* -Tác giả tái hiện hai hình ảnh: khóm cúc và con thuyền -> mỗi hình ảnh ẩn chứa những nỗi niềm của tác giả. *** Câu 5:** bản dịch thơ không truyền tải hết ý nghĩa của nguyên tác. - Cả bản dịch và nguyên tác đều được ẩn chủ ngữ -> cách nói quen thuộc, phổ biến trong thơ Đường -> mang đến hai cách hiểu của chủ thể nước mắt tuôn rơi: + Thứ nhất, nước mắt tuôn rơi là của khóm cúc vì những cánh hoa nở ra đều mang hình giọt lệ, khóm cúc nở hoa cũng là khóm cúc đang tuôn rơi những giọt lệ. + Thứ hai, chủ thể của nước mắt là thi nhân. Cứ mỗi lần nhìn khóm cúc nở hoa là một lần nhận ra thời gian chảy trôi, mà mình cứ bị buộc ở đây mãi, càng chạnh lòng, lại thức dậy nỗi nhớ quê trong bất lực. => Chúng ta có thể hiểu theo cả hai cách. => Câu thơ chất chứa nỗi buồn đau của tác giả mỗi khi hoa cúc nở. - Dịch giả không dịch sát ý từ "lưỡng khai" (hai lần) chỉ dịch khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ. + Khóm cúc nở hoa đã hai lần mới nhấn mạnh vào con số, hai năm – khoảng thời gian gia đình tác giả lưu lạc và mắc lại ở mảnh đất Quỳ Châu. + "Lưỡng khai" còn là con số ước lệ - số nhiều – gợi ra nỗi đau triền miên và dai dẳng. Không chỉ năm nay hoa cúc nở mới làm thức dậy nỗi đau mà nỗi đau ấy từ năm ngoái -> nỗi đau triền miên - Hình ảnh "giọt lệ cũ" -> không phải chỉ bây giờ nhìn hoa cúc nở mới tuôn rơi nước mắt, không phải bây giờ hoa cúc nở mới có hình giọt nước mắt. Hoa cúc có thể nở mới nhưng nước mắt vẫn thế, nỗi đau buồn vẫn thế và nó là giọt nước mắt buồn đau trong bế tắc. **=> Nỗi đau dai dẳng, thường trực từ rất lâu.** **=> Nỗi đau trong bế tắc – nỗi đau thời thế, nỗi nhớ quê hương mà không thể nào có thể trở về quê hương.** *** Câu 6:** *Cô chu nhất hệ cố viên tâm*

	- Dịch giả không dịch sát được hai hình ảnh "cô chu" và "cố viên tâm" + "Cô chu": hình ảnh con thuyền cô đơn, lẻ loi -> gợi ra cảnh ngộ cô đơn, lẻ loi, trôi nổi nơi đất khách của tác giả. -> Câu thơ trước hết là hình ảnh thực: con thuyền chở gia đình nhà thơ về quê đã bị mắc lại ở Quỳ Châu. -> Đằng sau nghĩa thực là một hàm ý: gửi gắm nỗi nhớ quê buộc chặt trên con thuyền lẻ loi nơi đất khách. -> Chữ "buộc" trở thành nhãn tự của câu thơ. Chữ "buộc" vừa là sợi dây buộc con thuyền, vừa là sợi dây thắt lòng người. + Hình ảnh "cố viên tâm": tấm lòng nhớ nơi vườn cũ. -> "Cố" (cũ) trong tiếng Trung Quốc mang sắc thái mạnh mẽ, "cố" không chỉ là cũ mà là những gì đã trải qua, gắn bó sâu sắc. -> "Viên" (vườn): nghĩa đen là vườn ở quê nhà tác giả ở Lạc Dương (Đông Đô) kinh đô của các triều đại trước kia, những triều đại đã từng xây dựng được đất nước thái bình, thịnh trị, no ấm. Vườn này là đất nước một thời thái bình thịnh trị, đất nước đặt trong sự đối nghịch dữ dội với đất nước bây giờ. **=> Ở hai câu thơ này là nỗi nhớ quê, nhớ nước trong sự đau đớn, bế tắc.** **d. Hai câu kết:** *Hàn y xứ xứ thôi đao xích,* *Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.* Trong thơ Đường luật, hai câu kết là hai câu thơ tác giả trực tiếp bộc lộ cảm xúc chủ quan của mình nhưng trong bài thơ này, tác giả lại chuyển sang tả cảnh. -> Mục đích: tả cảnh để ngụ tình - Ngoại cảnh: hai âm thanh + Âm thanh rộn ràng dao thước để may áo rét + Tiếng chày đập áo dồn dập ->Hai âm thanh gợi cảnh tượng quen thuộc trong đời sống của người dân Trung Quốc xưa: chuẩn bị áo rét khi mùa đông đến gần - Gửi gắm cảm xúc, nỗi niềm: + Nỗi nhớ quê – trong thân phận một kẻ tha phương nơi đất khách quê người. + Nỗi lo lắng vì đất nước chưa yên. **=> Tiểu kết:** Cảnh thu ở bốn câu sau thấm đượm tình thu, thậm chí còn đồng nhất với tình thu (câu 5-6), khắc sâu ấn tượng về sự cô đơn, lẻ loi, u uất của kẻ tha hương nặng

	lòng với quê hương và lo âu cho tình hình đất nước chưa yên ổn.
	***Nhận xét mối quan hệ giữa bốn câu đầu và bốn câu sau:** - Cả bốn câu thơ đầu và bốn câu thơ sau cùng góp phần tạo nên một bức tranh mùa thu có cả cảnh và tình thấm vào nhau. - Mối quan hệ giữa toàn bài với nhan đề: bài thơ có nhan đề là "Thu hứng" (Cảm xúc mùa thu) do đó toàn bộ bài thơ, câu thơ, từ ngữ, hình ảnh và tứ thơ đều chuyển tải cái tình vào cảnh mùa thu. Bốn câu thơ đầu là cảnh thu với nỗi u uất của nhà thơ còn ở bốn câu sau tâm sự của nhà thơ lại thấm đẫm vào trong cảnh thu, tạo nên hai hình ảnh gợi buồn đến ám ảnh.

Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.
c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS trao đổi theo cặp trong bàn: *- Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?* *- Khi đọc hiểu một bài thơ Đường luật, em cần chú ý những gì? / Em rút ra những kinh nghiệm gì khi đọc hiểu một bài thơ Đường luật?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** HS trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV nhận xét đánh giá kết quả của các cặp, chuẩn hóa kiến thức.	**IV. TỔNG KẾT** ***1. Nội dung*** - Bức tranh thu hiu hắt, thê lương, ảm đạm mà đầy dồn nén dữ dội, thấm đẫm tâm sự của tác giả. - Tâm trạng tác giả: + Lo âu cho đất nước. + Buồn nhớ quê hương. + Ngậm ngùi, xót xa cho thân phận mình. ***2. Nghệ thuật*** - Tả cảnh ngụ tình. - Ngôn ngữ hàm súc. - Nghệ thuật đối chỉnh, tạo các mối tương quan ***3. Cách đọc hiểu một bài thơ Đường luật*** - Cần chú ý đặc điểm thể loại, văn tự, đề tài, chủ đề, không gian, thời gian và sự liên hệ giữa các câu thơ trong bài. Nếu là thơ bằng chữ Hán, trước khi đọc phần Dịch thơ cần đọc kĩ phần Dịch nghĩa để hiểu rõ ý các câu thơ. Chú ý đối sánh giữa phần phiên âm và phần dịch thơ. - Hiểu được bài thơ là lời của ai; nói về điều gì; nói bằng cách nào; cách nói ấy có gì độc

	đáo, đáng nhớ (*nghệ thuật đối, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,…)* - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình và những tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(5 phút)

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi, bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Trò chơi *"Ai nhanh hơn?"

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV lần lượt đọc các câu hỏi trắc nghiệm 4 đáp án, HS nào giơ tay nhanh nhất sẽ được trả lời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS lắng nghe và xung phong giơ tay để trả lời.

Bước 3: Công bố kết quả

- Nếu HS giơ tay trả lời sai thì sẽ mất quyền chơi ở các câu hỏi tiếp theo.

- GV sẽ mời thêm 01 HS trả lời nếu HS đầu tiên trả lời sai.

Các câu hỏi như sau:

Câu 1: Bài thơ được ông làm khi nào?

A. Năm 760

B. Năm 764

C. Năm 766

D. Năm 769

Đáp án C. Năm 766

Câu 2: Dòng nào sau đây không nói về Đỗ Phủ?

A. Ông sống trong nghèo khổ, chết trong bệnh tật.

B. Là nhà thơ hiện thực vĩ đại Trung Quốc.

C. Được người Trung Quốc gọi là "Thi tiên".

D. Giọng thơ trầm uất nghẹn ngào.

Đáp án C. Được người Trung Quốc gọi là "Thi tiên".

Câu 3: Nội dung biểu đạt của hai câu thơ mở đầu là gì?

A. Cảnh chiều thu trong sáng, êm đềm.

B. Cảnh chiều thu tĩnh lặng, thanh bình.

C. Cảnh chiều thu hùng vĩ, khoáng đạt.

D. Cảnh chiều thu buồn bã, ảm đạm.

Đáp án D. Cảnh chiều thu buồn bã, ảm đạm.

Câu 4: Hình ảnh ***cô chu*** (con thuyền lẻ loi) **không** gợi đến điều gì?

A. Cuộc đời lênh đênh, phiêu bạt của nhà thơ.

B. Ước vọng được trở về quê hương của tác giả.

C. Tâm trạng lẻ loi, cô đơn của tác giả.

D. Khát vọng lên đường, du ngoạn khắp nơi của tác giả.

Đáp án D. Khát vọng lên đường, du ngoạn khắp nơi của tác giả.

Câu 5: Chọn đáp án đúng nhất: Bài thơ ***Thu hứng*** gợi cho ta điều gì về tâm hồn nhà thơ Đỗ Phủ?

A. Tình yêu thiên nhiên.

B. Nỗi buồn về thời thế.

C. Nỗi buồn về thời thế và tình yêu quê hương sâu sắc.

D. Tình yêu quê hương.

Đáp án C. Nỗi buồn về thời thế và tình yêu quê hương sâu sắc.

Câu 7: Bốn câu đầu và bốn câu sau trong bài ***Thu hứng*** có quan hệ với nhau như thế nào?

A. Bốn câu đầu tả cảnh thu, bốn câu sau tả tình thu.

B. Bốn câu đầu tả cảnh trên cao, bốn câu sau tả cảnh dưới thấp.

C. Bốn câu đầu tả xa, bốn câu sau tả gần.

D. Bốn câu đầu tả cảnh, bốn câu sau tả người.

Đáp án A. Bốn câu đầu tả cảnh thu, bốn câu sau tả tình thu.

Câu 8: Cảm xúc tác giả trong hai câu luận của bài ***Thu hứng*** chủ yếu được gợi lên bởi điều gì?

A. Nỗi buồn vì chiến tranh loạn lạc.

B. Không thể trở về quê hương.

C. Sự nghèo khó.

D. Cuộc sống xa quê trong hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc.

Đáp án D. Cuộc sống xa quê trong hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc.

Câu 9: Nghệ thuật nào được sử dụng trong hai câu kết?

A. Ước lệ tượng trưng

B. Tả cảnh ngụ tình

C. Ẩn dụ

D. So sánh

Đáp án B. Tả cảnh ngụ tình

Câu 10: Nhà thơ Đỗ Phủ được mệnh danh là gì?

A. Thi tuyệt

B. Thi tiên

C. Thi thần

D. Thi thánh

Đáp án D. Thi thánh

***Nhiệm vụ 2 : Viết tích cực**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân

Yêu cầu: Những yếu tố làm nên đặc trưng và sức hấp dẫn của thơ Đường luật và thơ hai-cư có nhiều điểm gần gũi nhau. Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về những điểm tương đồng ấy.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: điểm gần gũi của những yếu tố làm nên đặc trưng và sức hấp dẫn của thơ Đường luật và thơ hai-cư	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Dù ở nơi mặt trời mọc hay dạo nơi Vạn Lý Trường Thành, đã là thi sĩ thì tâm hồn sẽ có sự tương giao, đồng cảm. Dù là thơ hai-cư hay những thi phẩm Đường luật, chỉ bằng một vốn từ ngữ quen thuộc, các nhà thơ vẫn tạo nên được những cách biểu đạt thật tinh tế, gợi ra nhiều liên tưởng và ý nghĩa. Chỉ một tiếng quạ kêu đẫm buồn thu miên man, chỉ vài đóa triêu nhan dính nên dây gầu hay một chú ốc sên nhỏ cần mẫn leo Phú Sĩ,... cũng có thể gợi lên những xúc cảm tinh vi về thiên nhiên bất tận, về cuộc sống vô cùng. Những vần thơ hai-cư nhỏ xinh như những cánh hoa nhưng hương thơm và sắc thắm thì còn vương vấn mãi trong tâm tưởng người đọc. Thơ Đường luật cũng lời ít ý nhiều, mỗi bài thơ chỉ tám câu 56 chữ nhưng ý tưởng mở ra vô biên. Thế giới thi ảnh nằm trong mối quan hệ tương đồng hoặc đối lập, tả ít gợi nhiều, tả gián tiếp hơn là trực tiếp nhờ đó mở ra không gian vũ trụ khôn cùng. Chỉ là thu thôi, nhưng sao buồn đượm cả sương, tiêu điều cả phong, âm u cả kẽm Vu núi Vu, ứa lệ tuôn rơi thu nay mà mang theo bao xót xa thu xưa, rồi cô đơn sâu thẳm khi thu giục cúc nở vàng, giục thuyền cọc bến, giục tay nhanh dệt vải, tay nhanh cán chày giặt áo đợi buốt giá đông sang…

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ (5 phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân: **Yêu cầu**: 1. Từ văn bản hãy viết 1 đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ với chủ đề: *Quê hương trong tôi là…* 2. Tập làm thơ Đường luật 3. Vẽ cảnh thu tái hiện *Thu hứng* 4. Tạo poster quảng cáo sách về thơ Đường **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ (làm tại lớp nếu còn thời gian hoặc về nhà) **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** **Bước 4: Kết luận, nhận định**	**Yêu cầu 1:** - Hình thức: đúng hình thức đoạn văn, khoảng 150 chữ. - Nội dung: ấn tượng sâu sắc về quê hương (thiên nhiên, con người…) trong bản thân mỗi HS. **Yêu cầu 2:** - Hình thức: đúng luật - Nội dung: có chủ đề, giàu cảm xúc… **Yêu cầu 3,4:** đường nét đẹp, hài hòa, phong phú, hấp dẫn, ấn tượng….

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học
- Tìm đọc thêm các bài thơ của Đỗ Phủ
- Sưu tầm một số bài thơ viết về mùa thu trong thơ Trung đại Việt Nam.
- Chuẩn bị soạn bài: *Mùa xuân chín* (Hàn Mặc Tử)

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

Tiết 15,16 **Văn bản 5: MÙA XUÂN CHÍN**

- Hàn Mặc Tử -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Đọc

Đọc hiểu nội dung

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản "Mùa xuân chín" muốn gửi đến người đọc: Bài thơ là bức tranh mùa xuân đẹp, xanh tươi, đầy sức sống. Qua đó thể hiện tình yêu tha thiết, mãnh liệt và một nỗi nhớ nhung khắc khoải, da diết của nhân vật trữ tình về một thế giới tươi đẹp giờ chỉ còn trong kí ức.
- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề;
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà tác giả Hàn Mặc Tử thể hiện qua văn bản;
- Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của bài thơ "Mùa xuân chín": Ngôn từ, hình ảnh thơ vừa bình dị vừa giàu sức gợi hình, biểu cảm; cách ngắt nhịp độc đáo; các phép tu từ so sánh, nhân hóa.. mang lại hiệu quả nghệ thuật cao.
- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong bài thơ "Mùa xuân chín" như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các phép tu từ, chủ thể trữ tình (nhân vật trữ tình).

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản "Mùa xuân chín": sự ảnh hưởng của thơ ca Pháp, đặc biệt là trào lưu chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tượng trưng.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

Đọc mở rộng

- Học sinh đọc được một số bài thơ Mới khác.

2. Phẩm chất

- Biết rung cảm và tinh tế trước cái đẹp.
- Yêu mến và trân trọng những sáng tạo nghệ thuật của Hàn Mặc Tử
- Bồi đắp cho HS tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, con người, quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh, tư liệu, video clip liên quan đến Hàn Mặc Tử và "Mùa xuân chín"
- Bảng kiểm, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5 phút)

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về VB, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS xem video clip, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn HS chơi trò chơi: Lật mảnh ghép

Từ khóa sẽ được giấu phía sau các câu hỏi gợi ý từ khó đến dễ hoặc qua những hình ảnh

1. **Từ khóa 1: Thơ mới**

Gợi ý:

- **Thơ Trung đại >< ???**
- **Loại thơ không cũ**
- **Tồn tại từ 1932 – 1945**

2. **Từ khóa 2: Xuân Diệu, Huy Cận, Chế lan Viên (Một số tác giả Thơ mới)**

Ngô Xuân Diệu	
	Nhà thơ Xuân Diệu
Sinh	2 tháng 2 năm 1916 xã Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định
Mất	18 tháng 12, 1985 (69 tuổi) Hà Nội
Bút danh	**Xuân Diệu**, **Trảo Nha**
Công việc	Nhà thơ, Nhà báo
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Học vấn	Tú tài, Cử nhân luật
Giai đoạn sáng tác	1936 - 1985
Thể loại	Trữ tình
Chủ đề	Thơ tình
Trào lưu	Phong trào Thơ mới
Giải thưởng nổi bật	Giải thưởng Hồ Chí Minh

Cù Huy Cận

Nhà thơ Huy Cận	
Bút danh	Huy Cận
Công việc	Nhà thơ
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Học vấn	Tú tài
Giai đoạn sáng tác	1936 - 2005
Thể loại	Trữ tình
Trào lưu	Phong trào Thơ mới
Giải thưởng nổi bật	Giải thưởng Hồ Chí Minh Huân chương Sao vàng

Chế Lan Viên	
Phan Ngọc Hoan	
Sinh	20 tháng 10 năm 1920 Quảng Trị, Liên bang Đông Dương
Mất	19 tháng 6, 1989 (68 tuổi) Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công việc	Nhà thơ Nhà văn
Giai đoạn sáng tác	1933 – 1989
Tác phẩm nổi bật	*Điêu tàn, Ánh sáng và phù sa*

3. **Một số đề tài: Thiên nhiên, Tình yêu, Quá khứ**
4. **Đọc một số câu Thơ mới mà em biết.**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân
Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

Bước 4: Kết luận, nhận định: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔GV dẫn vào bài:

Hoài Thanh thấy ở tinh thần **Thơ mới**, ấy là cái tôi cá nhân nhìn đời nhìn thiên nhiên bằng con mắt tươi trẻ xanh non đồng thời cảm thấy cô đơn trước vũ trụ và cuộc sống.

Thơ mới đó là những sáng tác thơ phi cổ điển, chịu ảnh hưởng các phép tắc tu từ, thanh vận của thơ hiện đại phương Tây. Thơ mới ra đời, phát triển dựa trên yêu cầu cấp thiết hiện đại hóa thi ca truyền thống. Trong làng **Thơ mới**, **Hàn Mặc Tử** là thi sĩ có diện mạo **thơ** vô cùng phong phú, sáng tạo và đầy bí ẩn. Bên cạnh những vần **thơ** điên, **thơ** say, **thơ** siêu thực là một giọng **thơ** trữ tình, đằm thắm, thể hiện tình yêu cuộc sống tha thiết, khao khát tình người đến cháy bỏng.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(... phút)

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu kiến thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về Thơ mới

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút, chia sẻ nhóm để tìm hiểu về Thơ mới và chủ thể trữ tình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu học tập 01: Tìm hiểu Thơ mới và chủ thể trữ tình trong thơ (HS đã chuẩn bị ở nhà)

Thơ mới	1. Giai đoạn	.....
	2. Vị trí	.....
	3. Ảnh hưởng	.....
	4. Nội dung	.....
	5. Hình thức	.....
Chủ thể trữ tình		

HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
***Tìm hiểu về Thơ mới** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - Yêu cầu HS đọc một bài Thơ mới mà em biết. - HS chia sẻ những hiểu biết về Thơ mới dựa vào kiến thức SGK tr.51 và đã tìm hiểu ở nhà. - Em có những nhận xét ban đầu gì về Thơ mới? - Trao đổi theo cặp đôi: Hoàn thành **Phiếu học tập 01. Tìm hiểu Thơ mới và chủ thể trữ tình trong thơ** **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.	**I. Kiến thức Ngữ văn: Một số kiến thức chung về thể loại Thơ mới**

Thơ mới	1. Giai đoạn	1932 - 1945
	2. Vị trí	- Sự kiện mở ra "một thời đại mới trong thi ca" Việt Nam. - Đánh dấu sự chấm dứt của mười thế kỉ thơ ca trung đại, đưa thơ Việt Nam vào quỹ đạo hiện đại.
	3. Ảnh hưởng	- Chịu ảnh hưởng của thơ ca Pháp, đặc biệt là trào lưu chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tượng trưng.
	4. Nội dung	- Bộc lộ những tình cảm, cảm xúc cá nhân cũng như ý thức cá tính của con người với nhiều biểu hiện đa dạng, độc đáo.
	5. Hình thức	- Bài thơ được tổ chức theo dòng chảy tự nhiên của cảm xúc.

<table>
<tr>
<td>- HS thảo luận cặp đôi nội dung PHT số 01 đã chuẩn bị ở nhà.
- GV quan sát, hỗ trợ góp ý.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.

- Các cặp đôi khác bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</td>
<td>
<table>
<tr><td></td><td></td><td>- Câu thơ và các phương thức gieo vần, ngắt nhịp, tạo nhạc điệu trở nên linh hoạt, tự do hơn.
- Hình ảnh thơ thể hiện rõ nét dấu ấn chủ quan trong cách nhà thơ quan sát, cảm nhận và tưởng tượng về thế giới.</td></tr>
<tr><td>Chủ thể trữ tình</td><td colspan="2">Là cái tôi cá nhân</td></tr>
</table>

Nhận xét: Với những cách tân quan trọng cả về nội dung và hình thức, Thơ mới đã mở ra nhiều khả năng phát triển đa dạng của thơ Việt Nam hiện đại.
</td>
</tr>
</table>

Hoạt động 2.2. Đọc - tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được những nét chung về tác giả Hàn Mặc Tử: cuộc đời, sự nghiệp, tác phẩm tiêu biểu...

- HS biết cách đọc văn bản và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động:

- HS vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân và nhóm tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP ***Tìm hiểu về nhà thơ Hàn Mặc Tử** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV: chia lớp thành 2 nhóm Các nhóm xem clip không lời, dựa trên những thông tin có được, thảo luận, thuyết trình về clip Một số thông tin chạy trên Clip: - 1912 – 1940 - Nguyễn Trọng Trí - Đồng Hới (nay thuộc tỉnh Quảng Bình) - Bệnh phong, số hiệu giường bệnh (hình ảnh hoặc từ ngữ) - Trại phong Quy Hòa (hình ảnh hoặc từ ngữ)	**II. Tìm hiểu chung** **1.Tác giả Hàn Mặc Tử** **a. Cuộc đời** - Hàn Mặc Tử (1912-1940) tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, quê ở làng Lệ Mỹ, tổng Võ Xá, huyện Phong Lộc, thị xã Đồng Hới (nay là phường Đồng Mỹ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình). - Hàn Mặc Tử xuất thân trong một gia đình viên chức nghèo, cha mất sớm, từ nhỏ sống với mẹ ở Quy Nhơn và có một thời gian học trung học ở Huế. Hết thời gian ở Huế, Hàn Mặc Tử làm công chức ở Sở Đạc Điền Bình

- Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh (hình ảnh hoặc từ ngữ)
- *Gái quê* (1936), *Thơ Điên* (1938), *Xuân như ý, Thượng thanh khí, Cẩm châu duyên, Duyên kì ngộ* (kịch thơ - 1939), *Quần tiên hội* (kịch thơ - 1940), *Chơi giữa mùa trăng* (thơ văn xuôi -1944).
- Thơ mới (hình ảnh hoặc từ ngữ)
- Hình ảnh trong phim Hàn Mặc Tử

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS suy nghĩ chuẩn bị câu trả lời.
+ GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Tổ chức trao đổi
+ HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV nhận xét câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức.

*** Tìm hiểu văn bản**

GV hướng dẫn cách đọc văn bản:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: đọc với giọng linh hoạt khi trong trẻo, thuần khiết; lúc chậm rãi, nhẹ nhàng, trầm tĩnh. Chú ý nhấn vào các động từ, tính từ, từ láy, ngắt giữa các khổ hoặc chuyển ý từ hình ảnh này sang hình ảnh khác...
- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá kĩ năng đọc:
- Gọi 1 – 2 HS đọc và giải thích từ khó (*Thầm thĩ*: thầm thì, tha thiết).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá kĩ năng đọc diễn cảm (bên dưới).

Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV và HS cùng đánh giá việc xác định cách đọc và đọc văn bản, tìm hiểu từ khó trong văn bản.
- GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức về tác phẩm

+ Đọc diễn cảm (khuyến khích HS ngâm thơ)
+ Chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.
+ Tìm hiểu chú thích SGK
+ Hướng dẫn HS nghe đọc mẫu (GV đọc, hoặc nghe đọc mẫu hoặc ngâm thơ trên Youtube).

GV hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa nhan đề tác phẩm

Định rồi vào Sài Gòn làm báo. Năm 1936, Hàn Mặc Tử phải trở về Quy Nhơn để chữa bệnh, bốn năm sau ông mất do căn bệnh phong.

- Hàn Mặc Tử làm thơ từ rất sớm (14, 15 tuổi) với nhiều bút danh khác nhau như Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh... Ban đầu Hàn Mặc Tử sáng tác theo thơ cổ điển Đường luật, sau đó chuyển sang sáng tác theo khuynh hướng lãng mạn.

=> Cuộc đời Hàn Mặc Tử thật ngắn ngủi và chịu nhiều đau thương, nhưng với khả năng sáng tạo và nghị lực phi thường, ông đã để lại cho thế hệ sau nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao. Qua diện mạo hết sức phức tạp và đầy bí ẩn của thơ Hàn Mặc Tử, người ta vẫn thấy rõ một tình yêu đến đau đớn hướng về cuộc đời trần thế.

b. Sự nghiệp sáng tác

- Các tác phẩm chính của Hàn Mặc Tử: *Gái quê* (1936), *Thơ Điên* (1938), *Xuân như ý, Thượng thanh khí, Cẩm châu duyên, Duyên kì ngộ* (kịch thơ - 1939), *Quần tiên hội* (kịch thơ - 1940), *Chơi giữa mùa trăng* (thơ văn xuôi - 1944). Ngoài tác phẩm *Gái quê* được in khi tác giả còn sống, còn tất cả các tác phẩm còn lại đều dược in thành tập khi Hàn Mặc Tử đã mất.

2. Tác phẩm

a. Đọc và giải thích từ khó

b. Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề "Mùa xuân chín"

Đơn vị từ ngữ	**Từ loại**	**Ý nghĩa**
Mùa xuân	**Danh từ**	Chỉ thời gian trong năm
chín	**Tính từ**	Chỉ thời kì phát triển đến giai đoạn sử dụng được

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS trao đổi theo cặp đôi: Hoàn thành **Phiếu học tập số 02. Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề "Mùa xuân chín"**

Đơn vị từ ngữ	Từ loại	Ý nghĩa
Mùa xuân	Danh từ	
chín	Tính từ	
Mùa xuân chín (DT + TT)		

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận cặp đôi nội dung PHT số 02
- GV quan sát, hỗ trợ góp ý.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS chia sẻ cặp đôi, sau đó cùng chia sẻ trước lớp

+ HS khác lắng nghe, phản hồi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.

Mùa xuân chín (DT + TT)	- Nhan đề của bài thơ đã gợi những liên tưởng rất lạ, rất đẹp và độc đáo: + Hình thức: gồm có hai từ kết hợp khá đặc biệt : tính từ " chín" (vốn thường kết hợp với danh từ chỉ sự vật cụ thể: quả ,cây, lúa ... chỉ thời kì phát triển đến giai đoạn sử dụng được), nhưng trong bài thơ tác giả lại kết hợp với danh từ chỉ thời gian trong năm("mùa xuân") + Nội dung: là thời điểm đẹp nhất, viên mãn nhất, tràn đầy sức sống của mùa xuân. **- "Mùa xuân chín" gợi lên một mùa xuân đang ở độ căng tràn, đẹp nhất, viên mãn nhất, tràn đầy sức sống, lung linh sắc màu, rạng rỡ sức xuân, phơi phới xuân tình; nghe vừa mới, vừa sôi nổi, vừa có một sức sống dồn nén đang thầm nảy nở giống như cái mới, cái lãng mạn và khao khát trong tâm hồn thi sĩ Hàn Mạc Tử.**

Bảng kiểm kĩ năng đọc

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo đọc đúng chính tả	
2	Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được xúc cảm, tâm tư nhà thơ.	
3	Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện sâu sắc xúc cảm, tâm tư nhà thơ.	
4	Ngâm thơ giúp người nghe như sống trong thế giới thơ ca	
5	Phổ nhạc, phối khí đem lại sức sống mới lạ cho bài thơ	

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn học sinh đọc hiểu chi tiết văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật văn bản:

- Bài thơ là bức tranh mùa xuân đẹp, xanh tươi, tràn đầy sức sống qua tình yêu tha thiết, mãnh liệt và một nỗi nhớ nhung khắc khoải, da diết của nhân vật trữ tình về một thế giới tươi đẹp giờ chỉ còn trong kí ức.

- Ngôn từ, hình ảnh thơ vừa bình dị vừa giàu sức gợi hình, biểu cảm; cách ngắt nhịp độc đáo; các phép tu từ so sánh, nhân hóa…mang lại hiệu quả nghệ thuật cao.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và phản hồi.

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập số 3:

Không gian xuân		**Từ ngữ**	**Tạo vật mùa xuân**	**Đặc điểm (dáng vẻ, màu sắc, hành động**	**Nhận xét**
Không gian ánh sáng					
Không gian hương thơm					
Không gian sắc màu rộng thoáng					
Không gian âm thanh	**Không gian cao vắt vẻo**				
	Không gian tự tình				
Không gian kí ức					
Nhận xét về xúc cảm nhân vật trữ tình					
Nhận xét về mùa xuân chín					

Phiếu học tập số 4 :

Những yếu tố mùa xuân	**Hệ thống từ ngữ thể hiện**	**Nhận xét vẻ đẹp mùa xuân và vẻ đẹp của các phương tiện thể hiện**

Thời gian				
Cảnh sắc mùa xuân	**Thiên nhiên**			
	Con người			
Mạch cảm xúc của người lữ khách				
Nhận xét về mùa xuân chín				

Hoạt động của GV và HS	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS thực hiện phiếu học tập số 3,4 theo nhóm **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ** + 2 nhóm thảo luận, trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ trên phiếu của mình + Mỗi nhóm thảo luận tìm cách thể hiện kiến thức + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** + HS trình bày nội dung kiến thức đã thảo luận (thuyết trình đơn, thuyết trình đôi, tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ yêu thơ Hàn, tổ chức trò chơi (tham khảo tư vấn từ GV), tổ chức tọa đàm mà khách mời sẽ là những nhân vật trong thời đại của bài thơ, những nhà nghiên cứu, phê bình,... (do HS đóng vai, tham khảo tư vấn từ GV),...) **Chẳng hạn với nhóm 1:** Tổ chức tọa đàm ***Theo dấu chân Hàn tìm nàng xuân chín*** HS chủ trì gồm MC và các khách mời: Người yêu thơ Hàn, Nhà ngôn ngữ học, Nhà tâm lí học và Nhà phê bình văn học GV sẽ tư vấn cho MC những câu hỏi sau: **1.** Đi qua *Mùa xuân chín*, thi sĩ họ Hàn giúp người đọc đến với những vùng không gian nào? **2.** Trong từng không gian ấy, bạn thấy được những điều gì về thiên nhiên và con người mùa xuân? **3.** Về mặt ngôn ngữ, nhà nghiên cứu có đánh giá như thế nào về cách dùng từ ngữ của Hàn Mặc Tử khi miêu tả mùa xuân chín? **3.** Dưới góc độ tâm lí, nhà nghiên cứu suy nghĩ như thế nào về dòng tâm tư của một con người trước vẻ đẹp mùa xuân nói chung và nhà thơ Hàn Mặc Tử trước mùa xuân chín nói riêng?	**III. Đọc – hiểu chi tiết (Suy ngẫm và phản hồi)** **1. Sản phẩm của nhóm 1 (phiếu học tập số 3)** **2. Sản phẩm của nhóm 2 (Phiếu học tập số 4)**

4. Với góc nhìn của một nhà nghiên cứu văn học, ông đánh giá như thế nào về vẻ đẹp mùa xuân chín, về hồn thơ Hàn Mặc Tử? **5.** Một cảm nhận của bản thân về nhà thơ Hàn Mặc Tử và *Mùa xuân chín*. **Với nhóm 2**, HS có thể tổ chức 1 buổi sinh hoạt của câu lạc bộ yêu thơ Hàn Bộ câu hỏi thiết kế để trao đổi trong buổi sinh hoạt: **1.** Nhận xét về thời gian trong bài thơ? **2.** Cảnh sắc thiên nhiên và con người được mô tả như thế nào giữa mùa xuân chín? Tìm các yếu tố ngôn từ thể hiện? Nhận xét về cảnh sắc xuân chín và vẻ đẹp ngôn từ thể hiện. **3.** Dòng suy tư của người lữ khách? **4.** Cảm nhận chung về mùa xuân chín? **5.** Nhận xét về nhịp và vần? **Bước 4: Đánh giá, kết luận** **GV khẳng định 2 phiếu học tập và sự trình bày của 2 nhóm chính là những cách tiếp cận khác nhau về cùng 1 tác phẩm *Mùa xuân chín*** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	

Sản phẩm của nhóm 1 (phiếu học tập số 3)

Không gian xuân	**Từ ngữ**	**Tạo vật mùa xuân**	**Đặc điểm (dáng vẻ, màu sắc, hành động**	**Nhận xét**
Không gian ánh sáng	Trong nắng	nắng, khói mơ	làn nắng ửng, khói mơ tan	- Tác giả đã sử dụng tính từ chỉ màu sắc (ửng, mơ vàng, biếc): tươi sáng, dịu nhẹ => bước đi của mùa xuân hiện hữu, nhẹ nhàng. Tất cả đang bước vào thời kì chớm xuân=> rạng ngời vẻ đẹp tươi tắn dưới ánh nắng mùa xuân. - Từ cụ thể, từ làn nắng, từ mái nhà tranh, từ gió rồi mới khái quát: "Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang". Câu thơ có một sự ngưng đọng, ngập ngừng cảm xúc nhẹ nhàng, bâng khuâng, vấn vương đón “bóng xuân sang", cảm xúc ngưng tụ như nín thở ấy ẩn mình vào dấu chấm giữa dòng thơ. Mạch thơ ngập ngừng như mạch cảm xúc. Bên giàn thiên lí,
Không gian hương thơm	Trên giàn thiên lý	Gió, tà áo biếc	gió sột soạt trêu tà áo tà áo biếc	

<table>
<tr><td colspan="2"></td><td></td><td></td><td></td><td>mùa xuân đã sang. Mùa xuân nhẹ nhàng bước... như có thể cầm được, có thể ngắm được ngay trước mắt mỗi chúng ta.</td></tr>
<tr><td colspan="2">Không gian sắc màu rộng thoáng</td><td>Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời</td><td>Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời</td><td>Sóng cỏ xanh tươi Sóng cỏ gợn tới trời</td><td>- Không gian: Mở rộng thoáng đạt
- Hình ảnh: Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời : nghệ thuật ẩn dụ gợi sự tươi tốt, xanh non của cỏ => thấy được bước đi của mùa xuân lan rộng tới chân trời.</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Không gian âm thanh</td><td>Không gian cao vắt vẻo</td><td>lưng chừng núi, trên đồi</td><td>Bao cô thôn nữ, tiếng ca</td><td>hát vắt vẻo</td><td rowspan="2">- Cô thôn nữ: hát trên đồi => "chín" đẹp nhất trong cuộc đời của con người => Mùa xuân đang “chín” từ cảnh vật đến lòng người: hớn hở, xôn xao, tràn đầy sắc xuân, phơi phới xuân tình.
- Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “ tiếng ca vắt vẻo” (từ thính giác sang thị giác) => tiếng ca : tinh nghịch, thực tế, ngộ nghĩnh
- Tác giả sử dụng nghệ thuật so sánh(hổn hển/ lời của nước mây) kết hợp với từ láy (hổn hển, thầm thĩ) => tiếng ca vang lên rất nhiều cung bậc, sắc thái: lúc thì gần gũi khi lại xa vời; khi cao vút (vắt vẻo lưng chừng núi) nhưng khi lại trầm lặng (thầm thĩ)
=> tiếng hát yêu đời, tràn đầy niềm khát khao cuộc sống bộc lộ " chín" nhất của mùa xuân, của lòng người.</td></tr>
<tr><td>Không gian tự tình</td><td>dưới trúc</td><td>ai ngồi dưới trúc</td><td>ý vị và thơ ngây</td></tr>
<tr><td colspan="2">Không gian kí ức</td><td>Dọc bờ sông</td><td>nắng chang chang Chị ấy</td><td>trắng gánh thóc</td><td>- Hoài niệm: " chị ấy năm nay còn gánh thóc"
- Sử dụng nghệ thuật: đầu cuối tương ứng: nắng nhẹ của mùa hè (nắng ửng)- kết thúc: nắng chang chang của mùa hè => Nghĩa tượng trưng: bức bối, chật chội, ngột ngạt của xã hội. “Gánh thóc”: gánh nặng của cuộc đời : hình ảnh của họ trở nên yếu ớt bị cái xã hội thực dân phong kiến " thiêu đốt" => gợi niềm u uất trong lòng nhà thơ.</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nhận xét về xúc cảm nhân vật trữ tình</td><td colspan="4">- Tâm trạng của nhà thơ: “Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi” => tiếc nuối: thời khắc đẹp đẽ của mùa xuân, con người không thể níu giữ => thương cho cảnh ngộ của mình.</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nhận xét về mùa xuân chín</td><td colspan="4">- "Mùa xuân chín" là một bài thơ xuân rất hay, là một bức tranh xuân mới nhất, trong sáng, rạo rực, say mê, thơ mộng mà thoáng buồn nhất.</td></tr>
</table>

	Hàn Mặc Tử với cảm hứng thiên nhiên trữ tình, màu sắc cổ điển hài hòa với chất dân dã, trẻ trung bình dị đã làm hiện lên một bức tranh xuân tươi tắn thơ mộng. Mùa xuân đẹp. Con người trẻ trung, hồn nhiên, xinh đẹp, đáng yêu. Yêu mùa xuân chín cũng là yêu đồng quê, yêu làn nắng ửng, yêu mái nhà tranh, yêu giàn thiên lí, yêu tiếng hát vắt vẻo của những nàng xuân trên "sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời". - "Mùa xuân chín" lúc thì dạt dào, lúc thì lắng dịu trong tâm hồn thi sĩ. Có lúc vồn vã, có lúc mênh mang, như đang lắng hồn mình vào bước đi của mùa xuân rồi bồi hồi, "sực nhớ... " và "bâng khuâng". Cái nhớ bâng khuâng của người lữ khách mãi mãi là tình thương mến, nỗi khát khao giao cảm với hương sắc và khúc nhạc mùa xuân, với làng quê thân thuộc nơi miền Trung "Dọc bờ sông trắng nắng chang chang"...

Sản phẩm của nhóm 2 (phiếu học tập số 4)

Những yếu tố mùa xuân		**Hệ thống từ ngữ thể hiện**	**Nhận xét vẻ đẹp mùa xuân và vẻ đẹp của các phương tiện thể hiện**
Thời gian		Nắng Ngày mai Năm nay…	- Về thời gian, đang say đắm trong thời khắc hiện tại với cảnh xuân phô bày trước mắt và bao cô thôn nữ đang khao khát xuân tình đầy ý vị, thoắt cái đã sang một tương lai vô vị "Ngày mai trong đám xuân xanh ấy/ Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi". Đương còn lắng nghe những lời thầm thĩ gần thế, đã sực nhớ đến một ảnh hình trong quá khứ xa thế "Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng / Chị ấy năm nay còn gánh thóc / Dọc bờ sông trắng nắng chang chang".
Cảnh sắc mùa xuân	**Thiên nhiên**	Nắng Khói Nhà tranh Gió Tà áo Giàn thiên lí Cỏ…	- Trong bài thơ có cả một hệ thống nhân vật: + Con người: "bao cô thôn nữ", "ai ngồi dưới trúc", "khách xa" và "chị ấy". + Thiên nhiên cũng có thể xem như một nhân vật: nhân vật Nàng Xuân. Tình xuân chín trong lòng thiên nhiên ấy bắt đầu bằng làn nắng ửng. Từ chớm chín, nhanh chóng thành chín rục, chín muồi, chín mẩy... Xuân tình nảy nở và tràn căng cùng lúc trong cả những con người lẫn thiên nhiên. ++ Đúng là **nắng xuân**, chẳng phải tia nắng, hạt nắng, chẳng phải giọt nắng mà là "làn nắng". Chữ "làn" như gợi một hơi thở nhẹ nhàng, nắng như mỏng tang, mềm mại trải đều trong thơ và trong không gian. Làn nắng lại "ửng" lên trong "khói mơ tan". Cảnh sắc nhẹ nhàng, đẹp dân dã mà huyền diệu. Sương khói quyện với nắng; cái "ửng" của nắng được tôn lên trong làn khói mơ màng đang "tan" ấy. Ngòi bút thi sĩ vẫn hướng đến một nét
	Con người	Cô thôn nữ Ai ngồi dưới trúc Khách xa	

		Chị ấy	thơ truyền thống, cổ điển, cảnh như có hồn, như có tình chan chứa. Trân trọng đón lấy cái nắng mới tinh khiết ấy là "Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng'!. Sự hô ứng trong vần thơ tạo ra một cảm xúc ấm áp, cảnh vật cân xứng hài hòa, đầy thơ mộng. Vài nét chấm phá đơn sơ mà tinh tế gợi cảm, dung dị mà đáng yêu. Chỉ có "đôi mái nhà tranh" hiện lên trong "làn nắng ửng" nhưng vẫn gợi lên một sức sống đang lay động, dân dã bình yên rất thân thuộc với mọi người. Nắng như đang rắc lên "đôi mái nhà tranh" chút sắc xuân và hương xuân: "Sột soạt gió trêu tà áo biếc". Cái âm thanh của gió "trêu" tà áo và cái gam màu "biếc" của lá ấy là cái tình xuân. Một chữ "trêu" đáng yêu quá, thân thương quá, có gì như mang hương sắc đồng quê từ những câu ca dao, hát ghẹo tình tứ thuở nào cứ ngân nga mãi trong lòng ta... Gió cũng chọn áo mà "trêu", phải chọn áo biếc mới thật thơ, thật đẹp. Mùa xuân là như thế, "chín" là như thế! ++ **Cỏ** như xanh mãi, tươi mãi trong không gian mênh mông, bao la. Hình ảnh ẩn dụ "sóng cỏ" và ba chữ "gợn tới trời" gợi tả làn cỏ xanh dập dờn trong làn gió xuân nhè nhẹ thổi. Chẳng biết ngoài kia là sóng cỏ thật , hay lòng thi sĩ cỏ xanh tươi mới gợn thành "sóng" như thế? Mùa xuân bao giờ chẳng có màu xanh của cỏ. "Cỏ xanh như khói bến xuân tươi" (Độ đầu xuân thảo lục như yên - Nguyễn Trãi). "Cỏ non xanh tận chân trời" (Nguyễn Du)... Gam màu "xanh tươi" đầy sức sống yên bình ấy trong thơ Hàn Mặc Tử cứ gợn tới trời", trải dài mãi như không dứt, trải mãi, ngân vào hồn thơ. Trong sắc xuân ấy, tình cảm con người cũng đến độ chín. Tiếng hát giữa mùa xuân thân quen quá, yêu thương quá. Một nét đẹp truyền thống của dân tộc, đẹp như ca dao, dân ca, như lễ hội mùa xuân muôn thuở của cái xứ sở này được nói đến qua tiếng hát "vắt vẻo" và "thơ ngây" của những nàng xuân, của bao cô thôn nữ. Câu thơ gợi lên cái "chín" trong hồn bao cô thôn nữ qua âm thanh “vắt vẻo", trong trẻo, tươi mát của câu hát giao duyên, của trai gái nơi đồng quê, mộc mạc mà tình tứ. Tâm hồn nhạy cảm, yêu cuộc sống thiết tha của thi sĩ Hàn Mặc Tử đã bắt vào lời hát ấy nhiều xao xuyến. ++ **Âm thanh** đọng lại trong từng tiếng thơ, độ ngân rung, "vắt vẻo" hòa nhịp với âm trầm "hổn hển" thể hiện một sự chuyển đổi cảm giác rất tinh tế, tài tình. Tâm hồn thi sĩ đã hòa nhập hẳn vào cái thế giới âm thanh mùa xuân ấy. Tiếng ca như vút lên cao, như ngập ngừng, như lưu luyến giữa "lưng chừng núi". Dư âm tiếng hát dường như giăng mắc, rung lên “vắt vẻo" gợi lên nhiều xao xuyến bâng khuâng trong lòng nhà thơ. Tiếng hát "hổn hển" được so sánh "với lời của nước mây", lời của thiên nhiên. Hai tiếng "hổn hển" như nhịp thở gấp gáp, vội vàng đầy hương xuân, tình xuân, cảm xúc vừa thực vừa mơ đến lạ kì. Lời hát của các cô thôn nữ sao mà đáng yêu thế, như hút hồn người, như tràn

			ngập cả không gian, góp phần làm nên một "mùa xuân chín". Và còn có tiếng thầm thì "thầm thì với ai..." dưới bóng trúc, hẳn là tâm sự, là thân thương rồi. “Vắt vẻo”, "hổn hển", "thầm thì" là ba cung bậc của ba âm thanh mùa xuân đang chín, thấm sâu vào hồn người đến nhẹ nhàng lắng dịu, chan chứa thương yêu. Sự phong phú về giai điệu và phức điệu của khúc hát đồng quê, làm say mê mọi người, để rồi cùng nhà thơ bâng khuâng cảm nhận: "Nghe ra ý vị và thơ ngây...". - **Về cảnh sắc**, bức tranh xuân đang **từ ngoại cảnh** (mái nhà tranh, giàn thiên lí, sóng cỏ xanh tươi, đám thôn nữ...) thoắt biến **thành tâm cảnh** (người con gái gánh thóc dọc bờ sông trắng), vừa mới “xuân sang” với nắng ửng, thoắt đà “xuân chín”, rồi bất ngờ vuột hẳn ra ngoài cõi xuân với nắng chang chang. Cứ “nhảy cóc” như thế là bởi cứ “sực nhớ” mà ra. Kí ức thi sĩ cứ liên tục “vặn kênh”, “chuyển kênh”. **=> Dường như đối với Hàn Mặc Tử, tình xuân nảy nở cứ càng lúc càng nồng nàn mãnh liệt hơn:** thành sắc màu, thành ánh sáng rồi thành gió trêu, thành sóng cỏ... mà cuối cùng là thành tiếng hát tình tứ. Tiếng hát là kết tinh cao nhất của tình xuân. Từ trong lòng tạo vật phát ra ngoài, rồi gợn lên, lan đi, vắt vẻo ở lưng chừng núi, và cuối cùng thì cao bay lên tận đỉnh trời thành lời của nước mây. Khi tiếng hát đã rộn rực say đắm đến thành “hổn hển” rồi thì đó là hơi xuân bốc lên cao nhất, lòng xuân tới độ nồng nàn nhất, chín nhất. Nó là đỉnh điểm của khí xuân tình xuân, điểm chín của vẻ xuân thì xuân tình. Nó “thầm thĩ” rót vào tai người “khách xa” những lời tình quyến rũ mà trong trẻo, nên khách đã: “nghe ra ý vị và thơ ngây”. Từ lòng người đến đất trời mây nước, tất cả đã vào điểm chín của tình xuân. Cả vũ trụ dường đang chan chứa vẻ xuân.
Mạch cảm xúc của người lữ khách			- Tiếng hát mùa xuân dân dã, tình tứ và đáng yêu quá, sắc xuân, hương xuân, tình xuân "đang chín" dần trong lòng thôn nữ, bỗng ngập ngừng như có sự hẫng hụt, băn khoăn: *"Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,* *Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi".* - "Đám xuân xanh ấy" là các cô thôn nữ đang hát, đang "thầm thì với ai ngồi dưới trúc" kia sẽ chín cùng mùa xuân và sẽ "theo chồng bỏ cuộc chơi... Thiên nhiên và lòng người như quyến luyến mùa xuân dần trôi qua, tuổi xuân hồn nhiên dần trôi qua. Hàn Mặc Tử như chợt thấy buồn, thấy hẫng hụt, bâng khuâng, như mất mát đi một cái gì trong lòng khi mùa xuân đang chín... "Xuân

			đương tới nghĩa là xuân đương qua/Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già" (Xuân Diệu). - Hàn Mặc Tử chính là người lữ khách đi qua mùa xuân gặp cái ý vị của mùa xuân: "Khách xa gặp lúc mùa xuân chín...". Một nét bút truyền thống cổ điển "xuân hướng lão" xen lẫn cái hiện đại, mới mẻ làm cho ý thơ thêm đậm đà hơn. Gặp lúc mùa xuân chín ấy mà thổn thức: *"Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng* *Chị ấy năm nay còn gánh thóc* *Dọc bờ sông trắng nắng chang chang".* Hình ảnh của kí ức hiện lên một thoáng buồn đẹp và trải rộng mênh mông xa vắng. Nhà thơ nhớ đến con người như khao khát một tình người, một tình quê. Mỗi một nỗi nhớ đều rất bâng khuâng. Nhớ một công việc cụ thể: "gánh thóc" trong một không gian cụ thể: "Dọc bờ sông trắng nắng chang chang". Chỉ có "chị ấy" là người đọc không thể biết mà chỉ có tác giả mới biết để mà "sực nhớ", mà thầm hỏi, mà man mác sợ "mùa xuân chín" ấy sẽ trôi qua. Hình như đó là nét thơ Hàn Mặc Tử, là tâm hồn Hàn Mặc Tử khao khát giao cảm với đời mà luôn có một nỗi niềm cô đơn, trống vắng, hẫng hụt như thế. - Về mạch cảm xúc, nó không được triển khai theo kiểu cứ tăng tiến mãi một chiều. Mà vận động theo lối đứt gẫy rồi chuyển điệu đột ngột tựa như bất chợt chuyển kênh. Bài thơ có bốn khổ, thì ba khổ đầu nghiêng về diễn tả vẻ rạo rực xuân tình trong cảnh vật và trong lòng người. Thế rồi trạng thái rạo rực đang dồn đẩy tới, thoắt chuyển thành trạng thái bâng khuâng. Mạch cảm xúc vì thế có tới hai cao trào: rạo rực thì đến mức “hổn hển” – “Hổn hển như lời của nước mây”, còn “bâng khuâng” thì đến thành xa vắng – “Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng”. Mới vừa “rạo rực” thoắt đã “bâng khuâng”, vừa ngây ngất yêu đời đã da diết thương đời. Đó chính là mạch chuyển lưu các đối cực của xúc cảm. Tất cả là chuỗi những “sực nhớ”. Những “sực nhớ” được xâu thành chuỗi bởi một mạch cảm xúc luôn chuyển lưu tạo thành dòng tâm tư bất định. Đó chính là lối liên kết độc đáo của “*Mùa xuân chín*” nói riêng và “Thơ điên” Hàn Mặc Tử nói chung. => Dấu ấn của thơ Hàn Mặc Tử là một trái tim nồng nhiệt, cuồng si, khát khao yêu đương, khao khát sống,

			là một bút pháp tài hoa, táo bạo, bằng một vài vét vờn vẽ đơn sơ mà tái hiện cả một bầu trời. Sẽ là một thiếu sót nếu ta không nói thêm sự liên tưởng, sự mở rộng nhiều chiều của thời gian đồng hiện. Đang miêu tả bức tranh tươi như một nét cười, một nụ hôn đắm say thuần khiết, thì đột ngột cái man mác rình rập ở đâu đó hiện ra trong ý nghĩ đau đớn của nhà thơ: *Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,* *Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi* Cái mầm ly biệt hiện ra như một tiền định. Có khác gì cơn ác mộng của Thuý Kiều sau lúc gặp Đạm Tiên cùng một lần hạnh phúc đắm say, dịu ngọt. Ta mới hiểu cái quy luật của lòng ham sống (chứ không phải là chủ nghĩa hưởng lạc!) *Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua* (Xuân Diệu) Cái nỗi niềm đứt ruột này nói hộ một tình yêu, một thứ tình yêu đắm đuối không cùng với cuộc đời mà con người trước dòng chảy của thời gian đã không sao giữ lại nổi. Cái xốn xang, xao xuyến hướng về phía trước cũng một lúc với ngoái lại sau: “Chị ấy năm nay còn gánh thóc…” Rõ ràng con đường xuân đã và đang đi sẽ hướng tới cái cuối cùng, đến chỗ hư vô. Nó không khỏi để lại trong khoảng trống vắng của cõi lòng nhà thơ nhiều bùi ngùi, ngẩn ngơ, luyến tiếc. Thì ra cái đẹp của cuộc đời dù hào phóng, dư thừa đến đâu cũng hạn hẹp. Cho nên phải biết quý nó từng phút, từng giây. Bởi nếu trái tim ta không dành trọn cho nó, nó sẽ vô tình đi qua như một cơn gió nhẹ. Cái tâm huyết của nhà thơ vừa chín với tuổi xuân đã sớm về với khe nước Ngọc Tuyền có phải là ở chỗ đó hay chăng?
Nhận xét về mùa xuân chín	- "Mùa xuân chín" là một bài thơ xuân rất hay, là một bức tranh xuân mới nhất, trong sáng, rạo rực, say mê, thơ mộng mà thoáng buồn nhất. Hàn Mặc Tử với cảm hứng thiên nhiên trữ tình, màu sắc cổ điển hài hòa với chất dân dã, trẻ trung bình dị đã làm hiện lên một bức tranh xuân tươi tắn thơ mộng. Mùa xuân đẹp. Con người trẻ trung, hồn nhiên, xinh đẹp, đáng yêu. Yêu mùa xuân chín cũng là yêu đồng quê, yêu làn nắng ửng, yêu mái nhà tranh, yêu giàn thiên lí, yêu tiếng hát vắt vẻo của những nàng xuân trên "sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời”. - "Mùa xuân chín" lúc thì dạt dào, lúc thì lắng dịu trong tâm hồn thi sĩ. Có lúc vồn vã, có lúc mênh mang, như đang lắng hồn mình vào bước đi của mùa xuân rồi bồi hồi, "sực nhớ... " và "bâng khuâng". Cái nhớ bâng khuâng của người lữ khách mãi mãi là tình thương mến, nỗi khát khao giao cảm với hương sắc và khúc nhạc mùa xuân, với làng quê thân thuộc nơi miền Trung "Dọc bờ sông trắng nắng chang chang"...		

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung		
2	Cách thể hiện phong phú không đơn điệu		
3	Thiết kế phần trình bày thành chương trình/tiết mục sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Theo em, điều gì làm nên vẻ đẹp của "Mùa xuân chín" **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** **HS:** Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. **GV:** theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân kết hợp trao đổi nhóm đã thực hiện nhiệm vụ, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức, rút ra kĩ năng đọc hiểu văn bản Thơ mới.	**III. Tổng kết** **1. Đặc sắc nghệ thuật** - Tạo không gian khi thống nhất khi đối lập (trên >< dưới, cao>< thấp, gần >< xa, khép>< mở,…) - Thời gian được tạo lập theo kiểu bị "đứt gãy", "gấp khúc" và dường như nó còn chứa đựng cả tâm trạng nhà thơ. Đây chính là thời gian đồng hiện, xen lẫn thời gian hiện tại, quá khứ và tương lai theo các trạng thái tâm lí nhân vật trữ tình. - Tứ thơ trải theo dòng tâm tư bất định (đang say sưa cùng cảnh xuân bỗng chốc miên man trong nỗi nhớ xuân xưa làng cũ). - Dòng cảm xúc chuyển lưu liên hồi tạo liên kết độc đáo cho toàn bài. - Ngôn ngữ giản dị, trong sáng thuần khiết kết hòa các tính từ, danh từ, trạng từ, từ láy,… - Giọng điêu khi trong trẻo, rộn ràng, khi lắng sâu, tha thiết. - Các biện pháp tu từ phong phú mang hiệu quả nghệ thuật cao. **2. Giá trị nội dung** Tác giả đặt tên cho **bài thơ** là "**Mùa xuân chín**" với ý nghĩa: cảnh sắc thiên nhiên **mùa xuân** trong **bài thơ** đang ở độ tươi đẹp nhất, viên mãn nhất. Nhưng trạng thái đó cũng đồng nghĩa với việc **mùa xuân** đang và sẽ

	trôi qua, cái đẹp không tồn tại vĩnh hằng, mãi mãi, để lại trong lòng nhà **thơ** sự nuối tiếc khôn nguôi. **3. Lưu ý khi đọc hiểu Thơ mới:** ***Đọc hiểu nội dung*** - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; - Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề; - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà tác giả thể hiện qua văn bản; - Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm. ***Đọc hiểu hình thức*** - Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của văn bản: Ngôn từ, hình ảnh thơ; cách ngắt nhịp độc đáo; các phép tu từ so sánh, nhân hóa... - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong bài thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các phép tu từ, chủ thể trữ tình (nhân vật trữ tình).

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.
b. Nội dung:
HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn phân tích theo chủ đề
c. Sản phẩm: Đoạn văn HS viết.
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1: GV giao nhiệm vụ:
Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một câu thơ hoặc một hình ảnh trong bài thơ ***Mùa xuân chín*** của Hàn Mặc Tử đã gợi cho bạn nhiều ấn tượng và cảm xúc.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: cảm nhận một câu thơ hay một hình ảnh gợi cho bạn nhiều ấn tượng và cảm xúc trong bài thơ ***Mùa xuân chín*** – Hàn Mặc Tử	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo

Đắm mình vào độ chín của xuân, người đọc miên man theo "Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời". Câu thơ Hàn thi sĩ gợi về cỏ của một thuở trung đại mà Tố Như đã từng rất thiết tha: "Cỏ non xanh tận chân trời". Cái mà Tố Như định thể hiện là sắc cỏ non xanh (nghĩa là ngoại hình của cỏ) trải ra chân trời (bề rộng), còn cái mà Hàn Mặc Tử nhằm tới lại là "sóng cỏ" (nghĩa là sự rung động của cỏ) đang gợn mãi lên đến tận vòm trời (chiều cao). Trong tương quan ấy, nếu sắc nghiêng về cái hữu hình, thì sóng nghiêng về cái vô hình; sắc là hiện thân của xuân cảnh, còn sóng là hoá thân của xuân tình. Rõ ràng, Hàn Mặc Tử muốn thông qua "sóng cỏ" thuộc về hình tướng của tạo vật để nắm bắt cái xuân chín thuộc về chân tâm của tạo vật.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ (5 phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập trong thực tiễn.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm thực hiện bài tập dự án.

c. Sản phẩm: Bài tập dự án.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Nhiệm vụ 1: HS sưu tầm lời bình về "Mùa xuân chín" và thơ Hàn Mặc Tử.

Nhiệm vụ 2: HS sưu tầm bài hát, phim, truyện, giai thoại, hình ảnh, bài báo về Hàn Mặc Tử.

Nhiệm vụ 3: HS biên tập và dàn dựng "Mùa xuân chín" thành hoạt cảnh, sau đó nhập vai tái hiện cảnh sắc xuân chín.

DẠY HỌC DỰ ÁN:

Một số lời bình tham khảo:

1. Văn Giá:

Âm hưởng chủ đạo của bài thơ là một niềm bi cảm, một nỗi buồn xa xót tiếc nuối, thấm thía đến sâu thẳm. Đó là một tình cảm thi ca gợi cho ta chạnh nghĩ về đời người, đời mình, cái nhất thời và cái vĩnh viễn, cái có nghĩa và vô nghĩa....

2. Mai Văn Hoan:

Muốn hiểu chủ đề của "Mùa xuân chín" tốt nhất là ta thử làm phép so sánh, đối chiếu hai khổ thơ đầu và khổ thơ cuối.

Trước mắt chúng ta hiện lên hai bức tranh gần như hoàn toàn đối lập nhau. Một bên "Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời", còn bên kia "Dọc bờ sông trắng nắng chang chang". Một bên "Bao cô thôn nữ hát trên đồi", còn bên kia "Chị ấy năm nay còn gánh thóc". Một còn xuân xanh, một đã qua thời tuổi trẻ. Một bên đông đảo vui vẻ, một bên lặng lẽ cô đơn... Mùa xuân ở trên là mùa xuân đang xanh, còn ở dưới là mùa xuân đã chín...

Ở câu gần cuối bài, Hàn Mặc Tử có ý nhấn mạnh chữ "còn". Trong khi bao cô thôn nữ đang hát hò vui vẻ thì chị ấy "còn" gánh thóc, từ năm này qua năm khác giữa cái nắng "chang chang" như vậy. Và từ hình ảnh chị ấy còn đang gánh thóc, mà thi sĩ ngậm ngùi cho bao cô thôn nữ ở trên...

Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.

Đó là quy luật ít ai cưỡng được. Thi sĩ biết vậy mà cứ tiếc thầm cho họ. Và biết đâu cũng như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử cũng tiếc cho cả tuổi xuân của mình...

3. Trần Hà Nam:

"Ngày mai...theo chồng bỏ cuộc chơi". Câu thơ man mác cái buồn cố hữu của những nhà thơ thời đó. Cái tiếc rẻ cho duyên con gái một đi không trở lại...Những âm thanh trong bài thơ chuyển động, cọ xát nóng bỏng: "vắt vẻo", "hổn hển", "thầm thĩ". Các cung bậc mùa xuân lên bổng, xuống trầm tinh nghịch, khát khao, dịu nhẹ. Những gam cảm giác Hàn Mặc Tử đưa vào thơ rất mới lạ mà lại gần gũi, quen thuộc...

Tận cùng của cảm giác là một nỗi nhớ nao lòng. Xuân chín căng, mời mọc làm người đi xa chạnh niềm tha hương. Hình ảnh trong nỗi nhớ sáng rực, thân thiết:

Chị ấy năm nay còn gánh thóc

Dọc bờ sông trắng, nắng chang chang?

Nỗi nhớ như mùa xuân, cũng chín đỏ. Như tình người, tình quê ấm áp, đậm đà. Câu hỏi tưởng bâng quơ, sực nhớ kia chính là nỗi niềm mến thương từ lâu ủ kín, chợt mùa xuân làm thức dậy trìu mến, thiết tha…

4. Báo *Văn nghệ*:

Sẽ là một thiếu sót nếu ta không nói thêm sự liên tưởng, sự mở rộng nhiều chiều của thời gian đồng hiện. Đang miêu tả bức tranh tươi như một nét cười, một nụ hôn đắm say thuần khiết, thì đột ngột cái man mác rình rập ở đâu đó hiện ra trong ý nghĩ đau đớn của nhà thơ: "Ngày mai trong...theo chồng, bỏ cuộc chơi". Cái mầm ly biệt hiện ra như một tiền định.

5. Vương Thừa Việt:

Những từ "vắt vẻo", "hổn hển" được tác giả dùng thật tài tình. Vắt vẻo ở câu trên chỉ sự thơ ngây, hổn hển ở câu dưới nói lên sự hồi hộp, đợi chờ trong lồng ngực của những cô gái đang căng tròn sức sống. Làm cho ai đó đang ngồi dưới trúc cũng phải rộn ràng...

Và câu thơ "Dọc bờ sông trắng nắng chang chang" nên được xem là câu thơ thần tình nhất của Hàn Mặc Tử. Ta hay nói sông xanh, sông đỏ, đây nhà thơ nói sông trắng. Nắng đến trắng cả sông thì phải biết nắng gay gắt như thế nào. Các cặp vần trắng – nắng, chang – chang kết hợp với năm phụ âm "ng" đứng cuối mỗi từ làm cho câu thơ mang âm hưởng đầy cảm xúc…

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Rubric thiết kế kịch bản và diễn xuất

Mức độ **Tiêu chí**	**Mức 1**	**Mức 2**	**Mức 3**
Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) dựa vào	Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ	Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa	Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn

nội dung văn bản. **(10 điểm)**	nội dung, diễn viên chưa nhập vai tốt. (5 – 6 điểm)	hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (7 – 8 điểm)	hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem. (9 - 10 điểm)

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Tìm đọc thêm các tác phẩm Thơ mới.
- Chuẩn bị bài: Bản hòa âm ngôn từ trong *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư – Chu Văn Sơn.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....

Tiết 17 Văn bản 6:

BẢN HÒA ÂM NGÔN TỪ TRONG TIẾNG THU CỦA LƯU TRỌNG LƯ

- Chu Văn Sơn-

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Đọc

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của *Tiếng thu* được nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn cảm nhận qua bản hòa âm ngôn từ

- Thấy được phương pháp cảm thụ một tác phẩm thơ: đi từ hình thức đến nội dung, nội dung và hình thức có mối quan hệ mật thiết không thể tách rời, đi sâu cảm thụ ngôn từ và các chi tiết nghệ thuật điển hình để làm bật lên nội dung tư tưởng tác phẩm

2. Phẩm chất

- Yêu mến thơ ca, trân trọng những tâm hồn tinh tế

- Yêu tiếng Việt với vẻ đẹp phong phú, tinh tế

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính, video clip liên quan đến bài học.
- Hệ thống câu hỏi định hướng, phiếu học tập…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5 phút)

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:
***Cách 1: PP Vấn đáp**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- Học sinh nghe một bản nhạc mùa thu (youtube)
- Học sinh đọc một đoạn văn xuôi tả mùa thu
- Học sinh xem một bức tranh mùa thu
- Học sinh lắng nghe bài thơ *Tiếng Thu* của Lưu Trọng Lư (youtube)
- Giáo viên đặt câu hỏi: Trong tất cả những loại hình nghệ thuật trên, loại hình nghệ thuật nào đánh thức trong em nhiều giác quan nhất, khơi gợi trong em nhiều tưởng tượng nhất, khiến em như vừa nhìn vừa thấy vừa nghe vừa cảm nhận được tất cả những cảnh sắc và tâm tình của mùa thu?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, trả lời theo cảm nhận cá nhân.

Bước 3: Báo cáo kết quả: HS trả lời câu hỏi, HS khác có thể nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔GV dẫn vào bài:

Lời nhạc hay thường giàu chất thơ, còn lời thơ hay lại giàu tính nhạc. Nói như Miên Trinh: "Lời nhạc là dòng dõi của thơ, lời thơ là họ hàng của nhạc". Tính "hợp điệu" của thơ sao cho dễ ngâm nga, dễ thuận tai luôn là đòi hỏi của người thưởng ngoạn, phê bình. Đến với thơ người đọc có thể cảm được toàn bộ sự "ngân vang, khiến người đánh nhịp", có thể thấu được sự "Thanh thoát, sống động, uyển chuyển, có thể lọt tai người". Một tài thơ được ngưỡng mộ, một tập thơ được truyền tụng không thể thiếu "vần điệu réo rắt" làm say cuốn lòng người. Và hôm nay cô trò mình sẽ đến với "Bản hòa âm ngôn từ trong *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư" qua những cảm nhận thật tinh tế của thầy Chu Văn Sơn.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(...phút)

Hoạt động 2.1. Đọc - tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu: Học sinh nhận biết được những nét chung về tác giả Lưu Trọng Lư, Chu Văn Sơn và tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 01: Tìm hiểu về tác giả

Tác giả	Lưu Trọng lư	Chu Văn Sơn
Ngày tháng năm sinh		
Quê quán		
Vị trí văn học		
Các tác phẩm chính		

PHIẾU HỌC TẬP 02: Tìm hiểu về tác phẩm

Xuất xứ	
Thể loại	
Phương thức biểu đạt chính	
Nội dung chính	
Giải thích nhan đề	
Bố cục	

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
***Tìm hiểu về tác giả Lưu Trọng Lư và Chu Văn Sơn:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, trao đổi về **Phiếu học tập 01** (đã chuẩn bị ở nhà). Thời gian thảo luận cặp: 03 phút **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** + Học sinh trả lời cá nhân hoặc theo từng cặp (2 HS luân phiên trình bày thông tin về tác giả). + Giáo viên khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi HS trả lời.	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Lưu Trọng Lư** - 1911 – 1991 - Sinh tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình **- Vị trí:** + Được xem là một trong những thi sĩ đầu tiên khởi xướng và tích cực cổ vũ cho phong trào Thơ mới. + Được ghi nhận là hồn thơ sầu mộng, ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên, dễ gợi sự cảm động. **- Các tác phẩm chính:** *Tiếng Thu* (thơ, 1939), *Người sơn nhân* (tập truyện ngắn, 1933), *Chiếc cáng xanh* (truyện dài, 1941), *Khói lam chiều* (truyện dài, 1941), *Tỏa sáng đôi bờ* (thơ, 1959) *Hồng Gấm, tuổi*

- Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét đánh giá kết quả của HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.	*hai mươi tới rồi* (kịch thơ, 1973), *Bao la sầu* (thơ, 1989). **2. Tác giả Chu Văn Sơn** - 1962 - 2019 - Quê ở Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, ông học trường cấp 3 chuyên Hàm Rồng, từng đoạt giải đặc biệt trong kì thi chọn học sinh giỏi Văn toàn quốc. - Ông giảng dạy tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, là nhà nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại. Ngoài ra còn là nhà văn, nhà lý luận, nhà phê bình văn học xuất sắc,... **- Phong cách sáng tác:** + Say mê cái đẹp là bản năng trong hành trình tìm cảm hứng sáng tác của ông. + Là người có tư duy văn học rất mới, đầy nhạy cảm. Với Chu Văn Sơn, văn chương là thế giới muôn màu, là điệu hồn muôn điệu của những âm thanh cuộc sống đã được người nghệ sĩ tài năng phát hiện căn chỉnh xếp đặt ngôn từ đúng giọng điệu, đúng thang bậc tần số để phát ra thứ âm thanh bằng ngôn ngữ rung động quyến rũ lòng người. + Trong sáng tác, xuất phát từ quan điểm nhận thức về cái đẹp, say cái đẹp đến khát khao, Chu Văn Sơn như con ong cần mẫn hút nhụy hương để kết tinh cho đời một thứ văn chương mà chúng ta không bao giờ quên, đó là tinh hoa của trời đất, tinh hoa của tạo hóa ban tặng con người. **- Các tác phẩm chính đã xuất bản:** *Ba đỉnh cao Thơ mới*: *Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử* (2005), *Thơ – điệu hồn và cấu trúc* (2007), *Tự tình cùng cái Đẹp* (2019).
***Tìm hiểu văn bản** ***GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **Nhiệm vụ 1: Đọc** - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc tha thiết, đắm say, tràn đầy yêu mến với thơ ca	**3. Bản hòa âm ngôn từ trong *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư** **a. Đọc** **b. Tìm hiểu nhanh về tác phẩm** **Câu 1:** Những yếu tố hình thức ở bài thơ có thể gây ấn tượng và liên tưởng mạnh ở người đọc: - Hình thức viết hoa ở chữ đầu của câu thơ: Viết hoa 3 trên 9 câu thơ (*Em*)

- Bài thơ *Tiếng thu*: giọng ngân nga, suy tư, sâu lắng - Gọi HS đọc **Nhiệm vụ 2:** HS trả lời nhanh các câu hỏi bên lề phải SGK **Câu 1:** Trước khi đọc tiếp văn bản của Chu Văn Sơn, hãy dừng lại đọc bài thơ của Lưu Trọng Lư và liệt kê những yếu tố hình thức ở bài thơ có thể gây ấn tượng và liên tưởng mạnh ở người đọc. **Câu 2:** Trong đoạn (2) và (3), thao tác lập luận chính mà tác giả sử dụng là gì? **Câu 3**: Xác định câu chủ đề của đoạn (4). **Câu 4**: Từ đoạn (5) đến đoạn (7), tác giả tập trung phân tích những yếu tố hình thức nào của bài thơ? **Câu 5**: Từ đoạn (8) đến đoạn (12), tác giả tập trung phân tích khía cạnh gì của bài thơ? **Câu 6**: Xác định câu chủ đề của đoạn (13) **Nhiệm vụ 3: T**ìm hiểu về tác phẩm ở **PHT số 02**. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** **Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập** **Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV và HS cùng đánh giá việc xác định cách đọc và đọc văn bản, tìm hiểu những từ khó hiểu trong văn bản. - GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức về tác phẩm.	- Khổ thơ không đồng đều: khổ 5 câu; khổ 4 câu => Người đọc sẽ liên tưởng đến một bài văn xuôi hơn là một bài thơ trữ tình. **Câu 2:** Trong đoạn (2) và (3), thao tác lập luận chính mà tác giả sử dụng là: Thao tác lập luận so sánh **Câu 3**: Câu chủ đề của đoạn (4): Tiếng thu là cả một bản hòa âm vừa mơ hồ vừa hiển hiện của bao nỗi xôn xao ngấm ngầm trong lòng tạo vật đang hòa điệu với nỗi xôn xao huyền diệu của hồn thi nhân. **Câu 4**: Từ đoạn (5) đến đoạn (7), tác giả tập trung phân tích những yếu tố hình thức của bài thơ: - **Đoạn (5):** Yếu tố về âm điệu: bài thơ tựa như một ca khúc - **Đoạn (6):** Khổ thơ. Cấu trúc ngôn từ tự nó đã chia bài thơ thành ba phần nội dung tương ứng với ba câu hỏi. - **Đoạn (7):** Sự lặp lại của vần và nhịp: Hiệp vần bằng cả hai hệ thống: vần bằng và vần trắc. **Câu 5**: Từ đoạn (8) đến đoạn (12), tác giả tập trung phân tích khía cạnh của bài thơ: Phân tích cấu trúc ngôn từ mang tính nhạc, phân tích thứ tiếng của mùa thu: tiếng thổn thức, tiếng rạo rực, tiếng lá thu xào xạc, và âm hưởng của toàn bài thơ: âm bằng. **Câu 6**: Câu chủ đề của đoạn (13): Tôi cứ nghĩ, Lưu Trọng Lư chính là chú nai kia, bởi cái nghiêng tai ngơ ngác thi sĩ của nó. **c. Tìm hiểu chung về tác phẩm** - **Xuất xứ**: Trích "Thơ – điệu hồn và cấu trúc" (2007) - **Thể loại:** Phê bình văn học - **Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận - **Nội dung:** Vẻ đẹp của một bài Thơ mới: bài thơ *Tiếng thu* - **Nhan đề** *Bản hòa âm*: Sự hài hòa về thanh âm, nhạc điệu của tiếng thu và tiếng thơ - **Bố cục:** Ba phần: Giới thiệu – Triển khai – Kết.

Hoạt động 2.2: Hướng dẫn học sinh đọc hiểu chi tiết văn bản

a. Mục đích: Giúp học sinh nhận biết và hiểu được những giá trị nội dung và nghệ thuật văn bản *Tiếng thu* qua cảm nhận tinh tế của Chu Văn Sơn.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, hoàn thành phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 03: Tìm hiểu Cấu trúc văn bản

Bố cục	Luận điểm cụ thể	Thao tác lập luận chính trong toàn bài	Nhận xét
Giới thiệu			
Triển khai			
Kết			

PHIẾU HỌC TẬP 04: So sánh thiên nhiên Thơ mới và thơ cổ điển

Thiên nhiên thơ cổ điển	Thiên nhiên Thơ mới	Nguyên nhân khác biệt
Nhận xét:		

PHIẾU HỌC TẬP 05: Tìm hiểu về Tiếng thu – tiếng thơ

Tiếng thu	Tiếng thơ	Mối quan hệ tiếng thu – tiếng thơ

PHIẾU HỌC TẬP 06: Tìm hiểu yếu tố làm nên sức hấp dẫn của một bài thơ

Nội dung	
Hình thức nghệ thuật	

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV chia HS thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:
Hoàn thành Phiếu học tập 03, 04, 05, 06 theo kĩ thuật Khăn trải bàn.</td><td>II. Đọc hiểu chi tiết
1. Tìm hiểu Cấu trúc văn bản
<table>
<tr><th>Bố cục</th><th>Luận điểm cụ thể</th><th>Thao tác lập luận chính trong toàn bài</th><th>Nhận xét</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table></td></tr>
</table>

- Nhóm 1: Tìm hiểu Cấu trúc văn bản

- Nhóm 2: So sánh thiên nhiên Thơ mới và thơ cũ

- Nhóm 3: Tìm hiểu về Tiếng thu – tiếng thơ

- Nhóm 4: Tìm hiểu yếu tố làm nên sức hấp dẫn của một bài thơ

GV phát PHT riêng cho từng nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0.

- Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Thao tác 1: Tìm hiểu Cấu trúc văn bản

Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập.
Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện.
Các nhóm nhận xét, bổ sung

Giới thiệu	Giới thiệu vẻ đẹp bài thơ *Tiếng thu*		- Những thao tác lập luận được nhà nghiên cứu thường xuyên sử dụng rất cần thiết trong việc cảm thụ giá trị thẩm mĩ của ngôn từ thơ, vì cảm nhận thơ, phải gắn liền với phân tích từ ngữ, chứng minh qua từ ngữ. Có như vậy, mới có thể hiểu đúng, hiểu đủ và hiểu hay về ý nghĩa bài thơ biểu đạt. - Đánh giá về tính hợp lí của cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết: bài viết được triển khai theo luận điểm rõ ràng và cụ thể, chi tiết, thuyết phục, có tính liên kết, mỗi đoạn sẽ có một câu chủ đề riêng, các câu trong đoạn tập trung làm rõ cho câu chủ đề. Bài viết không hề đề cập tới những gì lan man, khó hiểu, không dẫn dắt bạn đọc "cưỡi ngựa xem hoa" mà thường tập trung làm rõ hẳn vào vấn đề một cách trực diện nhưng không kém phần cuốn hút. - Các luận điểm bổ sung và hỗ trợ cho nhau, có luận cứ và dẫn chứng đi kèm, tạo nên một hệ thống luận điểm logic, có sức thuyết phục cao. - Giọng văn rành mạch, lưu loát, phù hợp với bài văn nghị luận nhưng vẫn ẩn chứa cảm xúc, truyền
Triển khai	- Sự khác biệt thiên nhiên Thơ mới và thơ cổ điển	Thao tác lập luận chính: So sánh	
	- Lí giải *tiếng thu* là gì	Thao tác lập luận chính: giải thích	
	- Sự hài hòa giữa bản hòa âm mùa thu và bản hòa âm ngôn từ trong *Tiếng thu*: + Cấu trúc 3 phần tương đương 3 câu hỏi + Sự hài hòa giữa vần và nhịp đẩy cảm xúc lên cao + Hồn thu qua 3 tiếng: xào xạc, thổn thức, rạo rực + Sự hòa điệu tiếng thu và tiếng thơ thể hiện qua cái nền bằng của âm hưởng	Thao tác lập luận phân tích, chứng minh. .	
Kết	Nêu xúc cảm về *Tiếng thu* và Lưu Trọng Lư		

<table>
<tr><td></td><td>
<table>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>cảm hứng và có tác động mạnh mẽ tới người đọc.</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>

Thao tác 2: So sánh thiên nhiên Thơ mới và thơ cổ điển

Đại diện nhóm 2 báo cáo sản phẩm học tập.
Nhóm 3 đặt câu hỏi phản biện.
Các nhóm nhận xét, bổ sung

</td><td>

2. So sánh thiên nhiên Thơ mới và thơ cổ điển

<table>
<tr><td>Thiên nhiên thơ cổ điển</td><td>Thiên nhiên Thơ mới</td><td>Nguyên nhân khác biệt</td></tr>
<tr><td>Thơ xưa thiên nhiên tĩnh lặng, miên viễn. Yên bình, thanh vắng trở thành một đặc tính của vẻ đẹp thiên nhiên trong nghệ thuật cổ điển.</td><td>Thơ mới không như thế. Âm hưởng đặc trưng nhất vang lên từ đáy hồn Thơ mới là tiếng XÔN XAO.</td><td>Đó là các nhà Thơ mới không nhìn thiên nhiên bằng cái chiêm nghiệm, mà họ muốn vào dò la cái sự sống tiềm tàng chất chứa bên trong lòng tạo vật, khám phá sự sống bí mật đầy xôn xao trong lòng thiên nhiên.</td></tr>
<tr><td colspan="3">Nhận xét: So sánh Thơ mới với thơ cổ điển chính là để khẳng định cái mới, cái cách tân, cái khác biệt của Thơ mới.</td></tr>
</table>

</td></tr>
<tr><td>

Thao tác 3: Tìm hiểu về Tiếng thu – tiếng thơ

Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập.
Nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện.
Các nhóm nhận xét, bổ sung

</td><td>

3. Tìm hiểu về Tiếng thu – tiếng thơ

<table>
<tr><td>Tiếng thu</td><td>Tiếng thơ</td><td>Mối quan hệ tiếng thu – tiếng thơ</td></tr>
<tr><td>- Tiếng thu: Không phải là một âm thanh riêng rẽ nào, cũng không phải là một tập hợp giản đơn nôm na của nỗi thổn thức trong đất trời, nỗi rạo rực trong lòng người và tiếng xào xạc của lá rừng. Tiếng thu là một điệu huyền.

- Tiếng thu là cả một bản hòa âm vừa mơ hồ vừa hiển hiện của bao</td><td>Là cấu trúc ngôn từ tinh vi và đẹp đẽ chứa chan nhạc tính.

⇨ Được xem như phần hình thức nghệ thuật của thi phẩm</td><td>Tác giả đi từ hình thức để bật ra nội dung, ông phân tích các yếu tố ngôn ngữ để từ đó thấy được vẻ đẹp dòng xúc cảm tế vi của thi nhân vừa lặp lại lại vừa phát triển.</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td></td><td>
<table>
<tr><td>nỗi xôn xao ngấm ngầm trong lòng tạo vật đang hòa điệu với nỗi xôn xao huyền diệu của hồn thi nhân.

⇨ Được xem như nội dung thi phẩm</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>Thao tác 4: Tìm hiểu yếu tố làm nên sức hấp dẫn của một bài thơ

Đại diện nhóm 4 báo cáo sản phẩm học tập.
Nhóm 1 đặt câu hỏi phản biện.
Các nhóm nhận xét, bổ sung
Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
GV nhận xét đánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm.
GV chuẩn hóa kiến thức.</td><td>
4. Tìm hiểu yếu tố làm nên sức hấp dẫn của một bài thơ
<table>
<tr><td>Nội dung</td><td>Những rung cảm tinh tế, những dòng cảm xúc dâng tràn bất tận trước thiên nhiên và cuộc sống của thi nhân.</td></tr>
<tr><td>Hình thức nghệ thuật</td><td>- Cấu trúc bài thơ;
- Nhạc điệu của bài thơ: vần nhịp, thanh bằng trắc, sự sắp xếp một cách có chủ ý các tiếng,
- Ngôn từ của bài thơ.</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao
c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS trao đổi theo cặp trong bàn: *- Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**	**III. TỔNG KẾT** ***1. Giá trị nội dung*** - Văn bản thể hiện được những giá trị tiêu biểu và xuất sắc trong việc sử dụng ngôn từ của Lưu Trọng Lư thể hiện trong tác phẩm *Tiếng thu* ở nhiều phương diện như bố cục, âm điệu, âm hưởng, tiết tấu, vần nhịp,... - Bên cạnh giá trị của bài thơ, tác giả cũng chỉ ra được tài năng của Lưu Trọng Lư trong sáng tác thơ

HS trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	ca, sử dụng và vận dụng ngôn từ để cho thấy được cái hồn, cái đẹp của ngôn từ. - Văn bản thể hiện sự ngợi ca, trân trọng và ngưỡng mộ của tác giả Chu Văn Sơn với nhà thơ Lưu Trọng Lư, cho thấy sự yêu quý và tình cảm của ông đối với những người có tài, vận dụng được sức mạnh của ngôn từ trong sáng tác. ***2. Giá trị nghệ thuật*** - Văn bản trình bày các luận điểm rõ ràng, chi tiết, thuyết phục, có tính liên kết. - Các luận điểm bổ sung và hỗ trợ cho nhau, có luận cứ và dẫn chứng đi kèm, tạo nên một hệ thống luận điểm logic, có sức thuyết phục cao. - Giọng văn rành mạch, lưu loát, phù hợp với bài văn nghị luận nhưng vẫn ẩn chứa cảm xúc, truyền cảm hứng và có tác động mạnh mẽ tới người đọc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(5 phút)

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi, bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS làm việc theo cặp **Yêu cầu**: Tìm hiểu sự hài hòa giữa cảm xúc và nhạc tính trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lorca* (Thanh Thảo) ***Đàn ghi-ta của Lorca*** *Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn* (Ph.G. Lorca) *những tiếng đàn bọt nước* *Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt* *li-la li-la li-la*	Sự hài hòa giữa cảm xúc và nhạc tính trong bài thơ *Đàn ghita của Lorca* (Thanh Thảo) **1. Tính nhạc của bài thơ thể hiện ở:** - Thể thơ tự do, không dấu câu, không dấu hiệu mở đầu, kết thúc. - Sử dụng hình ảnh, biểu tượng - siêu thực có sức chứa lớn về nội dung. - Kết hợp hài hoà hai yếu tố thơ và nhạc: Chuỗi âm thanh "Li la- li la- li la" luyến láy ở đầu và cuối như khúc dạo đầu và kết thúc bản nhạc. Bài thơ khép lại nhưng thực ra âm thanh "Li la.." đã mở ra một thế giới suy tưởng. Đó là chuỗi âm đệm ru

đi lang thang về miền đơn độc *với vầng trăng chếnh choáng* *trên yên ngựa mỏi mòn* *Tây Ban Nha* *hát nghêu ngao* *bỗng kinh hoàng* *áo choàng bê bết đỏ* *Lorca bị điệu về bãi bắn* *chàng đi như người mộng du* *tiếng ghi-ta nâu* *bầu trời cô gái ấy* *tiếng ghi-ta lá xanh biết mấy* *tiếng ghi-ta tròn bọt nước vỡ tan* *tiếng ghi-ta ròng ròng* *máu chảy* *không ai chôn cất tiếng đàn* *tiếng đàn như cỏ mọc hoang* *giọt nước mắt vầng trăng* *long lanh trong đáy giếng* *đường chỉ tay đã đứt* *dòng sông rộng vô cùng* *Lorca bơi sang ngang* *trên chiếc ghi-ta màu bạc* *chàng ném lá bùa cô gái di-gan* *vào xoáy nước* *chàng ném trái tim mình* *vào lặng yên bất chợt* *li-la li-la li-la...* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi đại diện 1 số cặp trình bày. - GV khuyến khích, động viên. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	lòng mai hậu, phần nào an ủi nỗi xót thương người nghệ sĩ. **2. Qua đó thể hiện (cảm xúc):** - Sự kính trọng và tri âm Lor-ca- nghệ sĩ thiên tài của nhà thơ Thanh Thảo. - Tác giả bày tỏ nỗi đau xót sâu sắc trước cái chết oan khuất của thiên tài Lor-ca- một nghệ sĩ khát khao tự do, dân chủ, luôn mong muốn cách tân nghệ thuật.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ (5 phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS viết tích cực, bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ về điều thú vị hấp dẫn khi đọc thơ.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân

Yêu cầu: Qua các tác phẩm được giới thiệu trong bài *Vẻ đẹp của thơ ca*, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) chia sẻ điều làm bạn thấy thú vị, hấp dẫn khi đọc thơ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

BẢNG KIỂM ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ ĐIỀU THÚ VỊ, HẤP DẪN KHI ĐỌC THƠ

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở đoạn	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng	
	Giới thiệu được điều em thấy thú vị, hấp dẫn khi đọc thơ	
Thân đoạn	Trình bày những chia sẻ của bản thân theo một trình tự hợp lí bằng một số câu.	
	Sử dụng một số từ ngữ để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu.	
Kết đoạn	Khẳng định lại sức hấp dẫn của thơ ca	
	Kết đoạn bằng dấu chấm câu dùng để ngắt đoạn.	
	Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp, diễn đạt trong cả đoạn văn	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Thơ trữ tình phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Nếu như trong văn xuôi, các đặc tính thanh học của ngôn ngữ (như cao độ, cường độ,

trường độ…) không được tổ chức thì trong thơ, trái lại, những đặc tính ấy lại được tổ chức một cách chặt chẽ, có dụng ý, nhằm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gợi ra những điều mà từ ngữ không nói hết. Tính nhạc có lẽ chính là đặc trưng chủ yếu nhất mang tính loại biệt rõ nét cho ngôn ngữ thơ ca. Nhờ đó thơ ca như khúc hát của cảm xúc cất lên từ sâu thẳm trái tim người nghệ sĩ, thơ ca làm cho những gì tốt đẹp nhất trên đời trở nên bất tử. Có lẽ vậy mà Vôn-te mới cho rằng: *Thơ là sự hùng biện du dương*. Những vần thơ đọc lên nghe như một bản dương cầm ngân nga hay một điệu ghita huyền bí. Ai mà chẳng từng thiết tha yêu những vần thơ giàu chất nhạc?

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học
- Tìm đọc thêm các bài phê bình văn học
- Sưu tầm một số bài viết của Chu Văn Sơn
- Chuẩn bị soạn bài:

+ Thực hành đọc: *Cánh đồng* (Ngân Hoa).
+ Thực hành tiếng Việt: *Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa*.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 18

LỖI DÙNG TỪ, LỖI VỀ TRẬT TỰ TỪ VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Ngôn ngữ

HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để phân tích lỗi sai trong dùng từ, phân tích được sự khác nhau về nghĩa của một số cách sắp xếp trật tự từ trong câu; từ đó, nhận diện, phân tích và sửa chữa được các lỗi về trật tự từ trong bài viết, bài nói.

2. Phẩm chất

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.
+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...
+ Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, clip ....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết về lỗi dùng từ trong tiếng Việt.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- HS xem Clip hài Trấn Thành

- Ngô Kiến Huy (Ơn giời cậu đây rồi)

- HS phân tích yếu tố gây cười trong clip?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Dự kiến câu trả lời của HS:

Dự kiến ngôn ngữ để thực hiện một cuộc đánh ghen nhưng nhân vật lại hát một câu ca -> gây cười vì ngôn ngữ không phù hợp với hoàn cảnh.

Bước 4: Kết luận, nhận định

➔GV dẫn vào bài:
Chuyện là một anh Tây đi du lịch ở biển Mỹ Khê, Đà Nẵng. Trong lúc vui chơi, anh vô tình làm rơi cuốn sổ ghi chú học tiếng Việt của mình. Cuốn sổ sau đó được một người Việt nhặt được, mở ra xem thì thấy chằng chịt các từ vựng được ghi lại như sau:

- Ăn đi: Không có nghĩa là vừa ăn vừa đi mà chỉ nhắc nhở ai đó ăn mạnh vào.
- Ăn mặc: Không có ăn chi cả mà chỉ có mặc không thôi.
- Ăn nói: Cũng không ăn chi cả mà chỉ nói không thôi.
- Buồn cười: Không có buồn gì cả mà chỉ có cười không mà thôi.
- Cà lăm, Cà nhắc, Cà chớn, Cà khịa, Cà rịch, Cà tang: Không phải những loại Cà để ăn, mà những tật không hay của người ta.
- Đánh giày: Không phải là phang, đánh, đập, đá vào giày mà là "o bế ", làm đẹp cho giày.
- Đánh răng: Không phải là đánh, đập,... cho răng đau, mà dùng bàn chải và kem làm cho sạch răng mà thôi.
- Đi cầu: Là đi vô toilet chứ không phải lái xe hay chạy qua cầu đâu.
- Hai vợ chồng: Không có nghĩa là 2 vợ 1 chồng mà chỉ có 1 vợ 1 chồng thôi.
- Hai ông bà: Không có nghĩa là 2 ông 1 bà, mà chỉ có 1 ông 1 bà thôi.
- Làm thinh: Không có làm việc gì cả mà chỉ yên lặng, không nói năng chi hết.
- Làm biếng: Cũng không có làm chi hết mà chỉ chơi không mà thôi.
- La cà: Không la rầy ai cả mà rề rà (?) ghé chỗ này chỗ kia.
- Làm răng (mần răng): Làm thế nào chứ không phải đi chữa răng đau đâu.
- Ngâm thơ: Không phải là đem lá thơ ngâm vô nước, mà là đọc kéo từng chữ cho dài ra, cho người ta nghe hay hay.
- Nhà tôi: Không phải là cái nhà để ở mà NGƯỜI BẠN ĐỜI hay MỘT NỬA KIA của mình.
- Nhà thơ, nhà văn, nhà báo: Không có nghĩa là nhà để chứa những bài thơ, bài văn hay báo chí, mà là chỉ người làm thơ, viết văn, viết báo...
- Ông Sui: Là ba mình gọi ba của vợ mình, chứ không có nghĩa là "Mr. Unlucky" đâu.
- Tục ngữ: Không phải là những lời thô tục, mà là những lời dạy dỗ quý báu trong dân gian.
Không rõ thực hư ra sao nhưng ai nghe xong câu chuyện này cũng phì cười. Quả thật, tiếng Việt của chúng ta có kho tàng từ vựng vô cùng phong phú. Mỗi từ vựng lại có thể sử dụng được nhiều nghĩa khác nhau, tùy vào hoàn cảnh. Có nhiều từ ban đầu chỉ có một vài nghĩa nhưng sau này trong giao tiếp cuộc sống, hoặc có một sự kiện xã hội nào đó thì nó lại được biến tấu sử dụng theo nghĩa khác.

Vậy làm thế nào để không mắc lỗi sử dụng tiếng Việt?

Phiếu học tập 1: Bảng sửa lỗi 1

Ngữ liệu chứa lỗi	Lỗi	Loại lỗi	Phương án sửa
Được sinh ra trong một gia đình tri thức, từ nhỏ, nhà văn X đã là một cậu bé say mê đọc sách.			
Thiên nhiên là một trong những chủ đề quan trọng nhất của thơ hai-cư.			
Bài thơ "Mùa xuân chín" của Hàn Mặc Tử kết lại bằng hình ảnh của nhân vật trữ tình - người phụ nữ nhọc nhằn gánh thóc trên bãi cát trắng.			

Hình ảnh hoa triêu nhan vướng dây gàu khiến nhân vật trữ tình trong bài thơ của Chi-ô rất ư bất ngờ.			

Phiếu học tập 2: Bảng sửa lỗi 2

Ngữ liệu chứa lỗi	Lỗi	Loại lỗi	Phương án sửa
Là thể thơ ngắn nhất thế giới, hai-cư được xem như một "đặc sản" của văn chương Nhật Bản.			
Một bộ phận độc giả đông đảo không cảm nhận được cái mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử.			
Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch sự kiện hơn là mạch cảm xúc của bài thơ.			
Rất nhiều hình ảnh đời thường xuất hiện trong thơ hai-cư Nhật Bản.			

Phiếu học tập 3: Bảng sửa lỗi 3:

Ngữ liệu chứa lỗi	Lỗi	Loại lỗi	Phương án sửa
Thơ Đường luật mặc dù chặt chẽ bố cục nhưng vẫn có những khoảng trống liên tưởng khơi gợi.			
Điều làm thích thú người đọc ở bài thơ này là cách độc đáo gieo vần.			
Trong bài thơ "Tiếng thu", đóng vai trò quan trọng là các từ láy tượng thanh.			
Nhà thơ cho phép thơ lãng mạn giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.			

Phiếu học tập 4: Bảng sửa lỗi 4:

Ngữ liệu chứa lỗi	Lỗi	Loại lỗi	Phương án sửa
Nhà thơ Cô-ba-y-a-si It-sa là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thơ hai-cư Nhật Bản.			
Đề tài, chủ đề, cảm hứng cũng như nội dung của các bài thơ hai-cư rất đa dạng, khác nhau.			
Bài thơ "Thu hứng" là một trong những thi phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ.			

Nhà thơ đã mượn trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.			

Phiếu học tập 5: Bảng nhận diện các loại lỗi và cách sửa

Biểu hiện	Loại lỗi	Nối 2 cột	Cách sửa
Trường hợp một từ ngữ được dùng nhiều lần trong một câu, một đoạn khiến câu, đoạn đó trở nên nặng nề, rườm rà được coi là lỗi lặp từ. • Chú ý: Lỗi này có thể bị nhầm với phép lặp trong liên kết câu và lặp tu từ (điệp ngữ) mà bạn đã học. Đây là loại lỗi thể hiện sự vụng về, thiếu cẩn thận trong việc sử dụng ngôn ngữ	???		bỏ từ ngữ bị lặp hoặc thay bằng đại từ hay từ ngữ đồng nghĩa.
Người viết không hiểu đúng nghĩa của từ ngữ khi mình dùng, nhất các thành ngữ, từ Hán Việt, thuật ngữ khoa học.	???		cần biết sử dụng thường xuyên từ điển tiếng Việt, từ điển Hán Việt, từ điển thuật ngữ chuyên ngành có uy tín
Do người viết chưa ý thức được những ràng buộc của ngữ cảnh hay tính đặc thù của kiểu loại văn bản, từ đó lựa chọn từ ngữ không thích hợp, làm giảm hiệu quả giao tiếp.	???		người viết cần phải quan tâm thực sự đến hoàn cảnh giao tiếp, nắm vững đặc điểm phong cách ngôn ngữ của kiểu, loại văn bản được sử dụng.
Nhiều cụm từ, câu trong tiếng Việt chỉ khác nhau do trật tự sắp xếp giữa các từ • Chú ý: Lỗi này có thể nhầm với biện pháp tu từ đảo ngữ trong sáng tác văn học. Trong văn học đảo ngữ là biện pháp thay đổi trật tự từ so với quy tắc ngữ pháp làm tăng hiệu quả biểu đạt cho lời văn nghệ thuật. Trong giao tiếp thông thường các từ trong câu cần được sắp xếp theo trình tự đúng với quy tắc ngữ pháp.	???		cần phải nắm vững quy tắc ngữ pháp, hiểu được mục đích giao tiếp. Đặc biệt, cần thường xuyên luyện tập cách sử dụng tiếng Việt.

Nếu không tuân thủ thì câu bị coi là mắc lỗi này.			

2. HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (...phút)

a. Mục tiêu: HS thực hành các bài tập sửa lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào phiếu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>HĐ của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

- **Thực hành chữa lỗi**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV có thể chia số câu thành 4 phần với 4 phiếu tương đương để 4 nhóm HS cùng làm việc sau đó các nhóm trình bày kết quả dưới dạng trò chơi **Ai hay hơn?**

GV cung cấp công cụ đánh giá

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS hoàn thành phiếu học tập

4 nhóm HS hoàn thành 4 phần ngữ liệu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Các nhóm trình bày kết quả dưới dạng trò chơi **Ai hay hơn?**

- Các HS khác nhận xét, bổ sung bằng bảng kiểm

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

</td><td>

Thực hành chữa lỗi

<table>
<tr><th>Ngữ liệu chứa lỗi</th><th>Lỗi</th><th>Loại lỗi</th><th>Phương án sửa</th></tr>
<tr><td>Nhà thơ Cô-ba-y-a-si It-sa là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thơ hai-cư Nhật Bản.</td><td>Lặp lại chữ nhà thơ</td><td rowspan="2">Lỗi lặp từ</td><td>Cô-ba-y-a-si It-sa là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thơ hai-cư Nhật Bản.</td></tr>
<tr><td>Đề tài, chủ đề, cảm hứng cũng như nội dung của các bài thơ hai-cư rất đa dạng, khác nhau.</td><td>Các từ Đề tài, chủ đề, cảm hứng cũng như nội dung cùng thuộc về mặt nội dung tác phẩm; Các từ đa dạng, khác nhau có nghĩa</td><td>Đề tài thơ hai-cư rất đa dạng</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

		tương đương		
	Bài thơ "Thu hứng" là một trong những thi phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ.	*Bài thơ thi phẩm* có nghĩa tương đương		"Thu hứng" là một trong những thi phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ.
	Nhà thơ đã mượn trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.	Từ *mượn* không đúng	Lỗi dùng từ không đúng nghĩa	Nhà thơ đã dùng (bằng) trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.
	Được sinh ra trong một gia đình tri thức, từ nhỏ, nhà văn X đã là một cậu bé say mê đọc sách.	Từ *từ nhỏ* dùng chưa hợp lý		Được sinh ra trong một gia đình tri thức, nhà văn X đã là một cậu bé say mê đọc sách ngay từ khi còn nhỏ.
	Thiên nhiên là một trong những chủ đề quan trọng nhất của thơ hai-cư.	Từ *chủ đề* dùng chưa đúng nghĩa		Thiên nhiên là một trong những đề tài quan trọng nhất của thơ hai-cư.
	Bài thơ "Mùa xuân chín" của	Từ *nhân vật trữ tình* dùng		Bài thơ "Mùa xuân chín" của Hàn Mặc Tử kết lại bằng hình ảnh của người phụ

	Hàn Mặc Tử kết lại bằng hình ảnh của nhân vật trữ tình - người phụ nữ nhọc nhằn gánh thóc trên bãi cát trắng.	chưa đúng nghĩa		nữ nhọc nhằn gánh thóc trên bãi cát trắng.
	Hình ảnh hoa triêu nhan vướng dây gàu khiến nhân vật trữ tình trong bài thơ của Chi-ô rất ư bất ngờ.	Cụm từ *rất ư bất ngờ* chưa đúng phong cách (thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt)	Lỗi dùng từ không đúng phong cách ngôn ngữ	Hình ảnh hoa triêu nhan vướng dây gàu khiến nhân vật trữ tình trong bài thơ của Chi-ô rất bất ngờ.
	Là thể thơ ngắn nhất thế giới, hai-cư được xem như một "đặc sản" của văn chương Nhật Bản.	Từ *đặc sản* dùng chưa đúng phong cách ngôn ngữ		Được xếp vào loại ngắn nhất thế giới, hai-cư có lẽ là thể thơ đặc sắc bậc nhất trong văn chương Nhật Bản.
	Một bộ phận độc giả đông đảo không cảm nhận được cái mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử.	Thừa từ *đông đảo* Sắp xếp từ ngữ chưa phù hợp: cảm nhận được cái	Lỗi trật tự từ	Một bộ phận độc giả không cảm nhận được cái mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử.

		mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử			
	Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch sự kiện hơn là mạch cảm xúc của bài thơ.	Trật tự giữa *sự kiện* và *mạch cảm xúc của bài thơ* bị đảo lộn		Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch cảm xúc hơn là mạch sự kiện của bài thơ.	
	Rất nhiều hình ảnh đời thường xuất hiện trong thơ hai-cư Nhật Bản.	Trật tự các bộ phận câu bị đảo lộn		Trong thơ *hai-cư* Nhật Bản, hình ảnh đời thường xuất hiện rất nhiều.	
	Thơ Đường luật mặc dù chặt chẽ bố cục nhưng vẫn có những khoảng trống liên tưởng khơi gợi.	Trật tự các bộ phận câu bị đảo lộn Trật tự các từ không đúng		Mặc dù chặt chẽ bố cục nhưng thơ Đường luật vẫn có những khoảng trống khơi gợi liên tưởng.	
	Điều làm thích thú người đọc ở bài thơ này là cách độc đáo gieo vần.	Trật tự các bộ phận câu bị đảo lộn Trật tự các từ không đúng		Cách gieo vần độc đáo ở bài thơ này là điều làm người đọc thích thú.	

	Trong bài thơ "Tiếng thu", đóng vai trò quan trọng là các từ láy tượng thanh.	Trật tự các bộ phận câu bị đảo lộn Trật tự các từ không đúng		Trong bài thơ "*Tiếng thu*", các từ láy tượng thanh đóng vai trò rất quan trọng.	
	Nhà thơ cho phép thơ lãng mạn giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.	Trật tự các bộ phận câu bị đảo lộn Trật tự các từ không đúng		Thơ lãng mạn cho phép nhà thơ giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.	

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện đủ các yêu cầu		
2	Thực hiện đúng các yêu cầu		
3	Sửa câu đúng, hay, hấp dẫn		
4	Phần trình bày sinh động, cuốn hút		

3. HOẠT ĐỘNG 3: HÌNH THÀNH PHƯƠNG PHÁP

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các loại lỗi dùng từ hay gặp và cách sửa.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, cặp đôi để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhận diện lỗi và hình thành kĩ năng sửa lỗi**	**Nhận diện lỗi và hình thành kĩ năng sửa lỗi**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Thảo luận theo cặp:

Nhiệm vụ 1: HS nhận diện loại lỗi

Nhiệm vụ 2: HS tìm phương pháp sửa lỗi cho từng loại lỗi

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: HS nhận diện loại lỗi

HS chọn bạn để thảo luận vòng 1, tìm lỗi sai tương ứng với từng biểu hiện

Nhiệm vụ 2: HS tìm phương pháp sửa lỗi cho từng loại lỗi

HS tráo đổi cặp đôi, hình thành nhóm thảo luận cặp đôi mới để nối từng loại lỗi với cách thức sửa lỗi tương ứng

HS thảo luận theo cặp hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

Đại diện các cặp đôi trình bày kết quả.

Bước 4. Đánh giá, kết luận:

Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa
Lỗi lặp từ	Trường hợp một từ ngữ được dùng nhiều lần trong một câu, một đoạn khiến câu, đoạn đó trở nên nặng nề, rườm rà được coi là lỗi lặp từ. • Chú ý: Lỗi này có thể bị nhầm với phép lặp trong liên kết câu và lặp tu từ (điệp ngữ) mà bạn đã học. Đây là loại lỗi thể hiện sự vụng về, thiếu cẩn thận trong việc sử dụng ngôn ngữ.	bỏ từ ngữ bị lặp hoặc thay bằng đại từ hay từ ngữ đồng nghĩa.
Lỗi dùng từ không đúng nghĩa	Người viết không hiểu đúng nghĩa của từ ngữ khi mình dùng, nhất các thành ngữ, từ Hán Việt, thuật ngữ khoa học.	cần biết sử dụng thường xuyên từ điển tiếng Việt, từ điển Hán Việt, từ điển thuật ngữ chuyên ngành có uy tín
Lỗi dùng từ không đúng phong cách ngôn ngữ của kiểu, loại văn bản	Do người viết chưa ý thức được những ràng buộc của ngữ cảnh hay tính đặc thù của kiểu loại văn bản, từ đó lựa chọn từ ngữ không thích hợp, làm giảm hiệu quả giao tiếp.	người viết cần phải quan tâm thực sự đến hoàn cảnh giao tiếp, nắm vững đặc điểm phong cách ngôn ngữ

			của kiểu, loại văn bản được sử dụng.
	Lỗi trật tự từ	Nhiều cụm từ, câu trong tiếng Việt chỉ khác nhau do trật tự sắp xếp giữa các từ • Chú ý: - Lỗi này có thể nhầm với biện pháp tu từ đảo ngữ trong sáng tác văn học. Trong văn học đảo ngữ là biện pháp thay đổi trật tự từ so với quy tắc ngữ pháp làm tăng hiệu quả biểu đạt cho lời văn nghệ thuật. - Trong giao tiếp thông thường các từ trong câu cần được sắp xếp theo trình tự đúng với quy tắc ngữ pháp. Nếu không tuân thủ thì câu bị coi là mắc lỗi này.	cần phải nắm vững quy tắc ngữ pháp, hiểu được mục đích giao tiếp. Đặc biệt, cần thường xuyên luyện tập cách sử dụng tiếng Việt.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
• **Vận dụng vào viết đoạn văn ngắn** **Hình thức: Làm việc cá nhân** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **Yêu cầu:** - Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về: Cảm xúc của nhân vật trữ tình qua 2 câu cuối bài thơ *Mùa xuân chín* (Hàn Mặc Tử).	**Bài tập 3 tr.60** * Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu: - Dung lượng đoạn văn (khoảng 150 chữ); đảm bảo hình thức đoạn văn. - Nội dung của đoạn văn: Cảm xúc của nhân vật trữ tình qua 2 câu cuối bài thơ *Mùa xuân chín.*

Từ đó phát hiện các lỗi dùng từ và trật tự từ (nếu có). - Giải thích cách sắp xếp trật tự từ ở một câu văn trong đoạn văn mà em đã viết. - GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh: suy nghĩ , viết đoạn văn - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn. - Các HS khác nhận xét, bổ sung dựa vào bảng kiểm. **Bước 4. Đánh giá kết quả** GV nhận xét và cho điểm HS.	* HS phát hiện các lỗi dùng từ và trật tự từ. (nếu có). * HS giải thích cách sắp xếp trật tự từ ở một câu văn trong đoạn văn.

Bảng kiểm đoạn văn và giải thích cách sắp xếp trật tự từ ở một câu văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng văn (khoảng 150 chữ)	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: *Cảm xúc của nhân vật trữ tình qua 2 câu cuối bài thơ "Mùa xuân chín"*.	
3	Đoạn văn đảm bảo đúng trật tự từ ở các câu văn; đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, ngữ pháp; sử dụng từ ngữ đúng nghĩa, đúng phong cách, không bị lặp từ	
5	Giải thích hợp lí cách sắp xếp trật tự từ ở một câu văn trong đoạn văn vừa viết.	

Đoạn văn tham khảo:

Ở khổ thơ cuối của bài thơ không còn cái rạo rực, thiết tha về mùa xuân nữa mà thay vào đó là cái bâng khuâng, xao xuyến khi nhớ làng, nhớ về mái nhà xưa, nhớ về một cố nhân xa. Điểm sáng chói lòa bừng lên trong nỗi niềm bâng khuâng sực nhớ ấy là hình ảnh của: *"Chị ấy, năm nay*

còn gánh thóc/Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?”. Đây có lẽ là hai câu thơ hay nhất trong bài thơ. Câu thơ miêu tả hình ảnh người chị gánh thóc đi dọc bờ sông vào buổi trưa nắng chang chang. Một hình ảnh thơ thật mới, thật đẹp nhưng cũng có cái gì đó làm lòng tôi quặn lại. Hương nắng của mùa xuân tỏa khắp bờ sông, phủ lên hình ảnh người chị gánh thóc một màu sắc lãng mạn của cái đẹp huyền ảo, lung linh trong cõi nhớ. Đó là sự tỏa sáng của cái đẹp hài hòa, đan quyện phả ra từ xuân sắc, xuân tình, từ tạo vật và con người khi ở độ xuân chín. Tuy nhiên, tất cả xuân sắc, xuân thì đẹp huy hoàng ấy chỉ là một ánh chớp kỷ niệm thoáng qua mà thôi. Đó là cái ký ức về xuân thì của “chị ấy” của ngày xa xưa. Cho nên, ở hiện tại, người khách xa sực nhớ cũng là để ngậm ngùi, tiếc thương – tiếc thương cho cái đẹp không biết bây giờ có còn không?

Hướng dẫn học ở nhà:

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Tìm và sửa các lỗi về dùng từ, trật tự từ trong các bài kiểm tra môn Ngữ văn.
- Sưu tầm các trường hợp vi phạm lỗi dùng từ và trật tự từ trong một số văn bản báo chí. Phân tích lỗi và đưa ra phương án sửa chữa

Dự kiến:

Sưu tầm các trường hợp vi phạm lỗi dùng từ và trật tự từ trong một số văn bản báo chí. Phân tích lỗi và đưa ra phương án sửa chữa

1. Báo VietNamNet (vietnamnet.vn), ngày 14/6/2015, trong bài **Thót tim kể chuyện dông lốc khiến Hà Nội tan hoang**, có câu “ Khiếp sợ nhất vẫn là những người dân lưu hành trên đường lúc cơn dông xảy ra”.

=>Lỗi: Để mô tả ai đó, vật nào đó đang đi trên đường thì người ta dùng từ “lưu thông” chứ không dùng từ “lưu hành” (đưa ra sử dụng rộng rãi).

Chưa kể, câu này còn mắc lỗi diễn đạt, dễ gây hiểu lầm. Chắc tác giả định diễn đạt ý “ Ai khiếp sợ ?”, nhưng viết như vậy, vô hình trung lại thành ra ý “ Khiếp sợ ai ?”.

=>Sửa: Chúng ta thử so sánh câu trên với câu cùng cấu trúc sau “Khiếp sợ nhất vẫn là những kẻ đói thuốc trên đường đi kiếm cơm đen”. Do đó, câu trên có thể được hiểu là những người đi trên đường trong cơn dông là khiếp sợ nhất! Vậy, câu đó phải diễn đạt lại là “Cảm giác khiếp sợ vẫn còn chưa tan trong lòng những người đi trên đường lúc cơn dông xảy ra”.

2. Vẫn trên VietNamNet (dẫn theo Trí Thức Trẻ), ngày 9/6/2015, trong bài **Lệ Rơi phản pháo Đàm Vĩnh Hưng**, có câu “Mỗi người có một yếu điểm khác nhau và cái tài, cái duyên khác nhau”.

=> Ở đây, đáng lẽ dùng từ “điểm yếu” (hạn chế, nhược điểm, mặt yếu) thì tác giả lại dùng từ “yếu điểm” (điểm chính, điểm trọng yếu).

3. Bài: **Hậu trường “bay show xác thịt” gái chân dài** (báo VietNamNet, ngày 14/6/2015) dùng từ “khuyến mại” để diễn đạt ý “khuyến khích mua hàng” trong câu ““Gói hẹn hò” giá 700 ngàn được nắm tay bạn gái đi dạo phố và phải khuyến mại thêm một món quà”. “Khuyến mại” là khuyến khích bán hàng, còn “khuyến mãi” mới là khuyến khích mua hàng.

=>Lỗi dùng thừa từ, thiếu từ, sai kết hợp từ

4. Bài: **Nữ tiểu thư nổi tiếng nhà đại gia bậc nhất Việt Nam** (báo VietNamNet, ngày 20/2/2015) có câu "Ái nữ Trần Thị Quỳnh Ngọc là con gái của doanh nhân quá cố Trần Văn Cường và Chủ tịch đương nhiệm tập đoàn Nam Cường Lê Thị Thúy Ngà ".

=> "Ái nữ" đã có nghĩa người con gái yêu quý rồi, sao lại cùng dùng thêm một từ "con gái" nữa cho rườm rà, tối nghĩa ? Câu trên chỉ cần viết "Ái nữ Trần Thị Quỳnh Ngọc của doanh nhân quá cố..." là được.

=>Còn tiêu đề bài báo, " Nữ tiểu thư...", có cần thiết phải thêm "nữ" vào trước từ "tiểu thư" không, khi mà từ "tiểu thư" đã bao hàm nghĩa con gái rồi ?

=>Lạ lùng hơn nữa, tiêu đề bài báo là thế, vậy mà cuối bài lại kể về 2 chàng trai là Đặng Hồng Anh và Đoàn Quốc Huy. Chẳng lẽ họ cũng là " nữ tiểu thư" ư ?

5. Bài **"Yêu Bác, lòng ta trong sáng hơn"** (Báo Dân trí, ngày 19/5/2015) có vài lỗi về dùng từ thừa như: "...Việt kiều ở nước ngoài về ", " Không phải ai cũng nhìn rõ hết sự hy sinh âm thầm, lặng lẽ của những người làm cha, làm mẹ...".

=> Việt kiều là người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài nên câu trên chỉ cần viết "Việt kiều về nước..." ; còn "âm thầm" và "lặng lẽ" là hai từ đồng nghĩa, chỉ cần dùng một trong hai từ đó là đủ.

6. Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13/6/2015, trong bài: **Thông tin mới vụ CSCĐ túm cổ áo người dân**, có câu " Sau khi xác minh làm rõ, nếu xác định lỗi sai của hai CSCĐ thì công an thành phố sẽ tổ chức gặp gỡ và có xin lỗi".

=> "Xác minh" và "làm rõ" có nghĩa tương đương nhau, vậy chỉ cần dùng "xác minh" là đủ. Đây cũng là lỗi về từ hay gặp trong các tin về pháp luật trên các báo.

7. Bài **Hậu trường "bay show xác thịt" gái chân dài** (báo VietNamNet, ngày 14/6/2015) có câu " Có nhiều người mẫu bán thân, hay nói thẳng ra là đi làm gái".

=> Đây là lỗi thiếu từ, nên làm cho câu văn tối nghĩa, khó hiểu. Đáng lẽ ra, tác giả phải viết rõ " đi làm gái gì ?", ví dụ: đi làm gái bán dâm (gái bao, gái bán hoa) thì người đọc mới hiểu rõ nghĩa và mới chuẩn câu tiếng Việt.

Lỗi này còn thấy trong bài: **Người tình của chồng ngang nhiên sinh con thách thức** (vẫn trên báo VietNamNet, ngày 14/6/2015) với câu " Sau hỏi thì chồng mình bảo là cô ta chê quê nghèo nên lên thành phố làm gái và họ cắt đứt mối quan hệ tại đây".

8. Câu chú thích một ảnh trong bài Hà Nội: **Nhà kỳ dị 'làm đẹp' đường đắt nhất hành tinh** (báo VietNamNet, ngày 14/6/2015) lại dùng sai kết hợp từ và diễn đạt câu không rõ nghĩa " Ngôi nhà này đang bỏ không chỉ che chắn bằng tấm bạt đã rách rưới ".

=>Thứ nhất là phải thêm dấu phẩy sau từ "không" và thêm từ "được" sau từ "chỉ". Thứ hai là phải sửa cách dùng từ, hoặc bỏ từ "đã" hoặc bỏ tiếng " rưới", vì không có kiểu kết hợp " đã rách rưới".

Trang chủ | Chính trị - Xã hội | Khoa học | Kinh tế | Cộng đồng Việt | Thế giới

Đặt làm trang chủ | Liên hệ tòa soạn | Liên hệ quảng cáo

TRANG NHẤT » Pháp luật » Hồ sơ vụ án » Ký sự

Đường hoàn lương sáng lạn của một 'vua cây cảnh'

Cập nhật lúc 8:00 AM, 14/02/2010

Ra tù với hai bàn tay trắng, anh Hải được mách cho cách trồng cây cảnh. Sau nhiều đêm suy nghĩ, vợ chồng anh quyết định sang nhà bố mẹ vợ mượn sổ đỏ để thế chấp lấy tiền làm vốn.

Những ai đam mê chơi cây cảnh cổ thụ, hầu như không ai là không biết đến anh Nguyễn Văn Hải, ở xã Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Tây. Nhiều người thường gọi đùa anh là "vua cây". Nhưng ít ai biết rằng, để có được ngày hôm nay, vợ chồng anh đã phải trải qua đắng cay, khổ cực, có lúc tưởng không còn đường đi tiếp.

Có lẽ, anh không thể nào quên cái ngày định mệnh vào giữa năm 1996. Hôm đó, gia đình có cỗ, anh đang bắt gà làm thịt thì hai cán bộ công an tới, đọc lệnh bắt. Anh lặng lẽ cúi đầu, tra tay vào còng trong sự ngỡ ngàng của gia đình và người vợ mới cưới, sắp đến ngày sinh.

- **Chuẩn bị nội dung viết**: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- **RÚT KINH NGHIỆM**

.....
.....
.....
.....

VIẾT

Tiết 19,20

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Viết

Quy trình viết

- Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

Thực hành viết

- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

2. Phẩm chất

- Biết lập luận chặt chẽ và thể hiện những rung cảm cùng tưởng tượng của bản thân khi chiếm lĩnh bài thơ.

- Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

- Yêu thích thơ ca.

- Nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá,…

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS xem clip ngâm thơ "Mùa xuân xanh"

HS tìm từ ngữ thể hiện cảm nhận của mình về bài thơ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV chia lớp thành 4 nhóm tương đương 4 đội chơi. Trong thời gian 3 phút mỗi đội viết những từ ngữ thể hiện cảm nhận của mình về bài thơ "Mùa xuân xanh" lên giấy dán. (Đây chính là vốn từ vựng gợi ý cho HS thực hành viết)

Trong khoảng thời gian 1 phút nhóm nào dán được nhiều từ hơn, các từ có giá trị biểu cảm cao hơn sẽ giành chiến thắng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Các đội chơi trình bày miếng dán
- Các HS khác quan sát, thảo luận, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

Dự kiến câu trả lời: Sức sống phơi phới của vạn vật, tạo vật giao thoa, khởi đầu, sắc thái khác nhau của màu xanh, điểm nhìn thay đổi, không gian đồng nội, những câu thơ vắt dòng, con người là trung tâm của bức tranh,…

➔GV dẫn dắt vào nội dung tiết học: Có người khuyên ta rằng: khi đi vào thế giới của thơ ca, ta chớ nên đi với một trái tim dửng dưng, với con mắt thờ ơ, lạnh nhạt. Hãy trân trọng và nâng niu, vì đó đâu phải là câu chữ, đó là hồn người viết, là vật họ gửi làm tin cho ta. Vì vậy hãy đọc thơ như mình trò chuyện với tác giả với một tinh thần cảm thông "đồng khí, đồng thanh". Và như vậy trái tim ta mới có thể dễ dàng hoà nhịp với trái tim đang phập phồng của thi nhân trong từng câu chữ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (... phút)

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ

a. Mục tiêu: HS hiểu đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Phân tích ví dụ SGK **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc văn bản SGK – trang 61-64 và dựa vào gợi ý ở phía lề phải văn bản: - Vấn đề chính được bàn luận là gì? - Bài nghị luận trên giúp người đọc có được hiểu biết gì về bài thơ *Mùa xuân xanh*? - Tác giả bài viết đã triển khai các luận điểm theo trình tự nào? - Sơ đồ hoá kiến thức trong bài viết tham khảo **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.	**I. Tìm hiểu chung về bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ** **1. Xét bài viết tham khảo SGK:** - Vấn đề chính được bàn luận: Vẻ đẹp của bài thơ *Mùa xuân xanh* - Bài nghị luận giúp người đọc hiểu về các điệu xanh của bài thơ *Mùa xuân xanh* thể hiện qua các yếu tố nghệ thuật của bài thơ (Từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, các phép tu từ đối, điệp, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…) - Tác giả đã triển khai các luận điểm theo trình tự: + Giới thiệu chung (nhan đề, tác giả, tác phẩm, định hướng phân tích) + Phân tích các yếu tố làm nên vẻ đẹp của thơ (Từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, các phép tu từ đối, điệp, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…) + Mở rộng vấn đề bài viết + Kết luận: tóm lược các ý kiến khẳng định giá trị của bài thơ.

+ Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** **Thao tác 2: Tìm hiểu những đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - Thế nào là bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** **Thao tác 3: Tìm hiểu các yếu tố chủ yếu cấu thành nên một bài thơ** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - Theo em, các yếu tố chủ yếu cấu thành nên một bài thơ gồm những gì? Cho ví dụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + HS suy nghĩ cá nhân + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + GV gọi HS phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** **Thao tác 4: Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm thơ**	**- Sơ đồ hoá kiến thức bài viết tham khảo:** **Những điệu xanh của mùa xuân** + Nêu ấn tượng trước sự gợi mở của nhan đề và câu mở đầu bài thơ. + Phân tích mạch triển khai hệ thống hình ảnh trong bài thơ. + Phân tích phép đối, phép điệp và hiệu quả thẩm mĩ mà các phép tu từ này gợi ra. + Liên hệ, so sánh với thơ truyền thống để làm rõ những nét mới mẻ của bài thơ. + Khẳng định giá trị thẩm mĩ và giá trị nhân bản của bài thơ. **2. Tìm hiểu những đặc điểm của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ** - Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ không phải là một bài phát biểu cảm nhận đơn thuần. - Kiểu bài viết này đòi hỏi sự chặt chẽ trong lập luận, sự sáng rõ, sắc nét của luận điểm và sự mạch lạc trong tổ chức bài viết. - Bởi vậy, người viết cần nắm chắc các tri thức về đặc trưng thi ca đã được giới thiệu trong các bài học và được làm rõ qua các tiết đọc văn bản để có những phân tích, đánh giá thuyết phục. Mặt khác, kiểu bài này cũng vẫn khuyến khích người viết thể hiện những rung cảm và tưởng tượng của mình khi chiếm lĩnh bài thơ. **3. Các yếu tố chủ yếu của một bài thơ gồm:** + Mạch cảm xúc của thi nhân được gửi qua những rung động và tình cảm của nhân vật trữ tình. + Các yếu tố về hình thức nghệ thuật: Từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,… Ví dụ một số đề bài văn nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm thơ:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Để viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ, các em cần thực hiện các yêu cầu gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**	- Vẻ đẹp của mùa thu trong bài thơ *Thu hứng* - Phân tích sự độc đáo của những hình ảnh trong thơ hai-cư - Cảm nhận về mạch liên kết cảm xúc trong bài thơ *Mùa xuân chín* **4. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ** - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá). - Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…) - Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.

Hoạt động 2.2: Tìm ý, lập dàn ý cho bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ

a. Mục tiêu: HS biết cách tìm ý, lập dàn ý cho bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
GV hướng dẫn HS cách tìm ý và lập dàn ý bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ **HOẠT ĐỘNG NHÓM** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** **GV chia lớp thành 4 nhóm:**	**II. Tìm ý, lập dàn ý bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ** **1. Cách tìm ý cho bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ** - Đọc lại bài thơ đã lựa chọn. Có thể đọc thầm hoặc đọc thành tiếng để cảm nhận đầy đủ hơn về âm điệu, nhịp điệu của nó. Chú ý những cách diễn đạt lạ, có thể lần đầu mình bắt gặp và những hình ảnh gây ấn tượng. Sau khi đọc,

Nhóm 1,2: Nêu cách tìm ý cho một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ. **Nhóm 3,4:** Nêu cách lập dàn ý chung cho một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ. *Để có những định hướng cụ thể trong tìm ý, GV yêu cầu HS xem lại bài viết tham khảo, lưu ý HS một số vấn đề:* - Với bài thơ *Mùa xuân xanh* của Nguyễn Bính, cần quan tâm đến **nhan đề** bài thơ, cách sử dụng các đại từ một cách lấp lửng (*đồng tôi, đồng nàng, đồng anh*)… Cũng cần chú ý đến **nhịp điệu** của bài thơ và **giọng điệu của nhân vật trữ tình** (Bài thơ có nhịp nhanh hay chậm? Giọng điệu của nhân vật trữ tình sôi nổi hay rụt rè, náo nức hay ngập ngừng?). Không nên bỏ qua sự cụ thể hóa của **những điệu xanh** của mùa xuân thành **hình ảnh** trải dọc bài thơ - Cần phát hiện ra **cấu trúc hô ứng và sóng đôi** của hệ thống **hình ảnh** và **ngôn từ** của bài thơ để từ đó khẳng định: hình thức nghệ thuật này thể hiện cảm quan độc đáo của nhà thơ về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên - Thử đặt bài thơ *Mùa xuân xanh* trong mối **liên hệ** với phong trào Thơ mới, **so sánh** nội dung và hình thức của bài thơ với thơ ca dân gian và trung đại. Từ đó chứng minh sự hài hòa giữa tính hiện đại và tính truyền thống của bài thơ - Cần nhấn mạnh vào **cái mới**, cái mang tính **hiện đại** trong cảm nhận về thiên nhiên và sự biểu hiện tình cảm của con người - Quan tâm đến **giá trị nhân bản** của bài thơ: Tình yêu đời và niềm vui sống **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức thảo luận nhóm (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích	hãy suy nghĩ vì sao bài thơ lại có những cách tổ chức và kết hợp ngôn từ đặc biệt như vậy. - Liên kết âm điệu, nhịp điệu, ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ và chú ý xem mạch liên kết này có thể đem đến cho bạn sự bất ngờ nào trong cảm xúc, liên tưởng và nhận thức. - Tìm hiểu thêm thông tin về tác giả và hoàn cảnh sáng tác, chú ý bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa, văn học của bài thơ - có thể giúp hiểu sâu hơn về ngôn ngữ, hình ảnh, cảm xúc và tư tưởng của bài thơ. - Khi phân tích nội dung nghệ thuật của bài thơ, chú ý vận dụng các thao tác so sánh và liên tưởng một cách thích hợp. (Ví dụ: so sánh từ ngữ mà nhà thơ lựa chọn với những từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa, từ đó lý giải vì sao lựa chọn của nhà thơ có thể được xem nhà tối ưu.) - Cần tập trung vào những phương diện hình thức nghệ thuật và nội dung của bài thơ mà người đọc xem là độc đáo, mới mẻ, thú vị. - Khi đánh giá bài thơ, cần chú ý đầy đủ các giá trị thẩm mĩ và giá trị nhân văn của nó. (Bài thơ gợi cho bạn những trải nghiệm đặc biệt gì về cảm giác, cảm xúc, nhận thức? Những trải nghiệm đó có ý nghĩa như thế nào đối với bạn?) **2. Dàn ý chung của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ** *** Mở bài:** Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, thời điểm ra đời, nơi xuất bản, đánh giá chung của dư luận,…) và nêu vấn đề chính sẽ được tập trung phân tích trong bài viết. *** Thân bài (cần triển khai các ý):** - Phân tích, đánh giá mạch ý tưởng, cảm xúc của nhân vật trữ tình (nhân vật trữ tình muốn biểu đạt điều gì, thông qua hình tượng nào, với cái nhìn và thái độ ra sao,…). - Phân tích, đánh giá sự phát triển của hình tượng chính (qua các khổ, đoạn trong bài) và tính độc đáo của những phương tiện ngôn từ đã được sử dụng (từ ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ,…). - Phân tích, đánh giá nét hấp dẫn riêng của bài

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đại diện một số nhóm trình bày. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**	thơ so với những sáng tác khác cùng đề tài, chủ đề, thể loại (của chính nhà thơ hoặc của những tác giả khác). *** Kết bài:** Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mĩ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ đối với người viết bài nghị luận.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH VIẾT(....phút)

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:

+ HS xác định được mục đích viết (nghị luận); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

+ Viết được bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ

b. Nội dung: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU TÌM Ý: **Vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử**		
Các ý cần tìm hiểu	Từ ngữ thể hiện	Nhận xét
Ý nghĩa nhan đề		
Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình		
Vẻ đẹp thiên nhiên trong "Đây thôn Vĩ Dạ"		
Vẻ đẹp con người trong "Đây thôn Vĩ Dạ"		
Vẻ đẹp của tâm hồn thi sĩ		
Đánh giá hiệu quả của các tín hiệu thẩm mĩ trong việc thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong "Đây thôn Vĩ Dạ"		

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV hướng dẫn HS thực hành viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ **Thao tác 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị** - GV hướng dẫn HS lựa chọn vấn đề nghị luận Thảo luận cặp đôi trong bàn: **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:** + **Vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử** - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của đề bài: + Về nội dung, đề bài yêu cầu HS bàn luận về vấn đề gì? + Em có thể vận dụng các thao tác lập luận nào trong bài viết? + Dự định những luận điểm cần có trong bài viết? + Để bài viết thuyết phục, để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận, em sẽ lấy những dẫn chứng ở đâu? Em hãy hình dung những dẫn chứng mà em sẽ lấy cho bài viết? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát, gợi mở **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**	**III. Thực hành** **Đề bài:** Vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử **1. Bước 1: Chuẩn bị viết** Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài: - **Dạng bài:** nghị luận đánh giá, phân tích một tác phẩm thơ - **Về nội dung:** Vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử - **Về thao tác lập luận:** Sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận - **Về phạm vi dẫn chứng:** Sử dụng ngữ liệu trong tác phẩm "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử - **Hệ thống luận điểm triển khai bài viết:** + Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhan đề bài thơ + Phân tích, đánh giá sự gợi mở của nhan đề bài thơ + Phân tích, đánh giá mạch cảm xúc của nhà thơ + Phân tích vẻ đẹp thiên nhiên và con người qua những tín hiệu thẩm mĩ (từ ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ,…) + Nét hấp dẫn riêng của bài thơ so với những sáng tác khác cùng đề tài, chủ đề, thể loại (của chính nhà thơ hoặc của những tác giả khác). **2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** ***Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo một trình tự nhất định theo ba phần lớn của bài văn, gồm:*** **a. Mở bài:** **Giới thiệu ngắn gọn về nhà thơ Hàn Mặc Tử và bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ":** Hàn Mặc Tử - một nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất trong phong trào Thơ mới. Rút từ tập "Thơ điên", "Đây thôn Vĩ Dạ" là một bài thơ

+ HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, **Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý: + HS điền vào **Phiếu tìm ý** theo mẫu. + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát, gợi mở **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận** + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, định hướng.	ẩn chứa một tình yêu đau đớn hướng về cuộc đời trần thế của thi sĩ. **b. Thân bài** *** Bức tranh Vĩ Dạ xinh đẹp, tươi tắn** - "Sao anh không về chơi thôn Vĩ": lời trách nhẹ nhàng, lời mời gọi tha thiết của người thôn Vĩ: - Vẻ đẹp của thôn Vĩ: + Hình ảnh "nắng hàng cau" gợi tả vẻ đẹp của hàng cau khi được những tia nắng tinh khôi, thanh thiết chiếu rọi. + Động từ "nhìn" được đặt đầu câu càng tô đậm sức cuốn hút của ánh nắng buổi bình minh. → Đó là một màu nắng trong trẻo, tinh khôi của những tia nắng đầu tiên vươn mình lên hàng cau xinh đẹp trong vườn nhà. + Nắng thiên nhiên bao phủ lên vườn nhà, cỏ cây được thưởng thức nắng mới lại càng sinh sôi, căng tràn nhựa sống: "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc". + Cỏ cây xanh mướt, mỡ màng và bóng bẩy trong nắng, một cảnh vườn xinh xắn như hiện ra trước mắt người đọc. + Bóng dáng người con gái yêu kiều, kín đáo thấp thoáng hiện ra sau nhành lá trúc mảnh mai: "Lá trúc che ngang mặt chữ điền." => Giữa vườn thiên nhiên tươi đẹp, hình ảnh con người càng thêm nổi bật, tô đậm sự hài hoà giữa cảnh và tình. ***Tâm trạng và nỗi cầu vọng của thi nhân** - Gió, mây vốn song hành, nhưng giờ lại theo lối riêng, đường riêng gợi sự chia lìa, dứt bỏ. - Nhà thơ cũng đã dự cảm về một cuộc đời ngắn ngủi của bản thân mình, rồi cũng như gió, mây kia mà thôi, chia lìa, xa cách chốn trần gian về với cõi vĩnh hằng. - Cảnh đượm buồn, đượm thương, dòng nước "buồn thiu" chảy trôi trên sông vắng, hoa bắp lay trong gió cũng mệt nhoài, chán nản. - Câu hỏi tu từ "Có chở trăng về kịp tối nay?" đã gửi gắm một nỗi khát khao, hoài vọng, mong cầu của thi nhân về một người bạn đời tới sẻ chia trước khi cái chết tìm tới mình. - Điệp ngữ "khách đường xa" kết hợp với động từ "mơ" và hình ảnh "áo em trắng quá" cho thấy được ảo ảnh đầy tươi đẹp về người con gái mà tác giả từng thương mến. - Đối mặt với thực tại phũ phàng, sương khói khiến bóng hình người con gái như nhoà đi hay khoảng cách khiến tình người phai nhoà thêm nhiều chút. - Câu hỏi tu từ "Ai biết tình ai có đậm đà?" cuối bài thơ

	càng tô đậm nỗi phân vân, mặc cảm, lo sợ của tác giả về một tình cảm đơn phương. **c. Kết bài** **Cảm nhận chung về giá trị bài thơ:** "Đây thôn Vĩ Dạ" là một bài thơ đẹp. Đẹp bởi bức tranh thiên nhiên xanh tươi nơi xứ Huế, đẹp bởi tình người bước ra từ trang thơ. Có thể nói, bằng một tâm hồn đầy yêu thương và tài năng trong ngòi bút, Hàn Mặc Tử đã viết nên một tuyệt tác bất hủ với thời gian.
Thao tác 3: Hướng dẫn HS viết bài **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + HS viết bài theo dàn ý đã lập. + GV quan sát **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận** **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những bài viết tốt, định hướng HS chia sẻ học tập và khích lệ HS viết chưa tốt nỗ lực hơn.	**3. Bước 3: Viết** - Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết. **Chú ý:** + Bài viết đủ 3 phần + Mỗi ý trong bài cần được triển khai thành một đoạn văn; từng đoạn văn đều có câu chủ đề, được đặt ở vị trí thích hợp. Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài. + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú. Cần chú ý dẫn các dòng thơ, khổ thơ có thể minh họa tốt cho ý đã được nêu, kèm theo những lời bình, phân tích phù hợp, tránh tình trạng nói chung chung thiếu căn cứ. + Cần thể hiện được sự rung động thật sự của mình trước bài thơ nhưng tránh lối nói đại ngôn hay sử dụng quá nhiều những câu cảm thán. + Lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với vấn đề nghị luận.
GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết. - Kiểm tra và chỉnh sửa theo **Phiếu chỉnh sửa bài viết** **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**	**4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện** - Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa theo **Phiếu chỉnh sửa bài viết** - HS có thể tráo đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau.

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.	

Phiếu chỉnh sửa bài viết

Nội dung kiểm tra	**Yêu cầu cụ thể**	**Đạt/Chưa đạt**	
Bố cục ba phần	- **Mở bài:** + Đã giới thiệu được vấn đề cần nghị luận chưa? + Nêu được ấn tượng đặc biệt của bản thân về tác phẩm chưa?		
	- **Thân bài:** + Có giới thiệu về tác giả, tác phẩm không? + Có phân tích được tính chất gợi mở của đề bài không? + Có phân tích được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người không? + Đã phân tích, đánh giá được các yếu tố trong thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…)?		
	- **Kết bài:** Có khái quát được vấn đề, có nêu được giá trị của tác phẩm không?		
Các lỗi còn mắc	- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt		
Đánh giá chung	- Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết?		

<u>Dự kiến bài văn nghị luận về:</u> Vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử

"Đây thôn Vĩ Dạ" là một kiệt tác của Hàn Mặc Tử, được sáng tác vào năm 1938, in lần đầu trong tập "*Thơ điên"*. Khi viết bài thơ này Hàn Mặc Tử đang trong giai đoạn bệnh nặng, cả thể xác lẫn tinh thần bị đau đớn và bệnh tật giằng xé. Nhưng thể hiện qua bài thơ "*Đây thôn Vĩ Dạ"* ta chỉ thấy một chất thơ nhẹ nhàng, một hồn thơ khao khát yêu thương, bệnh tật dường như không thể chạm đến tâm hồn của Hàn Mặc Tử. Với những hình ảnh biểu hiện nội tâm, hình ảnh gợi tả, ngôn ngữ tinh tế, giàu liên tưởng, "*Đây thôn Vĩ Dạ"* vẽ lên một bức tranh đẹp về một miền quê Việt Nam cũng như qua đó gửi gắm tiếng lòng tha thiết yêu đời, yêu người của tác giả.

Câu mở đầu: "Sao anh không về chơi thôn Vĩ?" là một câu hỏi nhiều sắc thái: vừa hỏi, vừa nhắc nhớ, vừa trách, vừa mời mọc. Giờ đây chẳng ai còn ấu trĩ gán cho nó là câu hỏi của Hoàng

Cúc hay của một cô gái nào ở thôn Vĩ nữa. Bởi, là đằng này thì vô lí - không đúng sự thực, là đằng kia thì vô tình- viết để tạ lòng Hoàng Cúc mà lại nghĩ đến cô khác ư? Vả chăng, đâu chỉ có một câu hỏi này. Toàn bài có tới ba câu hỏi. Cả ba đều cùng một chủ thể. Trên kia đã phần nào nói đến việc bài thơ được viết thành ba khổ trên âm điệu chủ đạo của những câu hỏi buông ra, buột lên, không lời đáp. Thực ra, câu hỏi chỉ là hình thức bày tỏ. Nó không đợi trả lời để thành đối thoại. Nó cứ buông ra thế để thành dòng độc thoại bộc bạch tâm tình. Ngữ điệu hỏi càng về sau càng khắc khoải hơn, u hoài hơn. Và, nhờ ngữ điệu nhất quán ấy, mà ba cảnh sắc ở ba khổ thơ vốn đứt đoạn "cóc nhảy" đã được xâu chuỗi lại tự nhiên khăng khít. Đó là Tử đang phân thân để tự hỏi chính mình. Hỏi mà như nhắc đến một việc cần làm, đáng phải làm, mà chẳng biết giờ đây có còn cơ hội để thực hiện nữa không. Ấy là về lại thôn Vĩ, thăm lại chốn cũ, cảnh xưa. Ta đều biết tuổi nhỏ Tử đã từng học trường Pellerin ở Huế, và khi in xong tập "Gái Quê", Tử đã từng đến tìm Hoàng Cúc tại thôn Vĩ mà rồi chỉ nấp nom ngoài rào trúc chứ không dám vào. Giờ đây, nhận được bức thiếp phong cảnh này, niềm khát khao đã cất lên thành lời tự vấn oái oăm vậy. Còn ba câu sau vẽ ra hình tượng mảnh vườn thôn Vĩ:

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc

Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Mỗi câu là một chi tiết vườn. Tất cả đều hoà hợp và ánh lên một vẻ đẹp thanh tú. Đọc thơ Tử, qua các tập, thấy vườn thực sự là một môtip ám ảnh. Nào vườn trần, vườn tiên, vườn chiêm bao... Dù mỗi nơi một khác, nhưng vườn của Tử đều mang chung một diện mạo mà Tử muốn gọi là "chốn nước non thanh tú". Phải, thiên nhiên mà Tử say đắm dứt khoát phải có vẻ đẹp thanh tú! Không thế, Tử khó mà động bút. Dường như các mảnh vườn kia đã hò hẹn nhau đầu thai thành mảnh vườn Vĩ Dạ này. Chả thế mà chi tiết nào của nó dù đơn sơ cũng toát lên vẻ tinh khôi, dù bình dị cũng toát lên vẻ thanh khiết cao sang. Nghĩa là một "chốn nước non thanh tú" hoàn toàn.

Trong thơ Tử, nắng cũng là môtip ám ảnh. Ta thường gặp những thứ nắng lạ đầy ấn tượng với những nắng tươi, nắng ửng, nắng chang chang, nắng loạn...Trong mảnh vườn này, Tử chỉ nói giản dị "Nắng hàng cau nắng mới lên", cớ sao mà gợi thế! Có lẽ một câu thơ hay không chỉ hay bởi những gì nó mang sẵn, mà còn vì những gì nó có thể gợi ra để người đọc đồng sáng tạo. Ai đã từng sống với cau, dễ thấy cau là một thứ cây cao, thậm chí ở mảnh vườn nào đó, có thể là cao nhất. Nó là cây đầu tiên nhận được những tia nắng đầu tiên của một ngày. Bởi thế mà tinh khôi. Trong đêm, lá cau được tắm gội trên cao, sắc xanh như mới được hồi sinh trong bóng tối, dưới nắng mai lại rời rợi thanh tân. Nắng trên lá cau thành nắng ướt, nắng long lanh, nắng thiếu nữ. Bởi thế mà thanh khiết. Lại nữa, cau có dáng mảnh dẻ, trong nắng sớm, bóng đổ xuống vườn, in xuống lối đi những nét mảnh thật thanh thoát. Thân cau chia thành nhiều đốt đều đặn, khác nào như một cây thước mà thiên nhiên dựng sẵn trong vườn dùng để đo mực nắng. Nắng mai rót vào vườn cứ đầy dần lên theo từng đốt, từng đốt. Đến khi tràn trề thì nó biến cả khu vườn xanh thành viên ngọc lớn... Chẳng phải câu thơ hay còn phải đánh thức dậy bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức con người? Song, trọng tâm của hình tượng vườn dường như thuộc về những nét vẽ ở hai câu sau. Mà ấn tượng nhất là câu thơ có vẻ đẹp long lanh này: "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc". Vì nó có sắc "mướt" chăng? vì được sánh với "ngọc" chăng? Quả là hai chữ ấy đã đập ngay vào trực cảm người đọc. "Mướt" ánh lên vẻ mượt mà óng ả đầy xuân sắc. Còn "ngọc" là tinh thể trong suốt nên vừa có màu vừa có ánh. Nhờ đó, vườn thôn Vĩ như một viên ngọc không chỉ rời rợi sắc xanh, mà còn đang toả vào ban mai cả những ánh xanh nữa. Thiếu đi những ánh sắc ấy, mảnh vườn đơn sơ bình dị này khó mà hiện ra vẻ thanh tú cao sang. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở đó không thôi, ta mới chỉ thấy tầng lộ thiên của chữ "ngọc". Ẩn bên dưới, vẫn còn tầng trầm tích nữa. Khảo

sát phong cách ngôn ngữ Hàn Mặc Tử, thấy thi sĩ này rất ưa dùng những vật liệu cao sang, nhất là ở giai đoạn cuối. Từ "Thơ điên" trở đi, các trang đều tràn ngập những vàng, gấm, lụa, trân châu, thất bảo, nhũ hương, mộc dược... đặc biệt là ngọc. "Ngọc" vừa được dùng lối ước lệ cổ điển như tay ngọc, mắt ngọc, đũa ngọc... vừa được dùng lối trực quan. Mà dù theo lối nào nó cũng là so sánh ở mức tuyệt đối: "Đức tin thơm hơn ngọc / Thơ bay rồi thơ bay", "Xác cô thơm quá thơm hơn ngọc / Cả một mùa xuân đã hiện hình"... Thi sĩ đang muốn tuyệt đối hoá, tột cùng hoá vẻ đẹp đẽ, quí giá, cao sang của đối tượng. Nhu cầu tuyệt đối hoá này thường xuất hiện khi niềm thiết tha với cuộc đời trần thế dâng trào đến mức đau đớn. Càng đẹp lại càng đau. Cho nên, trong so sánh với "ngọc" luôn thấy chất chồng một cách oái oăm cả hai tâm thái: cảm giác càng tinh tế, cảm xúc càng đau thương. Ở đây cũng thế, "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc" chứa đựng trong đó một cảm nhận về vẻ đẹp ở mức tột bậc và cả niềm thiết tha ở mức đau thương. Cũng phải thôi, lộng lẫy đến thế, ngay trước mắt thế, mà đang vuột ra ngoài tầm tay của mình, thì làm sao tránh khỏi đau thương!

Nhưng, bên cạnh những chữ phô ngay ra vẻ quyến rũ ấy, còn có những chữ khác, khép nép bên cạnh, khiêm nhường kín đáo thôi, nhưng dường như lại được Tử yêu tin mà kí thác vào đó những uẩn khúc của lòng mình. Tôi muốn nói đến chữ "ai". Nếu cả bài chỉ có một chữ này thôi thì chưa có gì thật đáng nói. Bởi chữ "ai" thường mang ý phiếm chỉ hoá, ỡm ờ hoá mà thơ truyền thống, nhất là ca dao đã khai thác đến nhàm. Đáng nói vì cả bài có tới bốn chữ "ai" nằm ở cả ba khổ. Chúng gắn với nhau bằng cả sắc thái lẫn giọng điệu tạo thành một "hệ vi mạch" ẩn sâu trong lòng bài thơ, chuyển tải một cảm giác se xót - cảm giác về thực tại xa vời: *Vườn ai..., Thuyền ai..., Ai biết tình ai*. Thế giới này, cuộc đời này đẹp đẽ là thế, hiện ngay trước mắt thế, vậy mà đã hoá xa vời, vậy mà đã thuộc về "Ngoài kia", thuộc về cõi trần ai kia. Sắc thái phiếm chỉ bỗng chốc đã làm tất cả như lùi xa, bỗng như diệu vợi hoá, mông lung hoá. Cũng trong câu này, không thể không dành quan tâm ít nhiều đến chữ "quá", bởi hiệu quả nghệ thuật riêng của nó. Cũng là từ chỉ mức độ, nhưng xem ra chỉ có nó mới đem đến cho câu thơ âm hưởng của một tiếng kêu ngỡ ngàng, trầm trồ như chợt nhận ra vẻ đẹp bất ngờ của khu vườn, mà có lẽ ở khoảnh khắc trước chưa thấy, khoảnh khắc sau cũng chưa hẳn đã thấy. Ta sẽ còn gặp ở khổ cuối tiếng kêu như thế nữa - *áo em trắng quá nhìn không ra*. Nó cũng là tiếng kêu muốn tuyệt đối hoá vẻ đẹp của đối tượng. Nghĩa là những tiếng kêu hàm chứa nỗi đau thương.

Trong khổ này, câu thứ tư đã gây nhiều tranh luận: "Lá trúc che ngang mặt chữ điền". Gương mặt kia là phụ nữ hay đàn ông? Lối tạo hình của nó là cách điệu hay tả thực? ý kiến xem ra chưa ngã ngũ. Thực ra, làm sao lại có một chi tiết cách điệu lạc vào giữa một bức tranh trực quan thuần tả thực như thế này. Vả chăng, nó diễn tả một khuôn mặt chữ điền ẩn sau những lá trúc loà xoà kia mà. Có người đã cất công để chứng minh dứt khoát đấy là gương mặt phụ nữ. Thiết tưởng muốn xác định là đàn ông hay phụ nữ, trước tiên cần phải trả lời một câu hỏi khác: đó là mặt người thôn Vĩ hay người trở về thôn Vĩ? Nếu xét thuần tuý về cú pháp câu thơ, người đọc có quyền hiểu theo cả hai cách. Nhưng xét trong tương quan với toàn cảnh và trong hệ thống môtip phổ biến ở thơ Tử, thì có thể loại trừ được cách không phù hợp. Nếu là người thôn Vĩ (chủ nhân khu vườn), thì hẳn phải là khuôn mặt phụ nữ. Một người đàn ông về thôn Vĩ chắc không phải để ngắm khuôn mặt đàn ông! Còn là người trở về thôn Vĩ, thì người ấy chính là Tử, nói chuẩn hơn là hình tượng của chính Cái Tôi thi sĩ. Tìm trong thơ Hàn, sẽ thấy đây là lối tạo hình khá phổ biến, và cái nhân vật nép mình khi thì sau cành lá, khóm lau, khi thì sau rào thưa, bờ liễu... như thế này thường là hình bóng tự hoạ của Tử. Mà Tử vẫn có cái "thói" tự vẽ mình một cách rất kiêu hãnh và có phần... vơ vào nữa ("Người thơ phong vận như thơ ấy", "Có chàng trai mới in như ngọc? Gió căng hơi và nhạc lên trời", "Xin mời chàng tài hoa thi sĩ đó / Ngồi xuống đây bên thảm ngọc vườn châu"...). Thực ra, cũng chả riêng gì Tử vơ vào. Nguyễn Bính chân quê

cũng "vơ vào" chả kém khi tự hoạ một cách bóng gió trong một khuôn hình gần giống thế: "Bóng ai thấp thoáng sau rào trúc / Chẳng Tống Trân ư cũng Nguyễn Hiền". Nghĩa là khuôn mặt và hình dáng văn nhân cả thôi. Tuy nhiên, khuôn mặt chữ điền sau lá trúc, không chỉ là sản phẩm của "tâm lí vơ vào" dễ thương thế thôi đâu. Sâu xa hơn, nó còn là sản phẩm của mặc cảm chia lìa. Mặc cảm này thường khiến Tử vẽ mình trong các trang thơ như một "kẻ đứng ngoài", "kẻ đi ngang qua cuộc đời", kẻ "đứng cách xa hàng thế giới", là vị "khách xa", kẻ đứng ngoài mọi cuộc vui, mọi cảnh đẹp trần thế. Kẻ ấy thường làm những chuyến trở về với cuộc đời Ngoài kia một cách thầm lén, vụng trộm. Tử hình dung mình trở về thôn Vĩ (hay tái hiện lại cái lần mình đã trở về mà không vào, chỉ nép ngoài rào trúc, thì cũng thế!), vin một cành lá trúc, che ngang khuôn mặt mình để mà nhìn vào, say ngắm vẻ đẹp thần tiên của khu vườn. Hiểu thế mới thấy câu thơ kia, hoá ra là sản phẩm nhất quán của một tình yêu mãnh liệt mà cũng là sản phẩm của một tâm hồn đầy mặc cảm về thân phận mình. Trong đó chẳng phải giấu kín một niềm uẩn khúc đáng trân trọng mà cũng thật đáng thương sao? Song, hẳn sẽ có ý thắc mắc rằng: mạch thơ đang vẽ đối tượng (cảnh nơi thôn Vĩ) sao thoắt lại chuyển sang vẽ chủ thể (cái tôi thi sĩ), liệu có cóc nhảy, phi lôgic không? Đúng thế. Nhưng, như bạn biết đấy, cóc nhảy và phi lôgic trên bề mặt chính là một đặc trưng của mạch liên tưởng "thơ điên". Sự chuyển kênh đột ngột ấy, trước sau, vẫn chỉ xoay quanh một niềm thiết tha vô bờ mà cũng đầy uẩn khúc của Tử mà thôi.

Như vậy, trong khổ thơ thứ nhất này, cảnh sắc là thôn Vĩ mà cũng là "Ngoài kia", vườn Vĩ Dạ mà cũng là vườn trần gian. Qua lăng kính của mặc cảm chia lìa, cả những cảnh vật đơn sơ cũng trở nên vô cùng lộng lẫy. Với Tử đó là thiên đường trần gian - một thiên đường giờ đây dường như không thuộc về mình nữa, đang tuột khỏi tầm mình. Về thôn Vĩ vốn là việc bình thường, với Tử giờ đây lại thành một ước ao- ước ao quá tầm với, thành một hạnh phúc- hạnh phúc quá tầm tay.

Khổ thứ hai chuyển sang một cảnh khác: cảnh dòng sông. Hiểu là sông Hương cũng được mà dòng sông nào đó của cuộc đời "Ngoài kia" cũng được. Mặc cảm chia lìa ở đây hiện ra cả trong câu chữ, hình ảnh và nhạc điệu:

Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?

Hai câu trên nói đến một thực tại phiêu tán. Tất cả dường như đang bỏ đi: gió bay đi, mây trôi đi, dòng nước cũng buồn bã ra đi... Có phải cảnh tượng kia là một cái gì thật ngang trái trớ trêu? Đúng thế. Trước tiên, gió mây làm sao có thể tách rời - mây không tự di chuyển, gió thổi mây mới bay, chúng không thể chia tách. Rõ ràng, đây không còn đơn thuần là hình ảnh của thị giác, mà là hình ảnh của mặc cảm. Mặc cảm chia lìa đã chia lìa cả những thứ tưởng không thể chia lìa! "Dòng nước buồn thiu" vì mang sẵn trong lòng một tâm trạng buồn hay nỗi buồn li tán chia phôi từ mây gió đã bỏ buồn vào lòng sông? Khó mà đoán chắc. Lạ nhất là chữ "lay". Động thái "lay" tự nó không vui không buồn. Sao trong cảnh này nó lại buồn hiu hắt vậy? Nó là nét buồn phụ hoạ với gió mây sông nước? hay nỗi buồn sông nước đã lây nhiễm, đã xâm chiếm vào hồn hoa bắp phất phơ này? Thật khó mà tách bạch. Có phải có một chữ "lay" buồn như thế từ bông sậy của dân ca đã xuôi theo ngọn gió thời gian mà đậu vào thơ Tử: *Ai về giồng dứa qua truông / Gió lay bông sậy bỏ buồn cho em?* Có phải chữ "lay" ấy lại trôi nổi thêm nữa để đến với hiện đại nhập vào lá ngô của thơ Trúc Thông: *Lá ngô lay ở bờ sông - Bờ sông vẫn gió người không thấy về?* Và tất cả những chữ "lay" kia có phải đều dây mơ rễ má với chữ "hiu hiu" đầy ám ảnh của thơ Nguyễn Du: *Trông ra ngọn cỏ lá cây / Thấy hiu hiu gió thì hay chị về?* Hiu hiu, lay động đều là tín hiệu báo sự hiện hữu. Cứ nhìn thấy thế là người ngóng trông nhận ra sự trở về

nào đó từ cõi vô hình. Còn Tử nhìn hoa bắp lay để nhận ra sự phiêu tán, sự ra đi. Cả mây, gió, cả dòng nước cứ lìa bỏ nhau và đều lìa bỏ chốn này mà đi hết cả. Chỉ riêng hoa bắp là cái tĩnh tại, không thể tự nhấc mình lên mà lưu chuyển. Bị bỏ rơi lại bên bờ, động thái "lay" kia có phải là một níu giữ vu vơ, một lưu luyến vô vọng của kẻ bị chia lìa? Có phải Tử đã thấy hoa bắp côi cút bên sông như vận vào mình? Có phải mặc cảm chia lìa đã khiến Tử nhìn ra cái thân phận bị bỏ rơi bên trời quên lãng của mình trong dáng "lay" sầu tủi của hoa bắp?

Đối mặt với cái xu thế tất cả đang chảy đi, bỏ đi, trôi đi càng lúc càng vuột xa ngoài tầm sống của mình ấy, Tử chợt ao ước một thứ có thể ngược dòng về với mình, ấy là trăng. Phải, mây đã đi, gió đã đi, dòng nước cũng đi... may ra chỉ còn trăng thôi:

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?

Trong bài thơ này có hai chữ "về". Nếu chữ thứ nhất là về với Vĩ Dạ, với "Ngoài kia" (Sao anh không về chơi thôn Vĩ?), thì chữ thứ hai đây đã đổi hướng, là về phía Tử, về với "Trong này". Cũng phải thôi, trong "lãnh cung" của sự chia lìa, vốn "không có niềm trăng và ý nhạc", nên Tử đã đặt vào trăng kì vọng của mình: "Có chở trăng về kịp tối nay?" Trăng giờ đây như một bám víu duy nhất, một tri âm, một cứu tinh, một cứu chuộc! Tìm kiếm vẻ đẹp của những câu này, người phân tích thường chỉ chú mục vào hình ảnh "sông trăng", "thuyền trăng" với thủ pháp huyền ảo hoá. Thực ra đó chỉ là những vẻ đẹp thuộc cái duyên phô ra của thơ mà thôi. Tôi muốn nói đến chữ khác lâu nay bị bỏ quên, bởi nó lặng lẽ khiêm nhường chứ không bóng bảy ồn ào. Nhưng nó vẫn đẹp trong quên lãng, ấy là chữ "kịp". Chữ "kịp" mới mang bi kịch của tâm hồn ấy, thân phận ấy. Ta và cả người đọc sau ta nữa chắc chắn không thể biết "tối nay" kia là tối nào cụ thể. Nhưng qua giọng khắc khoải và qua chữ "kịp" này ta nhận ra một lời cầu khẩn. Dường như, nếu trăng không về "kịp" thì kẻ bị số phận bỏ rơi bên rìa cuộc đời này, bỏ dưới trời sâu này sẽ hoàn toàn lâm vào tuyệt vọng, vĩnh viễn đau thương. Như thế, chữ 'kịp" đã hé mở cho ta một cách thế sống: sống là chạy đua với thời gian. Một so sánh với Xuân Diệu có thể thấy rõ Tử hơn. Cũng chạy đua với thời gian, nhưng ở Xuân Diệu là để được hưởng tối đa, sống để mà tận hưởng mọi hạnh phúc nơi trần giới, bởi đời người quá ngắn ngủi, cái chết sẽ chờ đợi tất cả ở cuối con đường, còn Hàn Mặc Tử chỉ mong tối thiểu, chỉ được sống không thôi đã là hạnh phúc rồi, bởi lưỡi hái của tử thần đã huơ lên lạnh buốt sau lưng. Quĩ thời gian đang vơi đi từng giờ từng khắc, cuộc chia lìa vĩnh viễn đã sát gần. Trong cảnh ngộ này, trăng dường như là điểm tựa duy nhất, là bấu víu cuối cùng của kẻ cô đơn đang chới với trong nguy cơ chia lìa đương vây khốn. Thơ là sự lên tiếng của thân phận, thật trớ trêu, định nghĩa ấy hoàn toàn đúng với Hàn Mặc Tử.

Khổ thứ ba, giọng khắc khoải đã hiển hiện thành nhịp điệu. Khác hẳn các đoạn trước, nhịp thơ ở đây gấp gáp hơn, khẩn khoản hơn:

Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra

Vườn đẹp, trăng đẹp và bây giờ đến hình bóng đẹp của khách đường xa. Tất cả đều là những hình ảnh đầy mời gọi của thế giới "Ngoài kia". Ở trên, tôi đã nói đến vẻ đẹp trinh khiết như là chuẩn mực cho cảm quan thẩm mĩ của Hàn Mặc Tử. Trinh khiết trở thành vẻ đẹp phổ biến của thế giới và của những Nàng thơ trong cõi thơ Tử. Những người con gái trong thơ Tử bao giờ cũng là hiện thân sống động của vẻ trinh khiết xuân tình. Gắn làm một với hình bóng họ là sắc áo trắng tinh khôi. Cho nên ngóng ra thế giới "Ngoài kia", thì hình bóng người khách đường xa (người tình xa) phải là trung tâm, phải thanh khiết nhất, lung linh nhất. Và đắm say tột bậc cái vẻ đẹp này, Tử thường cực tả bằng những sắc trắng dị kì. Tử dồn cả màu cả ánh để diễn đạt cho được trực cảm của mình: "Chị ấy năm nay còn gánh thóc / Dọc bờ sông trắng nắng chang chang". Thậm chí, có

lúc không theo kịp trực giác, lời thơ trở nên kì quặc: "chết rồi xiêm áo trắng như tinh"... Nhiều người phân tích chưa nhận thấy đặc trưng này của thơ Tử đã giải thích áo trắng quá nhìn không ra là bởi lẫn vào sương khói. Không phải thế. "Áo em trắng quá nhìn không ra" chính là một tiếng kêu, một cách cực tả sắc trắng ở sắc độ tuyệt đối, tột cùng. Trắng đến mức lạ lùng, không còn tin vào mắt mình nữa (tựa như tiếng kêu vườn ai mướt quá xanh như ngọc đã phân tích ở trên). Đừng lầm tưởng rằng đây là lời thú nhận về sự bất lực của thị giác.

Như thế, cuối cùng, mơ tưởng da diết khắc khoải hơn hết thảy vẫn là dành cho con người, vẫn là hướng tới những người tình xa. Bởi phải chia lìa với thế giới "Ngoài kia", có lẽ mất mát lớn nhất, niềm đau thương nhất vẫn là phải chia lìa với người mình yêu vậy. Đến đấy, Tử quay trở về với thực tại u ám của mình, ấy là chốn lãnh cung ảm đạm mịt mờ:

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?

Được viết gần như đồng thời với bài *Những giọt lệ*, cho nên ta cứ nghe đâu đây trong những câu chữ kia tiếng dội của những giọt lệ đau thương, như hoài nghi, như hi vọng, như tuyệt vọng: "Tôi đang còn đây hay ở đâu? / Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?" và "Trời hỡi bao giờ tôi chết đi? / Bao giờ tôi hết được yêu vì?"... Tử yêu đời đến đau đớn. Còn cuộc đời, tình đời còn dành cho Tử được bao nhiêu, được bao lâu? Cuộc đời "Ngoài kia" vẫn cứ kì diệu thế, vẫn "cách xa nghìn thế giới" như thế, vẫn cứ cách ở đây hẳn một tầm tuyệt vọng như thế. Tồn tại ở đây, ở trời sâu này thật quá đỗi mong manh. Chỉ có cái tình kia là sợi dây duy nhất níu buộc Tử với ngoài ấy. Thế mà cái tình kia cũng mong manh xa vời làm sao? Câu hỏi cuối cùng khép lại toàn bộ dòng tâm tư bất định này là tiếng thở dài hay là lời cầu mong của một kẻ thiết tha gắn bó đến cháy lòng? Có lẽ là cả hai. Bởi vì uẩn khúc và nghịch lí chính là nét lạ lùng nhất trong cấu trúc của tiếng nói trữ tình "*Đây thôn Vĩ Dạ"*.

Bài thơ "*Đây thôn Vĩ Dạ"* mặc dù đã ra đời từ lâu nhưng vẫn để lại cho người đọc rất nhiều cảm xúc. Bài thơ không chỉ là một bức tranh thiên nhiên tuyệt mĩ mà còn là nỗi lòng của một con người với những tâm sự sâu lắng, với những khát khao yêu đời, yêu người. Hiện nay, theo nhiều đánh giá, bài thơ xứng đáng được xếp vào một trong những thi phẩm xuất sắc của thơ Việt Nam hiện đại.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức

b. Nội dung: HS tóm tắt lại bài viết

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS tóm tắt lại bài viết (khoảng 120 chữ) để tự đánh giá về mức độ chặt chẽ và sự sáng rõ của các luận điểm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ được yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 1 số HS chia sẻ câu trả lời của mình.
- GV quan sát, động viên.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thiện lại bài viết theo phiếu chỉnh sửa.
- Sưu tầm một số bài phân tích, đánh giá tác phẩm thơ của các nhà nghiên cứu, phê bình để học tập cách viết theo quy trình và cách diễn đạt.
- Chuẩn bị bài Nói và Nghe: Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....

NÓI VÀ NGHE

Tiết 21

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Nói và nghe

Nói

- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.

Nghe

- Nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

Nói nghe tương tác

- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

***Tích hợp phát triển năng lực số:**

3.1.NC1a. HS sử dụng công nghệ số để thu thập và xử lí thông tin (Thông tin về tác phẩm, tác giả, nhận định)

3.2.NC1a. HS quản lí thông tin số và môi trường học tập số cá nhân (Tổ chức, sắp xếp tài liệu phục vụ thuyết trình)

2.1.NC1a. HS tương tác và chia sẻ thông tin số một cách phù hợp và có trách nhiệm (Chia sẻ bài thuyết trình, trao đổi, phản hồi)

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện bản thân.
- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, clip, bảng kiểm, phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5 phút)

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS xem clip giới thiệu, đánh giá về "Mùa xuân chín" – Hàn Mặc Tử của Chu Văn Sơn

https://www.youtube.com/watch?v=jtbZOs5xrN0&t=29s

Từ đó thử rút ra kinh nghiệm nói bằng cách trả lời nhanh các câu hỏi:

Phiếu trả lời nhanh

Clip trên có sự tương tác với người nghe không?	
Nội dung clip là gì?	
Clip hướng trọng tâm vào vấn đề gì?	
Nhận xét về ngôn từ được sử dụng trong clip?	
Phần bình và phần đọc thơ làm dẫn chứng có khác nhau về giọng điệu không?	
Hình ảnh có phù hợp với bài nói không?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV trình chiếu một số phiếu trả lời nhanh
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

➔**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Những kinh nghiệm về kĩ năng nói và nghe mà các em đã được học trong bài học 1 sẽ tiếp tục được củng cố trong tiết học hôm nay khi các em học cách trình bày một bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(... phút)

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu chung của việc giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp/nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ: **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Để giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ, các em cần thực hiện những yêu cầu gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**	**I. Tìm hiểu các yêu cầu của bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ** **1.** Cung cấp được các thông tin chung về bài thơ một cách ngắn gọn: tên bài thơ, tác giả, đề tài, thể thơ,… **2.** Làm rõ được niềm hứng thú của bản thân đối với những nét đặc sắc về nội dung và hình thức của một tác phẩm thơ. **3.** Nêu lên quan điểm cá nhân về vấn đề thuyết trình, thuyết phục được người nghe và đặt câu hỏi để mời gọi những thảo luận xa hơn. **4.** Thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ.

Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe

a. Mục tiêu: HS thực hành kĩ năng nói và nghe: giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

b. Nội dung:

- HS xác định được các bước thuyết trình và trình bày được sản phẩm bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

- Biết lắng nghe phần thuyết trình của bạn khác.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1: Em hãy giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử.

Bài tập 2: Em hãy giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm "Mùa xuân xanh" của Nguyễn Bính.

***GV hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của bài thực hành nói và nghe:** Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

TRƯỚC KHI NÓI **a. Mục tiêu:** HS nắm được quy trình của bài nói và nghe, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp. **b. Nội dung:** HS tìm hiểu phần chuẩn bị nói và chuẩn bị nghe. **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS **d. Tổ chức thực hiện:**	
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ***Thao tác 1: Chuẩn bị** **? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**: - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai? - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Em dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Nếu bài nói là sản phẩm của nhóm thì các thành viên thảo luận để thống nhất về nội dung trình bày; có thể phân chia nội dung bài nói (nhiều người cùng tham gia). - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất?	**II. Thực hành nói và nghe** **<u>Bước 1. Chuẩn bị</u>** **1. Chuẩn bị nói:** **a. Lựa chọn đề tài:** - Vấn đề thuyết trình: giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ ("Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử hoặc "Mùa xuân xanh" của Nguyễn Bính.) - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp. - Không gian: lớp học - Thời gian: khoảng 3- 5 phút - Hình thức thuyết trình: lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn. - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với nội dung thuyết trình. - Chuẩn bị nội dung trình bày: + Xem lại dàn ý và bài viết đã hoàn thành ở phần Viết. Chỉnh sửa bài viết thành văn bản phù hợp để nói trong buổi học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ.

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:
- GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:
GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.

***Tích hợp phát triển năng lực số:**
3.1.NC1a Sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, thư viện số,...) để tìm tài liệu, hình ảnh, video minh họa về tác phẩm, tác giả; chọn lọc thông tin đáng tin cậy.
3.2.NC1a Tạo thư mục hoặc sử dụng công cụ đám mây (Google Drive, Onedrive) để lưu trữ, phân loại các slide trình chiếu, hình ảnh, văn bản nghiên cứu một cách khoa học. Sử dụng ứng dụng nhắc nhở để quản lý thời gian chuẩn bị bài.

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:
Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS trả lời cá nhân

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:
- GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị nghe.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:
GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.

***Thao tác 2: Lập dàn ý bài "Đây thôn Vĩ Dạ" (Hàn Mặc Tử" và "Mùa xuân xanh" (Nguyễn Bính)**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:
? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho bài thuyết trình (bài tập 1 và bài tập 2)

+ Tập đọc diễn cảm bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" (hoặc "Mùa xuân xanh") để làm dẫn chứng.

b. Tìm ý và sắp xếp ý:
Xem lại hệ thống luận điểm ở bài viết, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ nét quan điểm và phát hiện của bản thân cần được trình bày trong bài nói.

c. Xác định từ ngữ then chốt:
Cần ghi nhớ những từ ngữ quan trọng đã được dùng trong bài viết nhằm phân tích một điểm sáng nào đó ở bài thơ.

d. Phương tiện hỗ trợ:
- Chuẩn bị bài trình chiếu PowerPoit với các thông tin chắt lọc (có thể triển khai các luận điểm thành gạch đầu dòng, dùng các ký hiệu để nhấn mạnh những từ ngữ trọng tâm đã được xác định ở trên), cần cân nhắc về số lượng slide sử dụng. Có thể sử dụng các kênh âm thanh, kênh hình ảnh (Lưu ý: hình ảnh cần phải tương thích với bài thơ đã chọn).
- Người nói cũng có thể chuẩn bị văn bản tác phẩm thơ sẽ thuyết trình để cung cấp cho người nghe trước khi trình bày bài nói.

2. Chuẩn bị nghe:
- Tìm hiểu trước về tác phẩm hoặc các tác phẩm thơ sẽ được thuyết trình, xem lại những tri thức ngữ văn có liên quan, đọc các tài liệu mà người nói có thể đã chuẩn bị và cung cấp.
- Chuẩn bị tâm thế lắng nghe và xác định các vấn đề chủ yếu cần đối thoại với người nói: những từ ngữ, hình ảnh nên được chú ý phân tích, cách sử dụng thao tác phân tích,…

Bước 2. Lập dàn ý bài "Đây thôn Vĩ Dạ" (Hàn Mặc Tử" và "Mùa xuân xanh" (Nguyễn Bính)

Lưu ý: HS xem lại ở phần Viết và bổ sung, chỉnh sửa dàn ý theo bảng gợi ý cho phù hợp với bài thuyết trình.

"Đây thôn Vĩ Dạ" – Hàn Mặc Tử

Lí do lựa chọn "Đây thôn Vĩ Dạ"	……
Ý nghĩa nhan đề bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ"	……
Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình	……
Vẻ đẹp của hình tượng thơ	……
Tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ	……
Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác	……

(Dựa vào cách tìm ý và lập dàn ý của nội dung Viết đã học tiết trước).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

"Đây thôn Vĩ Dạ" – Hàn Mặc Tử

Lí do lựa chọn "Đây thôn Vĩ Dạ"	……
Ý nghĩa nhan đề bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ"	……
Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình	……
Vẻ đẹp của hình tượng thơ	…….
Tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ	……
Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác	……

"**Mùa xuân xanh"- Nguyễn Bính**

Lí do lựa chọn "Mùa xuân xanh"	……
Ý nghĩa nhan đề bài thơ "Mùa xuân xanh"	……
Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình	……
Vẻ đẹp của hình tượng thơ	……
Tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ	……
Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác	…..

- Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể tập thuyết trình trước bằng cách:

+ Đứng trước gương để tập thuyết trình (nếu chuẩn bị ở nhà)

Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói.

Em có thể nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho

"Mùa xuân xanh" – Nguyễn Bính

Lí do lựa chọn "Mùa xuân xanh"	…….
Ý nghĩa nhan đề bài thơ "Mùa xuân xanh"	…….
Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình	…….
Vẻ đẹp của hình tượng thơ	…….
Tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ	…….
Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác	…….

các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. + Tập thuyết trình bài nói cho bạn bên cạnh nghe, góp ý lẫn nhau. **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận** **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**	

TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. Mục tiêu: Biết cách, tự tin giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong.

c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bảng kiểm đánh giá bài nói: Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

Người thuyết trình:……..

Người nhận xét:…….

TIÊU CHÍ	**Chưa đạt** **(0 điểm)**	**Đạt** **(1 điểm)**	**Tốt** **(2 điểm)**
1. Nội dung bài thuyết trình đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục	Nội dung sơ sài, chưa nêu được đầy đủ các ý làm sáng tỏ vấn đề cho người nghe hiểu.	Nêu được đầy đủ các ý để người nghe hiểu được vấn đề.	Các ý đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, có quan điểm, suy nghĩ mới mẻ.
2. Phong thái tự tin	Không tự tin, rụt rè.	Đã mạnh dạn trình bày bài nói nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên, thiếu tương tác với người nghe.	Tương tác, giao lưu tốt với người nghe.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) kết	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.

hợp hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…phù hợp			
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
Tổng: ...../10 điểm			

***Thao tác 3: Thực hành nói và nghe**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS về yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể, những chú ý khi thuyết trình và lắng nghe sản phẩm.

- GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác.
- Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào **bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình** cho bạn (mẫu phía trên)
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

***Tích hợp phát triển năng lực số:**

2.1.NC1a Sử dụng các ứng dụng trình chiếu (PowerPoint, Google Slides, Canva) để thiết kế bài thuyết trình; sử dụng Email/phần mềm học tập để gửi bài cho giáo viên hoặc chia sẻ với nhóm; sử dụng tính năng bình luận/chat để trao đổi, đặt câu hỏi một cách văn minh, lịch sự.

Bước 3: Thực hành nói và nghe

***Yêu cầu chung:**

- Người nói:

+ Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị.
+ Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…); đảm bảo thời gian quy định.
+ Đảm bảo sự thống nhất giữa giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,…
+ Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có).

- Người nghe:

+ Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm.
+Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.
+ Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình.

*** Yêu cầu chung cụ thể:**

- **Người nói:**

- <u>Mở đầu:</u> Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, có thể sử dụng nhiều cách dẫn dắt khác nhau để tạo không khí cho giờ học.

+ Ví dụ, với bài thơ "Mùa xuân xanh", có thể đặt câu hỏi cho người nghe như: "Mùa xuân là nguồn cảm hứng muôn thuở của thi ca. Có lẽ nhà thơ nào cũng ít nhất một lần từng viết về mùa xuân. Trong thơ ca Việt Nam, các bạn có biết nhà thơ nào viết nhiều nhất về mùa xuân không?
+ Đây không phải là yêu cầu bắt buộc nhưng để tránh việc nói mà như đọc, người nói cần khơi gợi được sự tương tác từ người nghe.

Lưu ý: Có thể chỉ cần chọn một phương diện nào đó về tư tưởng, tình cảm hoặc hình thức nghệ thuật của bài thơ mà mình thấy tâm đắc để thuyết trình.

	- **<u>Triển khai:</u> Trình bày lần lượt các thông tin có trong bài viết theo hình thức tóm lược, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có).** + Dành nhiều thời gian hơn để nói về những giá trị nổi bật của bài thơ mà mình đã cảm nhận được. + Nên nhấn mạnh các thao tác mình đã sử dụng để phát hiện giá trị thẩm mĩ hay tư tưởng trong bài thơ (liên tưởng, đối lập). + Với bài thuyết trình về bài thơ "Mùa xuân xanh", cần nhấn mạnh đến các phương diện: (1) Nhan đề; (2) Mạch thơ; (3) Nhịp điệu; (4) "Mùa xuân xanh": truyền thống và hiện đại. Có thể coi đây là các mục lớn để thiết kế slide trong trường hợp người thuyết trình sử dụng phương tiện trình chiếu. - **<u>Kết luận:</u>** Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện hình thức và nội dung. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ những góc nhìn khác, phát hiện khác về bài thơ. • **Người nghe:** Trong khi nghe bạn thuyết trình, cần: - Có thái độ tôn trọng, đặc biệt quan tâm đến cảm xúc của người thuyết trình. - Ghi chép những ý tưởng trong bài thuyết trình đã khiến mình thực sự thấy hứng thú, những điểm bạn còn băn khoăn, muốn trao đổi. - Chú ý đến phong thái của người thuyết trình (ví dụ: sự tự tin, khả năng điều tiết giọng nói, ngôn ngữ, cử chỉ,…)
TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN VỀ BÀI NÓI **a. Mục tiêu:** HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói thuyết trình trước tập thể **b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi cá nhân. **c. Sản phẩm:** Bảng kiểm đánh giá (tự đánh giá) bài nói, nghe . **d. Tổ chức thực hiện:**	
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn - HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý SGK tr.70.	**III. Trao đổi, thảo luận** **1. Người nghe** - Chia sẻ những điểm bạn thấy hợp lý và hấp dẫn trong bài thuyết trình. - Nêu những điểm còn gây băn khoăn ở bài thuyết trình; góp ý, bổ sung một số nội dung giúp bài nói hoàn thiện hơn. Có thể dựa vào những tri thức ngữ văn trong bài để trao đổi về nội dung và các thao tác phân tích của người nói.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

- Đưa ra góc nhìn khác hay cách cảm thụ khác của mình đối với bài thơ.
- Có thể đặt một số câu hỏi để người nói chia sẻ thêm những cảm xúc về bài thơ.

2. Người nói

- Trả lời những thắc mắc từ phía người nghe.
- Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành đối với những góp ý xác đáng, nghiêm túc.
- Tự đánh giá phần trình bày của mình và chia sẻ thêm về cách trình bày đã lựa chọn.
- Phản hồi và trao đổi với các ý kiến khác với tinh thần tôn trọng và cầu thị.

Lưu ý: Cả người nói và người nghe cùng bổ sung những yêu cầu phải đảm bảo khi giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm thơ.

Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài trình bày

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn được tác phẩm thơ phù hợp để thực hiện yêu cầu giới thiệu, đánh giá.		
2	Nêu được phương diện cần tập trung giới thiệu, đánh giá tác phẩm thơ đã chọn.		
3	Xây dựng được bố cục hợp lý cho bài thuyết trình căn cứ vào đặc điểm của tác phẩm thơ và mục tiêu thuyết trình.		
4	Chú ý đặc trưng của thể loại thơ khi tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình.		
5	Phát huy được ưu thế tác động của tác phẩm thơ khi thực hiện việc tương tác với người nghe.		
6	Sử dụng có hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ.		

Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân

Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/ chưa đạt
- Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:	
+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?	

	+ Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không?	
	+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?	
	- Đánh giá chung:	
	+ Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì?	
	+ Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó?	

Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:

Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	**Đạt/ chưa đạt**
- Kiểm tra kết quả nghe:	
+ Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?	
+ Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ của bạn?	
- Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:	
+ Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?	
+ Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?	

3. HOẠT ĐỘNG 3: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 2)

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

1. Qua bài học này, theo bạn những điều gì làm nên vẻ đẹp của thơ ca?

2. Thảo luận nhóm về một trong các chủ đề: (1) *Tại sao nên đọc thơ?* (2) *Thế nào là một bài thơ hay?*

3. Đọc lại tất cả các tác phẩm thơ đã học trong bài. Sưu tầm, tập hợp một số bài thơ khác cùng thể thơ hoặc cùng đề tài và ghi chép ngắn gọn những điều bạn tâm đắc khi đọc những bài thơ đó.

4. Tìm đọc thêm một số bài phân tích thơ, từ đó rút ra những kinh nghiệm về cảm nhận và phân tích thơ ca.

5. Hãy phân tích một bài thơ được bạn đánh giá là hay (ngoài bài đã được phân tích trong phần Viết của bài học).

Phiếu học tập

Những biểu hiện của vẻ đẹp của thơ ca	
Thế nào là một bài thơ hay	
Kể tên những bài thơ bạn đã đọc và yêu thích	
Một số kinh nghiệm cảm nhận và phân tích thơ ca	

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:
- HS hoàn thành phiếu học tập
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:
- Thảo luận theo cặp: hoàn thành phiếu học tập
Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận.
HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.
Bước 4: Đánh giá sản phẩm bằng điểm.
GV chốt kiến thức</td><td>Phiếu học tập
<table>
<tr><td>Những biểu hiện của vẻ đẹp của thơ ca</td><td>- Vẻ đẹp của mạch cảm xúc nhân vật trữ tình
- Vẻ đẹp của những hình tượng thơ
- Vẻ đẹp của các phương tiện ngôn ngữ</td></tr>
<tr><td>Thế nào là một bài thơ hay</td><td>- Có sự độc đáo trong tổ chức hình tượng
- Mới lạ trong sắp xếp dòng mạch cảm xúc
- Tinh tế tài hoa trong điều khiển các phương tiện ngôn ngữ</td></tr>
<tr><td>Kể tên những bài thơ bạn đã đọc và yêu thích</td><td>- Thơ hai- cư Nhật Bản?
- Thơ Đường Trung Quốc hoặc Việt Nam?
- Thơ mới Việt Nam?</td></tr>
<tr><td>Một số kinh nghiệm cảm nhận và phân tích thơ ca</td><td>- Đi từ các tín hiệu thẩm mĩ để làm bật ra nội dung
- Biết lựa chọn những yếu tố đặc sắc nhất để đi sâu</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (CẢ BÀI HỌC 2)

a. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung:

HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

DẠY HỌC DỰ ÁN:

GV chia lớp thành 4 nhóm với các nhiệm vụ sau:

- Nhóm 1: Nhóm Hoạ sĩ (PP phòng tranh)

Yêu cầu: Triển lãm phòng tranh các bức tranh vẽ minh hoạ vẻ đẹp của Thơ mới (qua thơ Hàn Mặc Tử, thơ Nguyễn Bính,...) (vẽ tối thiểu 2 bức tranh)

- Nhóm 2, 3: Nhóm Phóng viên:

Yêu cầu:

+ Nhóm 2: Làm video giới thiệu về các nhà thơ hai-cư nổi tiếng của Nhật Bản.

+ Nhóm 3: Làm video giới thiệu về các nhà thơ thời Đường nổi tiếng của Trung Quốc.

Video cần cung cấp các thông tin khái quát về cuộc đời, sự nghiệp, một số sáng tác tiêu biểu của tác giả. Mỗi video nghiên cứu về tối thiểu 03 tác giả theo yêu cầu.

- Nhóm 4: **Nhóm sưu tầm, biên soạn:** Những bài phân tích, đánh giá các tác phẩm thơ (thơ hai –cư Nhật Bản, thơ Đường Trung Quốc hoặc Việt Nam và Thơ mới Việt Nam)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập dự án.
- HS truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo thông tin về các tác giả, tác phẩm.
- Cần chú ý đến tính chính xác của các nguồn tư liệu tham khảo.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo thông tin về các tác giả, tác phẩm đã học để rèn luyện tiếp kĩ năng nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.

- Chọn lọc và thu thập các tư liệu: bài viết, tranh ảnh, video,… liên quan đến bài học.
- Đánh giá tư liệu (các thông tin này đã đầy đủ, chính xác và phù hợp chưa? Thông tin có liên quan đến đề tài của bài học không?)

2. Tìm đọc thêm một số bài thơ hai-cư Nhật Bản, thơ của Đỗ Phủ và các nhà thơ Đường Trung Quốc, Việt Nam, thơ Hàn Mặc Tử và các nhà Thơ mới,… có cùng đề tài với các bài thơ đã học.

3. Chuẩn bị bài 3: Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

.....

.....

.....

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu hs sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, thư viện số,...) để tìm tài liệu, hình ảnh, video minh họa về tác phẩm, tác giả; chọn lọc thông tin đáng tin cậy.	3.1.NC1a. HS sử dụng công nghệ số để thu thập và xử lí thông tin (Thông tin về tác phẩm, tác giả, nhận định)
2	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu hs tạo thư mục hoặc sử dụng công cụ đám mây (Google Drive, Onedrive) để lưu trữ, phân loại các slide trình chiếu, hình ảnh, văn bản nghiên cứu một cách khoa học.	3.2.NC1a. HS quản lí thông tin số và môi trường học tập số cá nhân (Tổ chức, sắp xếp tài liệu phục vụ thuyết trình)
3	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu HS Sử dụng các ứng dụng trình chiếu (PowerPoint, Google Slides, Canva) để thiết kế bài thuyết trình; sử dụng Email/phần mềm học tập để gửi bài cho giáo viên hoặc chia sẻ với nhóm; sử dụng tính năng bình luận/chat để trao đổi, đặt câu hỏi một cách văn minh, lịch sự.	2.1.NC1a. HS tương tác và chia sẻ thông tin số một cách phù hợp và có trách nhiệm (Chia sẻ bài thuyết trình, trao đổi, phản hồi)

Tiết …. THỰC HÀNH ĐỌC:

CÁNH ĐỒNG

- Ngân Hoa-

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Đọc

Đọc hiểu nội dung

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc: Dòng chảy cảm xúc và suy tưởng của nhân vật trữ tình về sự sống bất tận gợi lên từ một đóa cúc dại nơi cánh đồng mùa xuân.

- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề;

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của thơ tự do: sự biến hóa của nhịp điệu, sự phóng khoáng trong cách xây dựng hình ảnh thơ, sự dụng công trong cách tổ chức mạch thơ.

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình),... trong bài thơ.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của thơ đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

Đọc mở rộng

- Học sinh đọc được một số bài thơ tự do khác.

2. Phẩm chất

- Yêu mến, nâng niu vẻ đẹp của thiên nhiên gần gũi xung quanh ta

- Trân trọng những tâm hồn tinh tế, nhạy cảm

- Hướng đến lối sống phóng khoáng, chan hòa, hòa hợp với thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, tranh ảnh, clip, bảng kiểm, phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PP vấn đáp:
GV hướng dẫn HS xem một số hình ảnh về hạt nảy mầm trong đất, về những bông cúc dại trên cánh đồng:

https://www.youtube.com/watch?v=5Rz7c_Y6Q2M(Từ 00:00 - 1:00)

https://www.youtube.com/watch?v=MHxDmGhV210 (Từ 2:50 – 3:50)

GV đặt câu hỏi:

- Em nghĩ gì về hình ảnh đất đai, em nghĩ gì về cánh đồng bát ngát, em cảm nhận gì về những đóa cúc dại?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem và suy nghĩ trả lời cá nhân

Bước 3: Báo cáo kết quả

Dự kiến câu trả lời của HS:

- Đất đai đem lại sự sống cho muôn cây, hoa cúc dại giản dị, thuần khiết, trong veo; hạt mầm cựa mình cho thấy sự sống đang nảy lộc đâm chồi…

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.
➔GV dẫn vào bài:

Nhà thơ Ngân Hoa đã tìm thấy gì sau những bông cúc dại, sau những lầy bùn đất đai? Cô trò mình sẽ cùng dạo trên một **"Cánh đồng"** ngôn ngữ để kiếm tìm những vẻ đẹp diệu kì được vẽ ra bởi một tâm hồn Ngân Hoa tinh tế.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Đọc -Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm.
b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút, chia sẻ nhóm để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm.
c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân kết hợp chia sẻ cặp đôi hoàn thành phiếu học tập.
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>HĐ của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP
Tìm hiểu tác giả Ngân Hoa
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 1</td><td>I. Đọc- Tìm hiểu chung
1. Tác giả Ngân Hoa
<table><tr><td>Tên thật</td><td>Tên khai sinh là Nguyễn Thị Ngân Hoa</td></tr></table></td></tr>
</table>

Tác giả ngân Hoa

Tên thật	
Năm sinh	
Vị trí văn học	-
Các tác phẩm	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:
HS chuẩn bị báo cáo (có thể thảo luận cặp đôi)
Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
- GV gọi HS phát biểu
- HS khác lắng nghe, chia sẻ, đặt câu hỏi
Bước 4: Đánh giá, kết luận:
GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Năm sinh	1970
Vị trí văn học	- Là nhà văn, - Là nhà nghiên cứu ngôn ngữ.
Các tác phẩm	Các tác phẩm văn học đã xuất bản: Cánh đồng (Thơ, 1996), Qùa của mùa thu (Tập truyện ngắn, 1996), Những bông huệ (Thơ, 1999).

Tìm hiểu về tác phẩm "Cánh đồng"
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
GV yêu cầu HS quan sát SGK, đọc văn bản và thực hiện phiếu học tập số 2

Bài thơ Cánh đồng

Xuất xứ	
Thể loại	
Phương thức biểu đạt chính	
Nội dung chính	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:
HS đọc chú thích (1), đọc văn bản, sắp xếp thông tin, ghi lại vào vở.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
- GV gọi HS phát biểu
- HS khác lắng nghe, chia sẻ, đặt câu hỏi
Bước 4: Đánh giá, kết luận:
GV nhận xét, chuẩn kiến thức

2. Tìm hiểu về tác phẩm "Cánh đồng"

Xuất xứ	- Trích từ tập "Cánh đồng", NXB Văn học, Hà Nội, 1996 - Thuộc chùm thơ được giải B (Không có giải A) trong cuộc thi Thơ trên tuần báo "Văn nghệ" năm 1995
Thể loại	Thơ tự do
Phương thức biểu đạt chính	Biểu cảm
Nội dung chính	Dòng suy tưởng về sự sống bất tận gợi lên từ một đóa cúc dại nơi cánh đồng mùa xuân

Hoạt động 2.2: Hướng dẫn học sinh đọc hiểu chi tiết văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh cảm nhận, phân tích, đánh giá được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của văn bản:
- Dòng chảy cảm xúc và suy tưởng của nhân vật trữ tình về sự sống bất tận gợi lên từ một đóa cúc dại nơi cánh đồng mùa xuân.

- Những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của thơ tự do: sự biến hóa của nhịp điệu, sự phóng khoáng trong cách xây dựng hình ảnh thơ, sự dụng công trong cách tổ chức mạch thơ.

- Giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình),... trong bài thơ.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và phản hồi.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>HĐ của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
Tìm hiểu văn bản
*GV hướng dẫn cách đọc văn bản:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản dựa vào bảng kiểm.
- Gọi 1 – 2 HS đọc và giải thích các từ khó (nếu có).
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập
+ HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá việc đọc diễn cảm bên dưới.
Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập
- GV và HS cùng đánh giá việc xác định cách đọc và đọc văn bản, tìm hiểu những từ khó hiểu trong văn bản.
- GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức về tác phẩm
+ Đọc diễn cảm (khuyến khích HS ngâm thơ)
+ Hướng dẫn HS nghe đọc mẫu
*GV hướng dẫn HS tìm hiểu chi tiết tác phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
HS thực hiện phiếu học tập số 3, (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ, tự chọn cách thức hoàn thành và chia sẻ)
Cách 1: Kĩ thuật khăn trải bàn
Phiếu 3
</td>
<td>
II. Đọc- Tìm hiểu chi tiết (Suy ngẫm và phản hồi)
1. Đọc:
Yêu cầu đọc:
- Đọc với giọng linh hoạt khi trong trẻo, thuần khiết; lúc chậm rãi, nhẹ nhàng, trầm tĩnh. Chú ý nhấn vào các động từ, tính từ, từ láy, ngắt giữa các ý trong cùng dòng thơ, ngắt các khổ hoặc chuyển ý từ hình ảnh này sang hình ảnh khác...
- Cảm nhận sự biến hóa của nhịp điệu (dài ngắn đan xen), sự phóng khoáng trong cách xây dựng hình ảnh thơ, sự dụng công trong cách tổ chức mạch thơ
- Lắng nghe dòng chảy cảm xúc và suy tưởng của nhân vật trữ tình được biểu hiện một cách sống động, sắc nét trong sự tự do của hình thức thơ ca.
2. Tìm hiểu chi tiết tác phẩm
<table>
<tr><th>Các yếu tố thơ</th><th>Biểu hiện</th><th>Phương tiện biểu hiện</th><th>Nhận xét</th></tr>
<tr><td>Nhan đề</td><td>Cánh đồng</td><td>Danh từ Cánh đồng</td><td rowspan="5">- Mỗi sự vật trên thế gian đều ngầm chứa biết bao bí ẩn kì diệu. Chỉ khi chúng ta yêu thương vạn vật bằng tất cả chân thành thì mới có thể cảm nhận được hết những điều ẩn giấu phía sau chúng:
+ Một đóa hoa đồng nội giản dị, bé nhỏ nhưng lại chứa đựng cả một quy luật sinh tồn vừa vất vả, khắc nghiệt vừa vinh quang hạnh phúc. Một đóa hoa với cánh trắng</td></tr>
<tr><td>Không gian</td><td>Rộng</td><td>Cánh đồng, rộng lớn</td></tr>
<tr><td>Thời gian</td><td>Mùa xuân</td><td>Mùa xuân , hoa, hạt mầm</td></tr>
<tr><td>Hành động của nhân vật trữ tình</td><td>- Hái hoa cắm vào bình gốm
- Chạy giữa</td><td>- Hái về
- Chạy về
- Chân ngập</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

Các yếu tố thơ	Biểu hiện	Phương tiện biểu hiện	Nhận xét
Nhan đề			
Không gian			
Thời gian			
Hành động của nhân vật trữ tình			
Hình ảnh thực			
Hình ảnh gợi lên từ tâm tưởng			
Mạch suy tưởng của nhân vật trữ tình			

Cách 2: <u>Chẳng hạn GV có thể hướng dẫn HS</u> tổ chức 1 buổi sinh hoạt của câu lạc bộ yêu thơ hiện đại

<u>Gợi ý:</u> Bộ câu hỏi thiết kế để trao đổi trong buổi sinh hoạt:

1. **Nhận xét về thời gian, không gian trong bài thơ?**
2. **Nhân vật trữ tình có những hành động nào? Những hành động đó thể hiện tình cảm gì trước thiên nhiên, sự sống?**

	cánh đồng - Dẫm lên đất	trong đất	ngần, nhị vàng tươi, tỏa sức sống làm sáng bừng cả bình gốm sẫm màu, ai mà biết rằng, để đóa hoa ấy rực rỡ, những chiếc lá đã vắt kiệt sức mình đến già nua héo úa để những nụ hoa bé bỏng bật lên mạnh mẽ, để sự sống chớm đến với hơi thở run run trong một sớm xuân với làn sương ẩm ướt + Cũng đóa hoa ấy, không lời mà cất lên biết bao thanh âm lạ lùng và kì ảo. Thì ra hoa có thể tỏa sáng được chính bởi vì đời hoa dù ngắn nhưng đã nếm trải đủ những giai điệu sự sống, khi là những thanh âm lảnh lót, trong veo, khi là một vang rền trầm đục, cũng có lúc nức nở âm u và đôi khi là lặng thầm rực rỡ. Thì ra hoa tươi màu và ngập tràn sự sống chính bởi kiếp hoa đã trải đủ mọi cung bậc cuộc đời. - Cánh đồng mùa xuân đâu chỉ là cái rộng lớn, bát ngát mênh mông. Một tâm hồn tinh tế trước cánh đồng xuân còn nhìn thấy cả những loài hoa chưa kịp mọc, những trái cây chưa kịp ra đời, những hạt mầm đang ngủ trong đất, những đóa hoa nấp dưới đất cày. Trước cánh đồng, tác giả không chỉ thấy bức tranh thiên nhiên mùa xuân mà còn
Hình ảnh thực	- Những đóa cúc cắm nơi bình gốm sẫm màu - Cánh đồng với đất mềm tơi xốp	- Những đóa cúc - Chiếc bình gốm sẫm màu - Cánh đồng mùa xuân rộng lớn - Đất mềm tơi xốp	
Hình ảnh gợi lên từ tâm tưởng	Lá già, hoa bé bỏng, hơi thở, làn sương, những thanh âm với nhiều sắc điệu - Những loài hoa, những trái cây, những hạt mầm, những đóa hoa ẩn nấp, những chiếc bình gốm	Điệp cú pháp, điệp từ ngữ, danh từ hóa tính từ, động từ, cách chia khổ không đều mà phù hợp theo dòng suy tưởng, câu dài ngắn đan xen	

3. Những tạo vật nào hiện hữu thực sự giữa cánh đồng mùa xuân? Tìm các yếu tố ngôn từ thể hiện? **4. Những tạo vật hiện hữu thực sự giữa cánh đồng mùa xuân đã gợi ra những hình ảnh nào trong tâm tưởng nhân vật trữ tình?** **5. Dòng suy tưởng của nhân vật trữ tình trước cánh đồng mùa xuân?** **6. Nhận xét về ngôn từ, giọng điệu, cấu trúc các khổ thơ và các biện pháp tu từ trong bài thơ?** **7. Vẻ đẹp lạ của bài thơ "Cánh đồng" so với một số tác phẩm thi ca cùng thời, cùng chủ đề?** **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ:** + 2 nhóm thảo luận, trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ trên phiếu của mình + Mỗi nhóm thảo luận tìm cách thể hiện kiến thức + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS trình bày nội dung kiến thức đã thảo luận (thuyết trình đơn, thuyết trình đôi, tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ yêu thơ Ngân Hoa, tổ chức trò chơi (tham khảo tư vấn từ GV), tổ chức tọa đàm mà khách mời sẽ là những nhân vật trong thời đại của bài thơ, những nhà nghiên cứu, phê bình,... (do HS đóng vai, tham khảo tư vấn từ GV),...) **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	Mạch suy tưởng của nhân vật trữ tình	- Một đóa cúc gợi lên cả một hành trình sinh tồn - Cánh đồng với đất đai màu mỡ gợi lên cả một sự sinh sôi bất tận với sự sống mãnh liệt không dừng - Đất cày sẵn sàng dâng hiến những bình gốm để nâng niu vẻ đẹp của những loài hoa		nhìn thấy sự tiếp nối bất tận của sự sống. -Kể cả khối đất cày nâu sẫm, tác giả không chỉ thấy sự sinh tồn mãnh liệt nơi đó mà còn nhìn thấy cả sự hiến dâng cao cả. Đất cày không chỉ tạo nên sự sống mà còn sẵn sàng điểm tô và tôn vinh vẻ đẹp đa sắc màu của sự sống mà chính nó tạo nên -Bằng tình yêu thiết tha với sự sống với thiên nhiên tạo vật quanh mình, nhà thơ đã lắng nghe, đã nhìn thấy và thấu cảm được những tiếng nói không lời của đất đai, cây cỏ. Một đóa hoa nhỏ cũng là cả sự kết tinh hương sắc cuộc đời, cũng là cả hành trình sinh tồn khắc nghiệt mà đẹp tươi. Một cánh đồng mùa xuân đâu chỉ là bức tranh sự sống hiện hữu mà còn là cả sự tiếp nối vĩnh cửu của sự sinh sôi, nảy nở muôn đời. Đất cày mộc mạc cũng ẩn giấu biết bao dâng hiến lặng thầm cho cuộc đời này thêm tươi thắm -Giọng điệu thay đổi liên tục, khi ngắn như một phát hiện bất ngờ, khi dài như một chiêm nghiệm sâu xa -Những điệp cú pháp, điệp từ nối tiếp đan chen nhau như những bất tận của sự sống -Danh từ hóa tính từ, danh từ hóa động từ cũng

				là cách giúp người đọc thấy được tất cả vẻ đẹp đa sắc màu của sự sống - Cách gọi âm thanh mà không cần đến một từ chỉ thanh âm nào vẫn có thể giúp người đọc hình dung những cung điệu khi cao khi trầm thành tiếng, khi ẩn nơi lồng ngực, khi giấu kín nơi tâm tư -Những câu phủ định tiếp nối nhau chính là để khẳng định sự tiếp nối không bao giờ dừng lại của sự sinh sôi Những cấu trúc C-V vắt từ dòng nọ sang dòng kia như những chiêm nghiệm không bao giờ cạn kiệt -Cách chia khổ cũng tương ứng với dòng tâm tư, dòng suy tưởng của thi sĩ	

Bảng kiểm kĩ năng đọc

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo đọc đúng chính tả	
2	Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được xúc cảm, tâm tư nhà thơ.	
3	Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện sâu sắc xúc cảm, tâm tư nhà thơ.	
4	Ngâm thơ giúp người nghe như sống trong thế giới thơ ca	
5	Phổ nhạc, phối khí đem lại sức sống mới lạ cho bài thơ	

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung		
2	Cách thể hiện phong phú không đơn điệu		
3	Thiết kế phần trình bày thành chương trình/tiết mục sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		

5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS
- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Theo em, điều gì làm nên vẻ đẹp của bài thơ " Cánh đồng"? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** **HS:** - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. **GV:** theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân kết hợp trao đổi nhóm (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Đặc sắc nghệ thuật** - Hình thức thơ ca tự do, xây dựng hình tượng thơ phóng khoáng - Tác giả dụng công trong tổ chức mạch thơ với sự chuyển lưu liên hồi tạo liên kết độc đáo cho toàn bài - Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, thuần khiết kết hòa các tính từ, danh từ, trạng từ, từ láy,… - Giọng điệu biến hóa khi trong trẻo, rộn ràng, khi lắng sâu, tha thiết - Các biện pháp tu từ phong phú mang hiệu quả nghệ thuật cao. **2. Giá trị nội dung** Bài thơ là dòng chảy cảm xúc và suy tưởng của nhà thơ trước sự hiện hữu của thiên nhiên tạo vật: Vẻ đẹp cuộc sống không giản đơn ở những gì ta nhìn thấy mà nó ẩn rất sâu trong lòng tạo vật. Hãy yêu cuộc sống thiết tha, nhìn cuộc đời bằng con mắt thật tinh tế để có thể thấu cảm tất cả những diệu kì mà cuộc sống ban tặng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung:

HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn phân tích theo chủ đề

c. Sản phẩm: Đoạn văn HS viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận một câu thơ hay một hình ảnh gợi cho bạn nhiều ấn tượng và cảm xúc trong bài thơ ***Cánh đồng*** **– Ngân Hoa.** (có thể cho về nhà)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ.	

2	Đoạn văn đúng chủ đề: cảm nhận một câu thơ hay một hình ảnh gợi cho bạn nhiều ấn tượng và cảm xúc trong bài thơ ***Cánh đồng* – Ngân Hoa.**	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo

Một cú chạm nhẹ như một lần xẹt qua của tia chớp lạ làm lóe sáng tất cả những vẻ đẹp tiềm ẩn, những huyền cơ còn giấu kín. Bông cúc bé nhỏ hiện hữu nhưng lại gợi trong tâm tưởng nhân vật trữ tình một thước phim chậm về cả một hành trình sinh tồn gian khổ, khắc nghiệt mà đẹp đẽ, vinh quang. Cúc tỏa sáng bởi cây đã vắt kiệt sức trong những chiếc lá già nua. Cúc rực rỡ bởi nó đã bắt đầu từ một nụ hoa bé bỏng. Cúc thắm sắc đã bắt đầu vẻ đẹp bằng hơi thở run run. Cúc đã lớn lên bởi những làn sương ẩm ướt. Đóa hoa bé nhỏ ấy đã lắng nghe mọi thanh âm từ cuộc sống này. Có khi đó là những âm cất cao lảnh lót, có khi là thanh vang rền, trầm đục, có khi là những khổ đau nức nở âm u được giữ nơi lồng ngực và có khi lại là cả những thanh âm không lời, là những hiến dâng âm thầm, lặng lẽ,… Những suy tưởng bất tận ấy không thể đóng khung trong những vần thơ đầy niêm và luật, cũng không thể được ghim cố định trong những từ loại có sẵn. Những câu thơ dài, kết hợp cùng phép điệp cấu trúc – liệt kê, được diễn đạt bằng cách danh từ hóa tính từ, danh từ hóa động từ, tất cả hòa điệu cùng tâm hồn đa cảm, phóng khoáng của nhà thơ trẻ tài năng mang tên Ngân Hoa và "Cánh đồng".

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập trong thực tiễn.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân và kết hợp nhóm thực hiện bài tập dự án.

c. Sản phẩm: Bài tập dự án.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

1. HS tập làm thơ hiện đại
2. HS tìm hiểu thêm cuộc thi thơ trên tuần báo Văn nghệ 1995
3. Tổ chức câu lạc bộ: Người yêu thơ hiện đại…

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài thơ của Ngân Hoa.
- Sưu tầm một số bài thơ hiện đại nổi tiếng.
- Chuẩn bị bài: Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....